

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành; Nghị định 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Thực hiện Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 12 Danh mục thủ tục hành chính (Phụ lục I) mới ban hành, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Công khai Danh mục thủ tục hành chính này tại Điều 1, Quyết định này trên Trang thông tin điện tử, trụ sở làm việc và nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 02/2017/TTVPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

2. Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh thực hiện đăng tải đầy đủ Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Danh mục, nội dung cụ thể của thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, địa chỉ www.ninhbinh.gov.vn.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố quy trình nội bộ và hoàn thiện quy trình điện tử đối với thủ tục hành chính lĩnh vực hộ tịch nêu tại Điều 1 Quyết định này theo quy định; công khai đầy đủ nội dung của các thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: dichvucong.gov.vn; Cổng Dịch vụ công của tỉnh, địa chỉ: dichvucong.ninhbinh.gov.vn theo quy định.

Điều 3. Bãi bỏ 07 thủ tục hành chính (*Phụ lục II*) tại Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, VP3, VP7.

MT11/VP7/2023/CB-TTHC -TNMT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tổng Quang Thìn

Phụ lục I
DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG,
UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3 /2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
I	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC							
1	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển, nước dưới đất	- 10 ngày làm việc đối với Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển - 15 ngày làm việc đối với Đăng ký khai thác sử dụng nước dưới đất	Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc UBND cấp xã	Nghị quyết 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình	X	Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ		X
2	Trả lại giấy phép	10 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công	Nghị quyết 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình	X	Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ		X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
				dân tỉnh Ninh Bình				
3	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh 1.001740.000.00.00.H42	- 40 ngày làm việc Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh. - 67 ngày làm việc Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh	Trung tâm phục vụ hành chính công	Nghị quyết 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình	X	Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ		X

II.THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
							Toàn trình	Một phần	
II. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC									
1	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngàyđêm 1.004232.000.00.00.H42	36 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nghị quyết 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình	X	Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ		X	
2	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm 1.004228.000.00.00.H42	31 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nghị quyết 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình	X	Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ		X	
3	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm 1.004223.000.00.00.H42	36 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nghị quyết 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình	X	Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ		X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
							Toàn trình	Một phần	
4	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm 1.004211.000.00.00.H42	31 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nghị quyết 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình	X	Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ		X	
5	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày	36 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nghị quyết 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình	X	Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ		X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
							Toàn trình	Một phần	
	đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm 1.004179.000.00.00.H42								
6	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 20 triệu m ³ trở lên; hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 2m ³ /giây trở lên và có dung tích toàn bộ từ 03 triệu m ³ trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước khác cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng khai thác từ 5m ³ /giây trở lên; phát	31 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nghị quyết 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình	X	Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ		X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
							Toàn trình	Một phần	
	điện với công suất lắp máy từ 2.000 kw trở lên; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 50.000m ³ /ngày đêm trở lên; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng từ 1.000.000 m ³ /ngày đêm 1.004167.000.00.00.H42								
7	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước 1.000824.000.00.00.H42	- 16 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nghị quyết 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình	X	Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ		X	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến	
							Toàn trình	Một phần
I. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC								
1	Đăng ký khai thác nước dưới đất 1.001662.000.00.00.H42	10 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện	Nghị quyết 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình	X	Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ		X
2	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh 1.001645.000.00.00.H42	- 30 ngày làm việc đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; - 40 ngày làm việc đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện	Nghị quyết 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình	X	Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ		X

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
I. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC				
1	1.004232.000.00.00.H42	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ	Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
2	1.004228.000.00.00.H42	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ	Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
3	1.004223.000.00.00.H42	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ	Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
4	1.004211.000.00.00.H42	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ	Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở Tài nguyên và

				Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
5	1.004179.000.00.00.H42	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm	Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ	Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
6	1.004167.000.00.00.H42	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 20 triệu m ³ trở lên; hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản	Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ	Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

		với lưu lượng từ 2m ³ /giây trở lên và có dung tích toàn bộ từ 03 triệu m ³ trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước khác cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng khai thác từ 5m ³ /giây trở lên; phát điện với công suất lắp máy từ 2.000 kw trở lên; cho các mục đích khác với lưu lượng từ 50.000m ³ /ngày đêm trở lên; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng từ 1.000.000 m ³ /ngày đêm		
7	1.000824.000.00.00.H42	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ	Thủ tục hành chính này ban hành tại Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

**NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC
TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NINH BÌNH**

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

1. Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển, nước dưới đất

1.1 Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp

a) Trình tự thực hiện: Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát, lập danh sách tổ chức, cá nhân có công trình khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển thuộc diện phải đăng ký trên địa bàn; thông báo và phát 02 tờ khai theo Mẫu 37 và Mẫu 38 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 02/2023/NĐ-CP cho tổ chức, cá nhân để kê khai.

Trường hợp chưa có công trình khai thác, tổ chức, cá nhân phải thực hiện việc đăng ký khai thác trước khi tiến hành xây dựng công trình.

b) Cách thức thực hiện:

- *Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân hoàn thành 02 tờ khai và nộp cho Trung tâm phục vụ hành chính công hoặc nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai cho Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh.

- *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:* Sở Tài nguyên và Môi trường (Cơ quan xác nhận đăng ký) kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận việc đăng ký và gửi trả kết quả qua Trung tâm Phục vụ HCC để trả 01 bản cho tổ chức, cá nhân.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước mặt, nước biển: Mẫu 37 và Mẫu 38 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 02/2023/NĐ-CP.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân, cơ quan xác nhận đăng ký có trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận vào tờ khai và gửi 01 bản cho tổ chức, cá nhân.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kết quả của thủ tục Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển, nước dưới đất do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo Mẫu 37 và Mẫu 38 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 02/2023/NĐ-CP.

h) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tài nguyên nước 2012.

- Nghị định 02/2023/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố (nơi xây dựng công trình)

1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đăng ký:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân:(1)

1.2. Địa chỉ liên hệ:

1.3. Số điện thoại, địa chỉ email liên hệ (nếu có):

2. Thông tin về công trình khai thác:

2.1. Trường hợp có một (01) công trình khai thác, sử dụng nước mặt

a. Vị trí công trình:

b. Nguồn nước khai thác:

c. Mục đích khai thác, sử dụng:

d. Lưu lượng khai thác:

đ. Phương thức khai thác, sử dụng nước:

e. Chế độ khai thác, sử dụng nước:

2.2. Trường hợp có từ hai (02) công trình khai thác trở lên: Kê khai đầy đủ theo mẫu phụ lục đi kèm tờ khai đăng ký này.

3. Cam kết của tổ chức, cá nhân đăng ký:

- (Tên tổ chức/cá nhân đăng ký) cam đoan các nội dung, thông tin trong Tờ khai này là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (Tên tổ chức/cá nhân đăng ký) cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố (nơi xây dựng công trình) xem xét, xác nhận việc đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt cho (tổ chức/cá nhân đăng ký)./.

....., ngày..... tháng năm.....

Tổ chức/cá nhân đăng ký

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

(1) Đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập, Giấy đăng ký kinh doanh/đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo chứng minh nhân dân/căn cước công dân.

(2) Ghi rõ tên địa danh (thôn/ấp; xã/phường; quận/huyện; tỉnh/thành phố nơi xây dựng công trình khai thác, sử dụng nước mặt; tọa độ X, Y các hạng mục chính công trình (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiếu 3^o) đo bằng GPS cầm tay hoặc đo bằng thiết bị tương đương).

Mẫu 38

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC BIỂN

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố (nơi xây dựng công trình)

1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đăng ký:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân:

(Đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập, Giấy đăng ký kinh doanh/đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo căn cước công dân).

1.2. Địa chỉ liên hệ:

1.3. Số điện thoại, địa chỉ email liên hệ (nếu có):.....

2. Thông tin về công trình khai thác:

2.1. Trường hợp có một (01) công trình khai thác

a. Vị trí công trình (Bao gồm vị trí lấy nước biển, vị trí sử dụng, vị trí xả):

Ghi rõ tên địa danh (thôn/ấp; xã/phường, quận/huyện; tỉnh/thành phố nơi xây dựng công trình khai thác, sử dụng nước biển; tọa độ X,Y các hạng mục chính công trình (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiếu 3°) đo bằng GPS cầm tay hoặc đo bằng thiết bị tương đương).

b. Nguồn nước tiếp nhận nước biển sau khi sử dụng:

c. Mục đích khai thác:

d. Lưu lượng khai thác:

đ. Phương thức khai thác và phương thức xả:

e. Chế độ khai thác sử dụng:

2.2. Trường hợp có từ hai (02) công trình khai thác trở lên: Kê khai đầy đủ theo mẫu phụ lục đi kèm tờ khai đăng ký này.

3. Cam kết của tổ chức, cá nhân đăng ký:

- (Tên tổ chức/cá nhân đăng ký) cam đoan các nội dung, thông tin trong Tờ khai này là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (Tên tổ chức/cá nhân đăng ký) cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố (nơi xây dựng công trình) xem xét, xác nhận việc đăng ký khai thác nước biển cho (tổ chức/cá nhân đăng ký)./.

....., ngày..... tháng..... năm

Tổ chức/cá nhân đăng ký

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

Phụ lục

Số	Tên	Hình công trình khai thác (cống, trạm bơm, kênh dẫn...)	Địa điểm lấy nước biển			Nguồn nước tiếp nhận sau khi sử dụng			Thời gian khai thác, sử dụng	Số lượng khai thác, sử dụng (m ³ /ngày)	Ghi chú
			Huyện, tỉnh	Huyện, tỉnh	Huyện, tỉnh	Huyện, tỉnh	Huyện, tỉnh				
1)	2)	(3)	4)	5)	6)	7)	8)	9)	10)	11)	12)

1.2. Thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất

a) Trình tự, thủ tục đăng ký đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 17 của Nghị định 02/2023/NĐ-CP (Sử dụng nước dưới đất tự chảy trong moong khai thác khoáng sản để tuyền quặng mà không gây hạ thấp mực nước dưới đất hoặc bơm hút nước để tháo khô lượng nước tự chảy vào moong khai thác khoáng sản).

Tổ chức, cá nhân sử dụng nước dưới đất tự chảy trong moong khai thác khoáng sản để tuyền quặng mà không gây hạ thấp mực nước dưới đất hoặc bơm hút nước để tháo khô lượng nước tự chảy vào moong khai thác khoáng sản kê khai 02 tờ khai đăng ký theo Mẫu 36 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 02/2023/NĐ-CP gửi Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có công trình.

b) Cách thức thực hiện:

- *Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân sử dụng nước dưới đất tự chảy trong moong khai thác khoáng sản để tuyền quặng mà không gây hạ thấp mực nước dưới đất hoặc bơm hút nước để tháo khô lượng nước tự chảy vào moong khai thác khoáng sản kê khai 02 tờ khai đăng ký theo Mẫu 36 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 02/2023/NĐ-CP gửi Trung tâm phục vụ hành chính công nơi có công trình.

- *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:* Sở Tài nguyên và Môi trường (Cơ quan xác nhận đăng ký) gửi kết quả ra Trung tâm Phục vụ HCC để trả 01 bản tờ khai đã được xác nhận cho tổ chức, cá nhân.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất: Mẫu 36 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 02.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân, cơ quan xác nhận đăng kí có trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận vào tờ khai và gửi một (01) bản cho tổ chức, cá nhân.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kết quả Thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất theo Mẫu 36 Phụ lục kèm theo Nghị định 02/2023/NĐ-CP.

h) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tài nguyên nước 2012.

- Nghị định 02/2023/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

(đối với trường hợp sử dụng nước dưới đất tự chảy trong moong khai thác khoáng sản để tuyền quặng, bơm hút nước để tháo khô mỏ)

A - PHẦN DÀNH CHO TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đăng ký:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân:

(Đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/số định danh cá nhân).

1.2. Địa chỉ liên hệ:

1.3. Số điện thoại liên hệ:

2. Thông tin về công trình:

2.1. Vị trí, tên công trình/dự án:

(Ghi rõ thôn/ấp; xã/phường; quận/huyện; tỉnh/thành phố nơi đặt công trình khai thác nước dưới đất)

2.2. Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp (nếu có):

2.3. Kích thước moong khai thác:

2.4. Lượng nước để bơm hút tháo khô mỏ: ($m^3/ngày đêm$);

2.4. Chế độ

2.5. Thời gian đăng ký:

Cam kết của tổ chức/cá nhân đăng ký công trình khai thác nước dưới đất (về tính chính xác, trung thực, thông tin số liệu trong tờ khai đăng ký; về trách nhiệm bảo vệ về tài nguyên môi trường).

....., ngày..... tháng..... năm

Tổ chức/cá nhân đăng ký

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

B - PHẦN XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ

(Xác nhận, ký, đóng dấu)

Cơ quan đăng ký khai thác nước dưới đất xác nhận các nội dung sau:

1. Tính xác thực về tư cách pháp nhân của tổ chức / cá nhân xin đăng ký.

2. Vị trí, tên công trình/dự án.

3. Quy định trường hợp không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất thì thông báo và trả Tờ khai cho cơ quan quản lý hoặc thông báo trực tiếp; thực hiện việc trám, lấp giếng

theo quy định khi không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất; thông báo ngay cho cơ quan quản lý khi có sự cố nghiêm trọng xảy ra trong quá trình khai thác nước dưới đất tại công trình đăng ký.

2. Trả lại giấy phép tài nguyên nước do tỉnh cấp

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ: Chủ giấy phép nộp hồ sơ Trung tâm Phục vụ hành chính công thì thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua Bộ phận một cửa hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là Bộ phận Một cửa).

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ: Bộ phận Một cửa có trách nhiệm kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ và quyết định chấp thuận trả lại giấy phép: Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký Quyết định chấp thuận đề nghị trả lại giấy phép tài nguyên nước.

- Bước 4. Trả kết quả hồ sơ: Bộ phận Một cửa thông báo cho Chủ giấy phép đến Bộ phận một cửa nhận quyết định.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ: Chủ giấy phép nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận một cửa hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến.

- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Bộ phận Một cửa trả Quyết định chấp thuận đề nghị trả lại giấy phép tài nguyên nước.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ bao gồm: - Đơn đề nghị trả lại giấy phép; - Tài liệu chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (nếu có);

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký Quyết định chấp thuận đề nghị trả lại giấy phép tài nguyên nước

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính : Kết quả của thủ tục Trả lại giấy phép tài nguyên nước do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp theo Mẫu 19 ban hành kèm theo Phụ lục Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị trả lại giấy phép: Mẫu 10 Phụ lục Nghị định số 02/2023/NĐCP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép tài nguyên nước đã được cấp nhưng chủ giấy phép không sử dụng hoặc không có nhu cầu sử dụng tiếp thì có quyền trả lại cho cơ quan cấp giấy phép và thông báo lý do.

- Giấy phép tài nguyên nước đã được cấp nhưng quy mô công trình thay đổi dẫn đến thay đổi thẩm quyền cấp giấy phép thì chủ giấy phép trả lại giấy phép đã được cấp cho cơ quan có thẩm quyền sau khi được cấp giấy phép mới.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI GIẤY PHÉP TÀI NGUYÊN NƯỚC

Kính gửi: (1)

1. Thông tin về chủ giấy phép:

1.1. Tên chủ giấy phép:.....

1.2. Địa chỉ:

1.3. Điện thoại:..... Fax:..... Email.....

1.4. Giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước số:... ngày ...tháng... năm..... do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp; thời hạn của giấy phép...

2. Lý do đề nghị trả lại giấy phép..... (2)

3. Các giấy tờ, tài liệu có liên quan nộp kèm theo Đơn này (nếu có).

4. Cam kết của chủ giấy phép:

- (Chủ giấy phép) cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (Chủ giấy phép) cam kết liên quan đến việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác liên quan đến khai thác, sử dụng nước theo quy định của pháp luật (tài liệu chứng minh kèm theo) đến thời điểm trả lại giấy phép.

Đề nghị (tên cơ quan cấp phép) xem xét, chấm dứt hiệu lực của Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số:..... ngày..... tháng..... năm..... do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp cho (tên chủ giấy phép)/.

..... ngày..... tháng..... năm

Chủ giấy phép

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN:

(1) Tên cơ quan cấp phép: Ghi Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp tỉnh/Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh (theo quy định tại Điều 28 của Nghị định này).

(2) Trình bày rõ lý do đề nghị trả lại giấy phép.

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chấp thuận đề nghị trả lại Giấy phép tài nguyên nước
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan cấp phép;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ..... (1);

Xét Đơn đề nghị trả lại Giấy phép... (2) số:.....ngày.... tháng... năm do (tên của cơ quan cấp phép cấp phép) của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị trả lại giấy phép);

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận đề nghị của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị trả lại giấy phép) có địa chỉ tại (đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ hộ khẩu thường trú) trả lại Giấy phép(2) số ngày ... tháng ... năm ... do (tên của cơ quan cấp phép cấp phép) đối với (tên công trình) với nội dung cụ thể như sau:

1. Lý do trả lại giấy phép: (3)

2. Giấy phép (2) số ngày ... tháng ... năm ... hết hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm ... và mọi quyền lợi của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị trả lại giấy phép) liên quan đến Giấy phép nêu trên đều chấm dứt.

Điều 2. Các yêu cầu đối với (tên tổ chức/cá nhân đề nghị trả lại giấy phép):

..... (4)

Điều 3. Cục Quản lý tài nguyên nước/Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài nguyên dùng chung của trung ương và địa phương.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...;
- Cục thuế tỉnh/thành phố.....;
-

- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép, cơ quan trình cấp phép.

- (1) Ghi các căn cứ khác liên quan (nếu có).
- (2) Ghi rõ tên loại giấy phép (giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất, nước mặt, nước biển).
- (3) Trình bày rõ lý do trả lại giấy phép.
- (4) Các yêu cầu cụ thể đối với từng trường hợp khai thác, sử dụng nước do cơ quan cấp phép quy định (yêu cầu về: hoàn thành nghĩa vụ tài chính, trám lấp giếng...).

3. Lấy ý kiến UBND cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ:

Chủ đầu tư dự án gửi văn bản lấy ý kiến kèm theo hồ sơ (theo khoản 3 Điều 2 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023) đến Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:

Trung tâm Phục vụ hành chính công chuyển hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường. Sở có trách nhiệm kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ.

- Bước 3: Thực hiện lấy ý kiến và ra văn bản trả lời:

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp, gửi văn bản xin ý kiến hoặc đối thoại trực tiếp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng; tổng hợp ý kiến trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt ra văn bản trả lời.

- Bước 4. Trả kết quả:

Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản trả lời ra Trung tâm Phục vụ HCC để trả cho Chủ đầu tư.

b) Cách thực thực hiện:

- Nộp hồ sơ: Chủ đầu tư dự án gửi văn bản lấy ý kiến kèm theo hồ sơ tới Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Thực hiện lấy ý kiến và ra văn bản trả lời: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức lấy ý kiến, chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp bổ sung các số liệu, báo cáo, thông tin về dự án nếu các cơ quan có yêu cầu và trực tiếp báo cáo, thuyết minh, giải trình tại các cuộc họp lấy ý kiến để làm rõ các vấn đề liên quan đến dự án. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý. Văn bản góp ý và tổng hợp tiếp thu, giải trình là thành phần của hồ sơ dự án khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt ra văn bản trả lời.

- Trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản trả lời ra Trung tâm Phục vụ HCC để trả cho Chủ đầu tư.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định số lượng hồ sơ

- Thuyết minh và thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình (báo cáo nghiên cứu khả thi) kèm theo tờ trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định dự án;

- Kế hoạch triển khai xây dựng công trình;

- Tiến độ xây dựng công trình;

- Dự kiến tác động của việc khai thác, sử dụng nước và vận hành công trình đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác có khả năng bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành công trình, thời gian công trình không vận hành;

- Các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, đảm bảo nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác có khả năng bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành công trình, thời gian công trình không vận hành;

- Các thông tin quy định tại khoản 1 điều 3 của Nghị định số 02/2023/NĐ- CP của Chính phủ ngày 01/02/2023;

- Các số liệu, tài liệu khác liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

- Quy mô, phương án chuyển nước (đối với dự án có chuyển nước)

d) Thời hạn giải quyết:

* *Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh:*

Trong thời hạn bốn mươi (40) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp hoặc đối thoại trực tiếp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng; tổng hợp ý kiến trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi cho chủ đầu tư.

* *Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh:*

- Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi các tài liệu liên quan đến các đơn vị liên quan xin ý kiến.

- Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, Tổ chức lưu vực sông (nếu có) có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho chủ đầu tư; Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với sở, ban, ngành liên quan thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng hoặc đối thoại trực tiếp với chủ dự án; tổng hợp ý kiến và trình Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi cho chủ đầu tư.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời xin ý kiến.

h) Kinh phí: Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do chủ dự án chi trả.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

II. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

1. Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000m³/ngày đêm

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là Bộ phận Một cửa).

- Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Bộ phận Một cửa có trách nhiệm kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ và quyết định cấp phép:

Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án; nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định đề án.

+ Trường hợp đủ điều kiện cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép.

+ Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là mười tám (18) ngày làm việc.

+ Trường hợp phải lập lại đề án, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung đề án chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ đề nghị cấp phép.

- Bước 4. Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.

b) Cách thức thực hiện:

- *Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Một cửa hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ

công trực tuyến.

- *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:*

+ Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép (đối với trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép) hoặc nội dung đề án chưa đạt yêu cầu, phải làm lại (đối với trường hợp phải lập lại).

+ Bộ phận Một cửa thông báo và trả giấy phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (đối với trường hợp đủ điều kiện cấp phép).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép.
- Đề án thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 200 m³/ngày đêm trở lên, thiết kế giếng thăm dò đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm.

d) Thời hạn giải quyết: 36 ngày làm việc

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định đề án:* Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án.

- *Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án* không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là mười tám (18) ngày làm việc.

- *Thời hạn trả giấy phép:* Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Sở Tài nguyên và Môi trường, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính :

Kết quả của thủ tục Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000m³/ngày đêm theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Phụ lục Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

h) Phí thẩm định: Nghị quyết 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép: *Mau 01 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP*
- Đề án thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 200 m³/ngày đêm: *Mẫu 21 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.*
- Thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất (đối với công trình có quy mô nhỏ hơn

200 m³/ngày đêm): *Màu 22 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.*

- Giấy phép thăm dò nước dưới đất: *Màu 11 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.*

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Có đề án phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch tỉnh, quy định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, quy hoạch chuyên ngành có liên quan đã được phê duyệt hoặc phù hợp với khả năng nguồn nước nếu chưa có các quy hoạch và quy định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất. Đề án phải do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường lập; thông tin, số liệu sử dụng để lập đề án phải đảm bảo đầy đủ, rõ ràng, chính xác và trung thực.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012.
- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi:(1)

1. Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân (*đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/số định danh cá nhân*):

1.2. Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi cấp, ngày cấp hoặc số Quyết định thành lập, cơ quan ký quyết định (*đối với tổ chức*)/số Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/số định danh cá nhân (*đối với cá nhân*):

1.3. Địa chỉ (*đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi địa chỉ hộ khẩu thường trú*):

1.4. Điện thoại: Fax: Email:

2. Nội dung đề nghị cấp phép:

2.1. Vị trí công trình thăm dò:(2)

2.2. Mục đích thăm dò:(3)

2.3. Quy mô thăm dò:(4)

2.4. Tầng chứa nước thăm dò:(5)

2.5. Thời gian thi công:(6)

3. Giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo Đơn này gồm có:

- Đề án thăm dò nước dưới đất (*đối với công trình có quy mô từ 200 m³/ngày đêm trở lên*).

- Thiết kế giếng thăm dò (*đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm*).

- Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan.

4. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:

- (*Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (*Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các

quy định của Giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 4 Điều 14 của Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

- (*Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) kiến nghị các nội dung cấp phép đối với cơ quan cấp phép (*nếu có*).

Đề nghị (*tên cơ quan cấp phép'*) xem xét, phê duyệt Đề án và cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất cho (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*).!.

.... ngày tháng năm

Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngàythángnăm....

GIẤY PHÉP THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP**

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan cấp phép;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) ngày tháng năm..... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép), địa chỉ tại (đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ hộ khẩu thường trú) thăm dò nước dưới đất theo đề án (tên đề án), với các nội dung chủ yếu sau đây:

3. Mục đích thăm dò:

4. Quy mô thăm dò:

3. Vị trí công trình thăm dò (ghi rõ địa chỉ cụ thể hoặc thôn/ấp..., xã/phường..., huyện/quận..., tỉnh/thành phố..., nơi bố trí công trình thăm dò; trường hợp công trình thăm dò bố trí trong nhiều đơn vị hành chính thì ghi cụ thể các đơn vị hành chính nơi đặt các công trình thăm dò và tọa độ các điểm góc giới hạn phạm vi bố trí công trình thăm dò theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiếu):

(có sơ đồ bố trí công trình thăm dò kèm theo)

4. Tầng chứa nước thăm dò:

5. Khối lượng các hạng mục thăm dò chủ yếu gồm:

(có bảng tổng hợp khối lượng thăm dò kèm theo)

6. Thời hạn của giấy phép là 02 năm.

Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với (tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép):

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

2. Thực hiện việc lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định (đối với trường hợp công trình có quy mô từ 12.000 m³/ngày đêm trở lên và không có yếu tố bí mật quốc gia);

3. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 14 của Nghị định này;
4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến thiết kế, thi công công trình thăm dò;

Điều 3. Cục Quản lý tài nguyên nước/Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài nguyên dùng chung của trung ương và địa phương.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu (*tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép*) còn tiếp tục thăm dò nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP
(*ký, ghi họ tên, đóng dấu*)

Nơi nhận:

- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...;

..... ;

Lưu: VT, hồ sơ cấp phép; cơ quan trình cấp phép.

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)
(Trang bìa trong)

THIẾT KẾ

GIẾNG THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

.....(1)

(Đối với công trình thăm dò có quy mô nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
Ký (đóng dấu nếu có)

ĐƠN VỊ LẬP
Ký, đóng dấu

Địa danh, tháng..../năm. ¹

¹ Ghi tên công trình, vị trí và lưu lượng thiết kế

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG HỒ SƠ THIẾT KẾ GIẾNG THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

(Đối với công trình thăm dò có quy mô nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm)

Mở đầu

1. Trình bày tóm tắt các thông tin của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất (*tên, địa chỉ trụ sở chính, lĩnh vực hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập đối với tổ chức; họ tên, số CMND/căn cước công dân/số định danh cá nhân, nơi cấp, ngày cấp theo Chứng minh nhân dân, địa chỉ thường trú đối với cá nhân*).

2. Thuyết minh nhu cầu sử dụng nước, mục đích thăm dò, trường hợp thăm dò nước dưới đất để cấp nước cho nhiều mục đích thì phải thuyết minh rõ lưu lượng cấp cho từng mục đích sử dụng.

3. Khái quát các nội dung cơ bản của hồ sơ thiết kế giếng, bao gồm các nội dung chủ yếu về hiện trạng khai thác nước dưới đất và các nguồn thải khu vực thăm dò; về đặc điểm tầng chứa nước thăm dò; về nội dung, phương pháp, khối lượng, thời gian và tiến độ thực hiện thăm dò nước dưới đất.

4. Đánh giá sự phù hợp của việc thăm dò nước dưới đất với các quy hoạch tài nguyên nước, các quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước và quy định có liên quan đến việc thăm dò nước dưới đất của tổ chức/cá nhân.

5. Thống kê các tài liệu làm căn cứ lập hồ sơ thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất: các quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch cấp nước có liên quan; các báo cáo, tài liệu điều tra, đánh giá nguồn nước dưới đất đã thực hiện tại khu vực thăm dò; các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các tài liệu khác có liên quan.

6. Trình bày đầy đủ các thông tin về năng lực của tổ chức, cá nhân lập hồ sơ thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất và đánh giá việc đáp ứng các điều kiện theo quy định.

I. Đặc điểm nguồn nước dưới đất, hiện trạng khai thác nước dưới đất và các nguồn thải khu vực thăm dò

1. Vị trí hành chính, tọa độ các điểm góc (*theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiếu*) giới hạn phạm vi bố trí giếng thăm dò nước dưới đất, kèm theo hình vẽ thể hiện vị trí khu vực thăm dò và mối liên kết với các khu vực lân cận.

2. Trình bày tổng quan kết quả điều tra, nghiên cứu, đánh giá, quan trắc nước dưới đất đã được thực hiện và đặc điểm nguồn nước dưới đất khu vực thăm dò; hiện trạng khai thác nước dưới đất và các nguồn thải có liên quan đến việc khai thác, sử dụng, bảo vệ nguồn nước dưới đất tại khu vực thăm dò theo các tài liệu đã có.

3. Trên cơ sở kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất nêu trên tiến hành mô tả đặc điểm của tầng chứa nước dự kiến thăm dò gồm các thông tin, số liệu chủ yếu về phạm vi, chiều sâu phân bố, chiều dày, thành phần đất đá, đặc tính thấm nước, chứa nước, động thái, chiều sâu mực nước.

4. Trình bày cụ thể các nội dung, thông tin, số liệu về hiện trạng khai thác nước dưới đất và các nguồn thải khu vực thăm dò, với các nội dung chủ yếu sau:

a) Hiện trạng khai thác nước dưới đất trong vùng phạm vi bán kính 200m xung quanh giếng thăm dò.

Thống kê, tổng hợp các công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất hiện có trong phạm vi bán kính 200m xung quanh giếng thăm dò, gồm các thông tin chủ yếu: tên chủ

công trình, vị trí, chiều sâu, khoảng cách đến giếng thăm dò; lưu lượng, mực nước, chế độ khai thác; mục đích khai thác, sử dụng của từng công trình; tổng số công trình, tổng lưu lượng khai thác của các công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất trên phạm vi toàn vùng.

b) Hiện trạng khai thác nước dưới đất ngoài phạm vi bán kính 200m xung quanh giếng thăm dò (*thuộc phạm vi thăm dò dự kiến*)

Trình bày khái quát tình hình khai thác, sử dụng nước dưới đất, gồm các thông tin chủ yếu về loại hình công trình khai thác, vị trí, chiều sâu, khoảng cách đến giếng thăm dò, lưu lượng, mực nước, chế độ khai thác, mục đích khai thác, sử dụng nước của các công trình khai thác để cấp nước tập trung; tổng lưu lượng khai thác nước dưới đất của các công trình đó.

c) Thống kê, tổng hợp các nguồn thải chủ yếu (*bãi rác, bãi chôn lấp chất thải, nghĩa trang, kho chứa hóa chất, các nguồn nước mặt bị ô nhiễm*) trong phạm vi thăm dò, gồm các thông tin chủ yếu về vị trí, quy mô, tính chất ô nhiễm và khoảng cách đến các giếng khai thác dự kiến.

5. Xác định rõ những số liệu, thông tin đã có về đặc điểm nguồn nước dưới đất, hiện trạng khai thác nước dưới đất, hiện trạng các nguồn thải trong khu vực thăm dò và những số liệu, thông tin cần phải tiếp tục thực hiện trong quá trình thăm dò.

II. Nội dung, phương pháp và khối lượng thăm dò nước dưới đất

1. Trình bày mục tiêu thăm dò, các yêu cầu đặt ra và đánh giá tính khả thi để đạt được mục tiêu đó.

2. Phân tích, thuyết minh, lựa chọn phương án dự kiến bố trí giếng khai thác (*sơ đồ bố trí giếng khai thác*) bao gồm số lượng, vị trí, chiều sâu, lưu lượng khai thác dự kiến của từng giếng và khoảng cách giữa chúng.

3. Nội dung, phương pháp, khối lượng thăm dò.

a) Thuyết minh, mô tả thiết kế từng giếng thăm dò, gồm các thông tin về chiều sâu, đường kính giếng, các đoạn ống chống, ống lọc, ống lắng; các đoạn chèn, trám và vật liệu sử dụng để chèn, trám xung quanh thành giếng khoan;

b) Thuyết minh, mô tả thiết kế công tác bơm thổi rửa giếng, bơm thí nghiệm tại từng giếng thăm dò, gồm các thông tin về trình tự thực hiện, lưu lượng bơm dự kiến, thời gian bơm, chế độ đo mực nước, lưu lượng trong khi bơm;

c) Thuyết minh, mô tả dự kiến công tác lấy, phân tích mẫu nước tại từng giếng thăm dò, gồm các thông tin về loại mẫu, số lượng mẫu, thời gian lấy mẫu và dự kiến các chỉ tiêu phân tích.

4. Lập bảng tổng hợp nội dung, khối lượng các hạng mục thăm dò và bảng kế hoạch, tiến độ thực hiện các hạng mục thăm dò.

Kết luận và kiến nghị

Phụ lục kèm theo:

1. Sơ đồ bố trí giếng thăm dò tỷ lệ từ 1:10.000 trở lên.
2. Bản vẽ thiết kế cột địa tầng và cấu trúc giếng thăm dò nước dưới đất.

2. Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là Bộ phận Một cửa).

- Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Bộ phận Một cửa có trách nhiệm kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 3: Thẩm định báo cáo đối với trường hợp gia hạn, điều chỉnh giấy phép:

Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo; nếu cần thiết kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định báo cáo.

+ Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy phép thì Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép. Trường hợp không đủ điều kiện để gia hạn, điều chỉnh giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do không gia hạn, điều chỉnh giấy phép.

+ Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện báo cáo.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là mười tám (18) ngày làm việc.

+ Trường hợp phải lập lại báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ.

- Bước 4. Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.

b) Cách thức thực hiện:

- *Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Một cửa hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến.

- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh và thông báo lý do không gia hạn, điều chỉnh giấy phép (đối với trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện đề gia hạn, điều chỉnh giấy phép) hoặc nội dung đề án chưa đạt yêu cầu, phải làm lại (đối với trường hợp phải lập lại).

+ Bộ phận Một cửa thông báo và trả giấy phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh (đối với trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy phép).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm

- Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép.
- Báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép.

d) Thời hạn giải quyết: 31 ngày làm việc

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định báo cáo:* trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo, nếu cần thiết kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định báo cáo.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là mười tám (18) ngày làm việc.

- *Thời hạn trả giấy phép:* trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận giấy phép.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kết quả của thủ tục Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000m³/ngày đêm trở lên cấp theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Phụ lục Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

h) Phí thẩm định: Nghị quyết 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép: *Mẫu 02 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.*

- Báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép: *Mẫu 23 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.*

- Mẫu giấy phép (gia hạn/điều chỉnh) thăm dò nước dưới đất: *Mẫu 12 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.*

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Gia hạn giấy phép: việc gia hạn giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải căn cứ vào các quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP và các điều kiện sau đây:

+ Giấy phép vẫn còn hiệu lực và hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép được nộp trước thời điểm giấy phép hết hiệu lực ít nhất chín mươi (90) ngày.

+ Đến thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ liên quan đến giấy phép đã được cấp theo quy định của pháp luật và không có tranh chấp.

+ Tại thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép, kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tổ chức, cá nhân phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch tỉnh, khả năng đáp ứng của nguồn nước.

- Điều chỉnh giấy phép:

+ Điều kiện mặt bằng không cho phép thi công một số hạng mục thăm dò đã được phê duyệt.

+ Tăng quy mô lưu lượng thăm dò nhưng không vượt quá 25% theo giấy phép đã được cấp hoặc thay đổi tầng chứa nước thăm dò.

+ Khối lượng hạng mục khoan thăm dò vượt quá 10% so với khối lượng đã được phê duyệt.

Trường hợp chủ giấy phép đề nghị điều chỉnh giấy phép thì phải lập hồ sơ điều chỉnh giấy phép theo quy định của Nghị định 02/2023/NĐ-CP; trường hợp cơ quan cấp phép điều chỉnh giấy phép thì cơ quan cấp phép phải thông báo cho chủ giấy phép biết trước ít nhất 90 ngày. Thời hạn của giấy phép điều chỉnh là thời hạn còn lại của giấy phép đã được cấp trước đó.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012.

- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ĐIỀU CHỈNH
GIẤY PHÉP THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi:..... (1)

1. Thông tin về chủ giấy phép:

- 1.1. Tên chủ giấy phép:.....
1.2. Địa chỉ:.....
1.3. Điện thoại: Fax:..... Email:
1.4. Giấy phép thăm dò nước dưới đất số:..... ngày..... tháng..... năm..... do *(tên cơ quan cấp giấy phép)* cấp.

2. Lý do đề nghị gia hạn/ điều chỉnh giấy phép:..... (2)

3. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:

- Thời hạn đề nghị gia hạn: tháng/năm *(trường hợp đề nghị gia hạn)*.
- Nội dung đề nghị điều chỉnh: *(trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép)*.

4. Giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo Đơn này gồm có:

- Báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép.
- Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan.

5. Cam kết của chủ giấy phép:

- *(Chủ giấy phép)* cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- *(Chủ giấy phép)* cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 4 Điều 14 của Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.

- *(Chủ giấy phép)* kiến nghị các nội dung gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép đối với cơ quan cấp phép *(nếu có)*.

Đề nghị *(tên cơ quan cấp phép)* xem xét, gia hạn/điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất cho *(tên chủ giấy phép)*./.

....., ngàytháng.năm

Chủ giấy phép

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN:

(1) Tên cơ quan cấp phép: Ghi Bộ Tài nguyên và Môi trường/Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh *(theo quy định tại Điều 28 của Nghị định này)*.

(2) Trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép mà chủ giấy phép có nhu cầu cấp lại giấy phép thì phải bổ sung lý do kèm theo các tài liệu chứng minh.

ngày..... tháng.... năm....

GIẤY PHÉP THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(Gia hạn/điều chỉnh/cấp lại)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

phép;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan cấp

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ..... ;

Xét Đơn đề nghị (*gia hạn/điều chỉnh/cấp lại*) giấy phép thăm dò nước dưới đất của (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) ngày tháng.. ..năm.. ..và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*'), địa chỉ tại (*đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ hộ khẩu thường trú*) thăm dò nước dưới đất theo đề án (*tên đề án*), với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích thăm dò:

2. Quy mô thăm dò:

3. Vị trí công trình thăm dò (*ghi rõ địa chỉ cụ thể hoặc thôn/ấp..., xã/phường..., huyện/quận..., tỉnh/thành phố..., nơi bố trí công trình thăm dò; trường hợp công trình thăm dò bố trí trong nhiều đơn vị hành chính thì ghi cụ thể các đơn vị hành chính nơi đặt các công trình thăm dò và tọa độ các điểm góc giới hạn phạm vi bố trí công trình thăm dò theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiếu*).

(có sơ đồ bố trí công trình thăm dò kèm theo)

4. Tầng chứa nước thăm dò:.....

5. Khối lượng các hạng mục thăm dò chủ yếu gồm:

(có bảng tổng hợp khối lượng thăm dò kèm theo).

6. Thời (*phép*) /giấy phép có hiệu lực đến hạn của giấy với trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép là 01 năm (*đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép hoặc cấp lại giấy phép*).

Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với (*tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép*):

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

2. Thực hiện việc lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định (*đối với trường hợp công trình có quy mô từ 12.000 m³/ngày đêm trở lên và không có yếu tố bí mật quốc gia*);

3. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 14 của Nghị định này;

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến thiết kế, thi công công trình thăm dò;

Điều 3. Cục Quản lý tài nguyên nước/Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài nguyên dùng chung của trung ương và địa phương.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày và thay thế Giấy phép thăm dò nước dưới đất số....., ngày... tháng.... năm do (*tên cơ quan cấp phép*) cấp. (*Thủ trưởng tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép, thủ trưởng các đơn vị liên quan*) căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố.;
- ;
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép; cơ quan trình cấp phép.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

(*ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)
(Trang bìa trong)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
CÁC QUY ĐỊNH TRONG GIẤY PHÉP
.....(1)**
(Trường hợp gia hạn/điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
Ký (đóng dấu nếu có)

ĐƠN VỊ LẬP BÁO CÁO
Ký, đóng dấu

(2) Ghi công trình, vị trí và lưu lượng thiết kế

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH TRONG GIẤY PHÉP
(Trường hợp gia hạn/điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất)

Mở đầu

1. Trình bày các thông tin của chủ giấy phép thăm dò nước dưới đất (*tên chủ giấy phép, địa chỉ trụ sở chính, lĩnh vực hoạt động đối với tổ chức/họ tên, số CMND/căn cước công dân/số định danh cá nhân, địa chỉ thường trú đối với cá nhân*).

2. Trình bày các nội dung, thông tin chủ yếu của giấy phép thăm dò nước dưới đất đã được cấp gồm: số giấy phép, ngày cấp, cơ quan cấp, thời hạn còn lại của giấy phép; vị trí, mục đích, quy mô thăm dò, tầng chứa nước thăm dò; nội dung, khối lượng các hạng mục thăm dò chủ yếu theo giấy phép thăm dò.

3. Khái quát các nội dung cơ bản của báo cáo, bao gồm các nội dung chủ yếu về tình hình thực hiện giấy phép thăm dò, lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép, nội dung đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép.

4. Trình bày đầy đủ các thông tin về năng lực của tổ chức/cá nhân thi công thăm dò, tổ chức/cá nhân lập báo cáo và đánh giá việc đáp ứng các điều kiện theo quy định.

I. Tình hình thực hiện giấy phép thăm dò nước dưới đất

1. Trình bày tổng quan về tình hình thực hiện giấy phép thăm dò nước dưới đất và các vấn đề liên quan đến việc thực hiện nội dung, khối lượng các hạng mục thăm dò trong quá trình thi công thăm dò nước dưới đất.

2. Thuyết minh, trình bày cụ thể các vấn đề, thông tin, số liệu về tình hình thực hiện giấy phép thăm dò nước dưới đất, với các nội dung chủ yếu sau:

a) Tình hình thi công đối với từng hạng mục thăm dò, gồm các thông tin: ngày bắt đầu thi công, phương pháp thi công, việc tuân thủ quy trình, quy phạm kỹ thuật khi thi công, kết quả đạt được, tiến độ thực hiện so với kế hoạch và các vấn đề khó khăn, sự cố gặp phải trong quá trình thi công;

b) Nội dung, khối lượng các hạng mục thăm dò chưa thực hiện và trình bày rõ lý do chưa thực hiện;

c) Lập bảng tổng hợp nội dung, khối lượng các hạng mục thăm dò đã thực hiện và chưa thực hiện.

3. Đánh giá tình hình chấp hành các nội dung quy định trong giấy phép thăm dò nước dưới đất.

4. Tổng hợp, đánh giá xác định rõ những nội dung khác biệt giữa thiết kế và thi công thực tế của các hạng mục công tác, đề xuất phương án điều chỉnh trong quá trình thăm dò.

II. Lý do đề nghị gia hạn/ điều chỉnh giấy phép thăm dò

1. Trình bày các lý do liên quan đến việc đề nghị gia hạn/ điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất (*điều kiện mặt bằng thi công khó khăn; có sự khác biệt về cấu trúc địa chất thủy văn thực tế so với dự kiến; khối lượng thăm dò thay đổi vượt quá 10% so với phê duyệt hoặc các lý do khác*).

Trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép mà chủ giấy phép có nhu cầu cấp lại

giấy phép thì phải bổ sung lý do.

2. Thuyết minh các hạng mục thăm dò đề nghị điều chỉnh (*khoan, bơm,...*) và các nội dung điều chỉnh (*trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép*).

III. Nội dung đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép thăm dò

1. Trình bày thời gian đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò nước dưới đất:.... tháng/năm (*đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò*).

2. Trình bày cụ thể các nội dung đề nghị điều chỉnh và thuyết minh rõ trình tự, thời gian thực hiện, yêu cầu kỹ thuật đối với từng hạng mục thăm dò điều chỉnh, kèm theo bảng tổng hợp nội dung, khối lượng điều chỉnh (*trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò*).

3. Thuyết minh, mô tả sơ đồ bố trí công trình thăm dò (*trường hợp điều chỉnh có sự thay đổi về sơ đồ bố trí công trình thăm dò*).

4. Thuyết minh, mô tả việc điều chỉnh thiết kế công trình thăm dò (*trường hợp điều chỉnh có sự thay đổi về thiết kế công trình thăm dò hoặc điều chỉnh chiều sâu thăm dò*).

Kết luận và kiến nghị

Phụ lục kèm theo Báo cáo

1. Sơ đồ bố trí công trình thăm dò tỷ lệ 1:25.000 hoặc lớn hơn (*trường hợp có sự thay đổi về sơ đồ bố trí công trình thăm dò*);

2. Bản vẽ thiết kế công trình thăm dò (*trường hợp có sự điều chỉnh thiết kế /chiều sâu thăm dò*).

3. Trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép mà chủ giấy phép có nhu cầu cấp lại giấy phép thì phải bổ sung tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép và các giấy tờ khác có liên quan.

3. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày đêm

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là Bộ phận Một cửa).

- Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:

Bộ phận Một cửa có trách nhiệm kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ và quyết định cấp phép:

Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo; nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định báo cáo.

+ Trường hợp đủ điều kiện cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép.

+ Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện báo cáo.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là mười tám (18) ngày làm việc.

+ Trường hợp phải lập lại báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ đề nghị cấp phép.

- Bước 4. Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.

b) Cách thức thực hiện:

- **Nộp hồ sơ:** Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Một cửa hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến.

- *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:*

+ Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép (đối với trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép) hoặc nội dung đề án chưa đạt yêu cầu, phải làm lại (đối với trường hợp phải lập lại).

+ Bộ phận Một cửa thông báo và trả giấy phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (đối với trường hợp đủ điều kiện cấp phép).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm

- Đơn đề nghị cấp giấy phép.
- Sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất.
- Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất kèm theo phương án khai thác đối với công trình có quy mô từ 200m³/ngày đêm trở lên trong trường hợp chưa có công trình khai thác hoặc báo cáo hiện trạng khai thác đối với trường hợp công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động.
- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá sáu (06) tháng tính từ thời điểm nộp hồ sơ.

Trường hợp chưa có công trình khai thác nước dưới đất, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải nộp trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

d) Thời hạn giải quyết: 36 ngày làm việc

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.
- *Thời hạn thẩm định báo cáo:* trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là mười tám (18) ngày làm việc.

- *Thời hạn trả giấy phép:* trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết thực hiện thủ tục hành chính:

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Kết quả của thủ tục Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000m³/ngày đêm trở lên cấp theo Mẫu số 13 ban hành kèm theo Phụ lục Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

h) Phí thẩm định: Nghị quyết 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép: *Mau 03 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.*
- Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất kèm theo phương án khai thác đối với công trình có quy mô từ 200m³/ngày đêm trở lên: *Mau 24 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP;*
- Báo cáo hiện trạng khai thác đối với trường hợp công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động: *Mau 26 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP;*
- Mẫu giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất: *Mau 13 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.*

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có báo cáo phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch tỉnh, quy định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, quy hoạch chuyên ngành có liên quan đã được phê duyệt hoặc phù hợp với khả năng nguồn nước nếu chưa có các quy hoạch và quy định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất. Báo cáo phải do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định lập; thông tin, số liệu sử dụng để lập báo cáo phải bảo đảm đầy đủ, rõ ràng, chính xác và trung thực.

Phương án thiết kế công trình hoặc công trình khai thác tài nguyên nước phải phù hợp với quy mô, đối tượng khai thác và đáp ứng yêu cầu bảo vệ tài nguyên nước, môi trường.

- Có thiết bị, nhân lực, hoặc có hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân có đủ năng lực thực hiện việc quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước theo quy định; trường hợp chưa có công trình thì phải có phương án bố trí thiết bị, nhân lực thực hiện việc quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012.
- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Kính gửi:(1)

1. Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân (*đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/số định danh cá nhân*):

1.2. Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi cấp, ngày cấp hoặc số Quyết định thành lập, cơ quan ký quyết định (*đối với tổ chức*)/số Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/số định danh cá nhân (*đối với cá nhân*):

1.3. Địa chỉ (*đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ hộ khẩu thường trú*):

1.4. Điện thoại: Fax: Email:

2. Nội dung đề nghị cấp phép:

2.1. Vị trí công trình khai thác:(2)

2.2. Mục đích khai thác, sử dụng

nước:(3)

2.3. Tầng chứa nước khai thác:.....(4)

2.4. Số giếng khai thác (*hố đào/hành lang/mạch lộ/hang động*):(5)

2.5. Tổng lưu lượng nước khai thác:(m³/ngày đêm)

2.6. Thời gian đề nghị cấp phép: (*tối đa là 10 năm*)

2.7. Chế độ khai thác:ngày/năm.

Số hiệu, vị trí và thông số của công trình khai thác cụ thể như sau:

Số hiệu	Tọa độ(VN2000, kinh tuyến trục..., múi chiếu...)		Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y	Từ	Đến			

3. Giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo Đơn này gồm có:

- Sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất.

- Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất kèm theo phương án khai thác đối với công trình có quy mô từ 200 m³/ngày đêm trở lên hoặc báo cáo kết quả thi công giếng khai thác đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m³/ngày đêm (*đối với trường hợp chưa có công trình khai thác nước dưới đất*).

- Báo cáo hiện trạng khai thác (đối với trường hợp công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động).

- Phiếu kết quả phân tích chất lượng nguồn nước dưới đất không quá sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

- Văn bản góp ý và tổng hợp tiếp thu, giải trình lấy ý kiến cộng đồng (đối với trường hợp công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng từ 12.000 m³ 4 5 6 7/ngày đêm trở lên và không có yếu tố bí mật quốc gia).

- Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan.

3. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:

- (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

- (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) kiến nghị các nội dung cấp phép đối với cơ quan cấp phép (nếu có).

Đề nghị (cơ quan cấp phép) xem xét, cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất cho (tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) ./.

...., ngàytháng. năm

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN:

3 Tên cơ quan cấp phép: Ghi Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp tỉnh (theo quy định tại Điều 28 của Nghị định này).

4 Ghi rõ địa chỉ cụ thể hoặc thôn/ấpxã/phường....huyện/quận....tỉnh/thành phố nơi bố trí công trình khai thác nước dưới đất; trường hợp công trình khai thác bố trí trong nhiều đơn vị hành chính thì ghi cụ thể số lượng giếng khai thác trên từng đơn vị hành chính.

5 Ghi rõ khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích: sinh hoạt, sản xuất, tưới, nuôi trồng thủy sản; trường hợp khai thác nước dưới đất để cấp nước cho nhiều mục đích thì ghi rõ lưu lượng để cấp cho từng mục đích.

6 Ghi rõ tầng chứa nước khai thác; trường hợp khai thác nước dưới đất trong nhiều tầng chứa nước thì ghi rõ lưu lượng khai thác trong từng tầng chứa nước.

7 Ghi rõ số lượng giếng khai thác hoặc số hố đào/hành lang/mạch lộ/hang động; trường hợp khai thác nước dưới đất trong nhiều tầng chứa nước thì ghi rõ số lượng giếng trong từng tầng chứa nước.

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

, ngày tháng.... năm....

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP**

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số ngày tháng năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường (*trường hợp cơ quan cấp phép là Bộ Tài nguyên và Môi trường*)/Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày tháng năm (*trường hợp cơ quan cấp phép là UBND cấp tỉnh*);

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) ngày...tháng... năm... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước (*trường hợp cơ quan cấp phép là Bộ Tài nguyên và Môi trường*)/Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (*trường hợp cơ quan cấp phép là UBND cấp tỉnh*).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (*tên tổ chức/cá nhân*), địa chỉ tại (*đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ hộ khẩu thường trú*) được khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước:
2. Vị trí công trình khai thác nước dưới đất (*ghi rõ địa chỉ cụ thể hoặc thôn/ấp.. xã/phường....huyện/quận....tỉnh/thành phố..... nơi bố trí công trình khai thác nước dưới đất; trường hợp công trình khai thác bố trí trong nhiều đơn vị hành chính thì ghi cụ thể số lượng giếng khai thác trên từng đơn vị hành chính*).
3. Tầng chứa nước khai thác (*ghi rõ tầng chứa nước khai thác; trường hợp khai thác nước dưới đất trong nhiều tầng chứa nước thì ghi rõ lưu lượng khai thác trong từng tầng chứa nước*).
4. Tổng số giếng khai thác (*ghi rõ số lượng giếng khai thác hoặc số hố đào/hành lang/mạch lộ/hang động; trường hợp khai thác nước dưới đất trong nhiều tầng chứa nước thì ghi rõ số lượng giếng trong từng tầng chứa nước*).
5. Tổng lưu lượng nước khai thác:..... (*m³/ngày đêm*); trường hợp khai thác nước dưới đất để cấp nước cho nhiều mục đích thì ghi rõ lưu lượng để cấp cho từng mục đích.

6. Thời hạn của giấy phép là.....năm.

7. Chế độ khai thác: ngày/đêm.

8. Vị trí toạ độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu	Toạ độ (VN2000, kinh tuyến trục..., múi chiều...)		Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y		Từ	Đến		

(có sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước kèm theo)

Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với (tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép):

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;
2. Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định;
3. Thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác theo quy định (nếu có);
4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định;
5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước;
6. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo), tổng hợp báo cáo (tên cơ quan cấp phép) về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định tại khoản 2 Điều này;
7. Các yêu cầu khác về bảo vệ tài nguyên nước, môi trường, phòng chống sụt lún mặt đất, ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước liên quan đến việc khai thác nước dưới đất (nếu có);

Điều 3. Cục Quản lý tài nguyên nước/Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài nguyên dùng chung của trung ương và địa phương; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất của công trình này.

Điều 4. (*Tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép*) được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu (*tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép*) còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

(Tên chủ giấy phép);

Cục Quản lý tài nguyên nước; Sở TN&MT tỉnh/thành phố...; Cục thuế tỉnh/thành phố ;

..... ;

Lưu: VT, hồ sơ cấp phép, cơ quan trình cấp phép.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

(*ký, ghi họ tên, đóng dấu*)

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)
(Trang bìa trong)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ
ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

„ _ (1)

(Đối với công trình thăm dò có quy mô từ 200 m³/ngày đêm trở lên)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Ký (đóng dấu nếu có) ⁸

₉

ĐƠN VỊ LẬP BÁO
CÁO

Ký, đóng dấu

Địa danh, tháng..
../năm

⁹ Ghi tên công trình, vị trí
và lưu lượng khai thác

HƯỚNG DẪN
NỘI DUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ
DANH GIÁ TRỮ LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(Đối với công trình thăm dò có quy mô từ 200 m³/ngày đêm trở lên)

MỞ ĐẦU

1. Trình bày tóm tắt các thông tin của tổ chức/cá nhân là chủ đầu tư công trình thăm dò nước dưới đất (tên, địa chỉ trụ sở chính, lĩnh vực hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập đối với tổ chức; họ tên, số CMND/căn cước công dân/số định danh cá nhân, nơi cấp, ngày cấp theo Chứng minh nhân dân, địa chỉ thường trú đối với cá nhân).

2. Thuyết minh các căn cứ của việc thăm dò nước dưới đất, gồm: Giấy phép thăm dò nước dưới đất, Đề án thăm dò nước dưới đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Khái quát các nội dung cơ bản của báo cáo, bao gồm các nội dung chủ yếu về đặc điểm địa lý tự nhiên, xã hội khu vực thăm dò, nội dung, phương pháp, khối lượng thăm dò đã thực hiện, các đặc điểm cơ bản về nguồn nước dưới đất; về bố trí công trình khai thác và tính toán trữ lượng, ảnh hưởng của công trình khai thác đến nguồn nước, môi trường các công trình khai thác nước dưới đất khác và biện pháp giảm thiểu; về thiết kế công trình khai thác và phương án khai thác nước dưới đất.

4. Đánh giá sự phù hợp của việc khai thác nước dưới đất với quy hoạch tài nguyên nước, các quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước và các quy định có liên quan đến việc thăm dò, khai thác nước dưới đất của tổ chức/cá nhân.

5. Thống kê các tài liệu sử dụng làm căn cứ lập báo cáo, gồm: các quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch cấp nước có liên quan; các thông tin, số liệu, tài liệu, báo cáo thu thập được trong quá trình thăm dò; các thông tin, số liệu thu được khi thi công các hạng mục thăm dò; các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các tài liệu khác có liên quan.

6. Trình bày đầy đủ các thông tin về năng lực của tổ chức, cá nhân lập báo cáo và đánh giá việc đáp ứng các điều kiện theo quy định; danh sách các thành viên tham gia lập báo cáo.

Chương I

ĐIỀU KIỆN ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN, XÃ HỘI KHU VỰC THĂM DÒ

I. Đặc điểm điều kiện địa lý tự nhiên, xã hội khu vực thăm dò

1. Vị trí hành chính, tọa độ các điểm góc (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiếu) giới hạn phạm vi công trình thăm dò nước dưới đất, kèm theo hình vẽ thể hiện vị trí khu vực thăm dò và mối liên kết với các khu vực lân cận.

2. Đặc điểm địa hình, địa mạo, mạng lưới sông suối, khí tượng, thủy văn, hải văn khu vực thăm dò.

3. Đặc điểm kinh tế, xã hội, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tại khu vực thăm dò.

II. Tổng hợp các vấn đề đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội có liên quan đến nguồn nước, đến việc khai thác, sử dụng nước đã được làm rõ trong quá trình thực hiện thăm

dò.

Chương II

NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG THĂM DÒ ĐÃ THỰC HIỆN

I. Trình bày tổng quan về nội dung, phương pháp, khối lượng thăm dò đã thực hiện và các vấn đề liên quan, ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình thi công thăm dò.

II. Trình bày cụ thể các nội dung, thông tin, số liệu về việc thi công các hạng mục thăm dò, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Thuyết minh, mô tả nội dung, phương pháp, thời gian, trình tự thực hiện, kết quả thi công từng hạng mục thăm dò.

2. Đánh giá việc tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, yêu cầu kỹ thuật và mức độ hoàn thành về nội dung, khối lượng, chất lượng từng hạng mục thăm dò so với phê duyệt.

3. Thuyết minh cụ thể các nội dung, khối lượng thay đổi, điều chỉnh của từng hạng mục thăm dò (*nếu có*) so với phê duyệt.

III. Tổng hợp, đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu thăm dò, mức độ tin cậy của các thông tin, số liệu thu được trong quá trình thăm dò được sử dụng để lập báo cáo và lập bảng tổng hợp nội dung, khối lượng thăm dò đã thực hiện.

Chương III

ĐẶC ĐIỂM NGUỒN NƯỚC DƯỚI ĐẤT KHU VỰC THĂM DÒ

I. Trình bày cụ thể các nội dung, thông tin, số liệu về đặc điểm nguồn nước dưới đất, hiện trạng khai thác nước dưới đất và các nguồn thải khu vực thăm dò trên cơ sở các thông tin, số liệu được cập nhật sau khi thực hiện thăm dò, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Thống kê, tổng hợp, đánh giá các thông tin, số liệu được cập nhật, bổ sung về đặc điểm nguồn nước dưới đất sau khi thực hiện thăm dò.

2. Trên cơ sở thông tin, số liệu đã được cập nhật nêu trên tiến hành mô tả đặc điểm của nguồn nước dưới đất tại khu vực thăm dò.

a) Đặc điểm của các tầng chứa nước

Mô tả các đặc điểm, đặc trưng của các tầng chứa nước trong phạm vi vùng ảnh hưởng của công trình, gồm các thông tin, số liệu về phạm vi, chiều sâu phân bố, chiều dày, thành phần đất đá, đặc tính thấm nước, chứa nước, động thái, chiều sâu và cao độ mực nước.

Mô tả địa tầng, khoảng chiều sâu phân bố và thành phần từng lớp đất đá tại các giếng khoan thăm dò.

Riêng đối với công trình thăm dò có quy mô từ 3.000 m³/ngày đêm trở lên cần phải mô tả các đặc điểm nguồn cấp, miền cấp, miền thoát, hướng dòng chảy của nước dưới đất; biên và điều kiện biên của các tầng chứa nước; quan hệ của nước dưới đất với nước mặt, với các yếu tố khí tượng, thủy văn, hải văn, quan hệ thủy lực giữa các tầng chứa nước tại khu vực thăm dò; đánh giá trữ lượng, chất lượng nước và khả năng khai thác của các tầng chứa nước trong khu vực thăm dò.

b) Đặc điểm các tầng chứa nước

Mô tả đặc điểm lớp thấm nước yếu, cách nước trong khu vực thăm dò, gồm các thông tin, số liệu về phạm vi phân bố theo diện tích và chiều sâu; chiều sâu phân bố, chiều dày, thành phần đất đá, tính chất thấm nước và cách nước.

c) Đặc điểm chất lượng nước

Mô tả đặc điểm, đặc trưng về chất lượng nước dưới đất khu vực thăm dò, tình hình ô nhiễm, xâm nhập mặn của các tầng chứa nước.

Đối với tầng chứa nước dự kiến khai thác: Đánh giá chất lượng nước theo Quy chuẩn về chất lượng nước ngầm và theo tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng nước cho mục đích sử dụng.

d) Bản đồ hoặc sơ đồ địa chất thủy văn

Riêng đối với công trình thăm dò có quy mô từ 3.000 m³/ngày đêm trở lên cần phải mô tả, thuyết minh các nội dung chủ yếu của bản đồ hoặc sơ đồ địa chất thủy văn tỷ lệ 1:25.000 hoặc lớn hơn, các mặt cắt kèm theo nhằm làm rõ các đặc điểm về địa chất thủy văn của khu vực thăm dò và các khu vực có liên quan.

3. Hiện trạng khai thác nước dưới đất và các nguồn thải khu vực thăm dò

a) Thống kê, tổng hợp các công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất hiện có trong phạm vi vùng ảnh hưởng của công trình theo bảng tổng hợp sau:

TT	Tên công trình/số hiệu giếng	Vị trí	Chiều sâu giếng (m)	Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Mức nước động lớn nhất (m)	Tầng chứa nước khai thác	Khoảng cách đến khu vực thăm dò (m)	Tình trạng cấp phép (số giấy phép cấp..nếu có)
I	Tên công trình							
1	Số hiệu giếng ...							
2	Số hiệu giếng ...							
II								
Tổng								

b) Thống kê, tổng hợp các nguồn thải theo các số liệu điều tra trong khu vực thăm

dò, gồm các thông tin chủ yếu: vị trí, quy mô, tính chất ô nhiễm và khoảng cách đến công trình khai thác nước dưới đất. Đánh giá ảnh hưởng của các nguồn thải đến hoạt động thăm dò khai thác của công trình.

4. Đánh giá cân bằng nước

Riêng đối với công trình thăm dò có quy mô từ 10.000 m³/ngày đêm trở lên cần phải tính toán, đánh giá cân bằng nước, đánh giá các nguồn hình thành trữ lượng khai thác nước dưới đất tại khu vực thăm dò.

II. Nhận xét, đánh giá những kết quả đạt được về đặc điểm nguồn nước dưới đất tại khu vực thăm dò qua các thông tin, số liệu được cập nhật sau khi thăm dò và khả năng khai thác của tầng chứa nước thăm dò, kết luận lựa chọn tầng chứa nước khai thác; tổng hợp các vấn đề chưa được làm rõ trong quá trình thăm dò.

Chương IV

BỐ TRÍ SƠ ĐỒ KHAI THÁC VÀ TÍNH TOÁN TRỮ LƯỢNG

I. Tính toán các thông số địa chất thủy văn

Thuyết minh cụ thể việc tính toán xác định các thông số địa chất thủy văn theo tài liệu thí nghiệm thăm; luận chứng lựa chọn các thông số địa chất thủy văn phục vụ công tác tính trữ lượng.

Riêng trường hợp thăm dò có kết hợp lắp đặt giếng khai thác thì phải thuyết minh việc tính toán xác định hiệu suất giếng theo tài liệu bơm giạt cấp.

II. Bố trí sơ đồ khai thác nước dưới đất

1. Luận chứng lựa chọn lưu lượng khai thác từng công trình.

2. Thuyết minh, mô tả sơ đồ khai thác gồm các thông tin chủ yếu: số lượng, vị trí, tọa độ, chiều sâu, lưu lượng của từng công trình và khoảng cách giữa chúng, kèm theo sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất.

Yêu cầu nội dung của sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất phải thể hiện được các thông tin chính gồm: các thông tin về *ranh giới, địa danh hành chính, hệ thống sông suối, giao thông, dân cư, vị trí, các thông số chính của công trình khai thác nước dưới đất, các công trình khai thác đang hoạt động trong vùng ảnh hưởng*).

III. Mục nước hạ thấp cho phép

Luận chứng, thuyết minh giới hạn hạ thấp mục nước cho phép trong tầng chứa nước dự kiến khai thác.

IV. Tính toán, dự báo hạ thấp mục nước

1. Đối với công trình quy mô từ 3.000 m³/ngày đêm trở lên.

Thuyết minh cụ thể việc tính toán dự báo hạ thấp mục nước tại công trình khai thác, gồm các nội dung chính: lựa chọn phương pháp tính trữ lượng; sơ đồ hóa trường thăm; xác định các điều kiện biên; lập luận chọn các thông số tính toán; xác định các công trình khai thác nước dưới đất nằm trong vùng ảnh hưởng của công trình để tính can nhiễu mục nước; tính toán dự báo hạ thấp mục nước tại công trình trong thời gian khai thác, trong đó có tính đến ảnh hưởng can nhiễu của các công trình khai thác nước dưới đất khác nằm trong vùng ảnh hưởng của công trình.

Riêng đối với trường hợp công trình khai thác có quy mô từ 10.000 m³/ngày đêm

trở lên, trong vùng có điều kiện địa chất thủy văn phức tạp hoặc vùng đã có nhiều công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động thì phải đánh giá trữ lượng bằng phương pháp mô hình số.

2. Đối với công trình có quy mô từ 200 m³/ngày đêm đến 3.000 m³/ngày đêm.

Thuyết minh cụ thể việc tính toán dự báo hạ thấp mực nước gồm các nội dung chính: lập đồ thị bơm hút nước thí nghiệm và dự báo hạ thấp mực nước trong thời gian khai thác theo đồ thị.

V. Đánh giá kết quả tính toán dự báo hạ thấp mực nước với mực nước hạ thấp cho phép và đánh giá tính hợp lý về mặt kinh tế, kỹ thuật của sơ đồ khai thác.

Chương V

TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC VÀ CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU

I. Tác động của việc khai thác, sử dụng nước đến nguồn nước, môi trường, các công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất khác đang hoạt động và đề xuất biện pháp giảm thiểu, gồm các nội dung chính sau:

1. Tác động của việc khai thác, sử dụng nước tại công trình đến sự suy giảm mực nước, trữ lượng nguồn nước dưới đất trong khu vực khai thác.

2. Tác động của việc khai thác, sử dụng nước tại công trình đến khả năng sụt lún đất, gia tăng ô nhiễm, xâm nhập mặn vào các tầng chứa nước và ảnh hưởng đến các dòng mặt.

3. Tác động của việc khai thác, sử dụng nước tại công trình đến sự suy giảm lưu lượng, mực nước, biến đổi chất lượng nước của các công trình khai thác nước dưới đất khác nằm trong vùng ảnh hưởng của công trình.

4. Thuyết minh cụ thể các biện pháp giảm thiểu và đánh giá tính khả thi của chúng đối với các tác động chính do công trình khai thác gây ra đến nguồn nước, môi trường và các công trình khai thác nước dưới đất khác đang hoạt động; trình bày phương án đối phó trong trường hợp xảy ra sự cố khi khai thác nước dưới đất tại công trình và đánh giá tính khả thi của phương án.

II. Nhận xét, đánh giá và tổng hợp, xác định các tác động có mức độ ảnh hưởng lớn, sâu sắc đến nguồn nước, môi trường và các công trình khai thác nước dưới đất khác đang hoạt động do việc khai thác nước tại công trình.

Chương VI

THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH VÀ PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

I. Thiết kế công trình khai thác nước dưới đất:

Luận chứng, thuyết minh, mô tả thiết kế từng công trình trong sơ đồ công trình khai thác nước dưới đất.

II. Thuyết minh, trình bày cụ thể phương án khai thác nước dưới đất, với các nội dung chính sau:

1. Thuyết minh nhu cầu, mục đích sử dụng nước; xây dựng biểu đồ dùng nước theo từng tháng trong năm và theo từng giai đoạn trong thời gian đề nghị cấp phép khai thác.

2. Thuyết minh, trình bày cụ thể các thông số khai thác của công trình gồm: lưu lượng, mực nước tĩnh, mực nước động, chế độ khai thác của từng loại hình trong công trình.

III. Thuyết minh, trình bày cụ thể phương án quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước dưới đất tại công trình, gồm các nội dung chính sau:

1. Luận chứng xác định số lượng, vị trí, tọa độ, kinh tuyến trực, múi chiều, kết cấu công trình quan trắc và thuyết minh, mô tả kế hoạch xây dựng.

2. Luận chứng lựa chọn các thông số quan trắc, chế độ quan trắc.

3. Thuyết minh, mô tả phương án lắp đặt thiết bị quan trắc tại công trình khai thác, công trình quan trắc và phương án bố trí nhân lực thực hiện việc quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước dưới đất.

IV. Các vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác:

Luận chứng xác định phạm vi các vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác; thuyết minh việc thiết lập, xây dựng vùng bảo hộ vệ sinh và quy định các nội dung cần phải tuân thủ trong vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác.

V. Các cam kết của chủ công trình:

1. Các cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực cũng như nguồn gốc của các thông tin, số liệu trình bày trong báo cáo.

2. Trình bày cụ thể các cam kết của chủ công trình, gồm việc thực hiện đúng, đầy đủ các quy định trong nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất nếu được cấp phép; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành trong lĩnh vực cấp nước; tuân thủ việc quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước dưới đất tại công trình, chế độ báo cáo đối với cơ quan quản lý và các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên nước; cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Phụ lục kèm theo Báo cáo:

1. Bản đồ hoặc sơ đồ địa chất thủy văn tỷ lệ 1:25.000 hoặc lớn hơn kèm theo mặt cắt.
2. Sơ đồ tài liệu thực tế thăm dò nước dưới đất tỷ lệ 1:25.000 hoặc lớn hơn.
3. Bản vẽ hoàn công công trình thăm dò nước dưới đất.
4. Bản vẽ thiết kế công trình khai thác nước dưới đất và công trình quan trắc.
5. Các tài liệu có liên quan khác (nếu có)

4. Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là Bộ phận Một cửa).

- Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Bộ phận Một cửa có trách nhiệm kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ và quyết định cấp phép:

Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo; nếu cần thiết kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định báo cáo.

+ Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp không đủ điều kiện để gia hạn, điều chỉnh giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do không gia hạn, điều chỉnh giấy phép.

+ Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện báo cáo.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là mười tám (18) ngày làm việc.

+ Trường hợp phải lập lại báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ

- Bước 4. Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.

b) Cách thức thực hiện:

- *Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Một cửa hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến.

- *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:*

+ Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép (đối với trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép) hoặc nội dung đề án chưa đạt yêu cầu, phải làm lại (đối với trường hợp phải lập lại).

+ Bộ phận Một cửa thông báo và trả giấy phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (đối với trường hợp đủ điều kiện cấp phép).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép.

- Báo cáo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tình hình thực hiện giấy phép. Trường hợp điều chỉnh giấy phép có liên quan đến quy mô công trình, số lượng giếng khai thác, mực nước khai thác thì phải nêu rõ phương án khai thác nước.

- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

- Sơ đồ vị trí công trình khai thác nước dưới đất đối với trường hợp điều chỉnh giấy phép.

d) Thời hạn giải quyết: 31 ngày làm việc

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định báo cáo:* trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện: không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là mười tám (18) ngày làm việc.

- *Thời hạn trả giấy phép:* trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận giấy phép.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kết quả của thủ tục Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm trở lên cấp theo Mẫu 14 ban hành kèm theo Phụ lục Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

i) Phí thẩm định: do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép: *Mẫu 04 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.*

- Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất và tình hình thực hiện giấy phép. Trường hợp điều chỉnh giấy phép có liên quan đến quy mô công trình, số lượng giếng khai thác, mực nước khai thác thì phải nêu rõ phương án khai thác nước dưới đất: *Mẫu 27 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.*

- Mẫu giấy phép (gia hạn/điều chỉnh) khai thác, sử dụng nước dưới đất: *Mẫu 14 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.*

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Gia hạn giấy phép: việc gia hạn giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất phải căn cứ vào các quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP và các điều kiện sau đây:

+ Giấy phép vẫn còn hiệu lực và hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép được nộp trước thời điểm giấy phép hết hiệu lực ít nhất chín mươi (90) ngày;

+ Đến thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ liên quan đến giấy phép đã được cấp theo quy định của pháp luật và không có tranh chấp.

+ Tại thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép, kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tổ chức, cá nhân phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch tỉnh, khả năng đáp ứng của nguồn nước.

- Điều chỉnh giấy phép: trường hợp chủ giấy phép đề nghị điều chỉnh giấy phép thì phải lập hồ sơ điều chỉnh giấy phép theo quy định của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP; trường hợp cơ quan cấp phép điều chỉnh giấy phép thì cơ quan cấp phép phải thông báo cho chủ giấy phép biết trước ít nhất 90 ngày. Thời hạn của giấy phép điều chỉnh là thời hạn còn lại của giấy phép đã được cấp trước đó.

Trường hợp ngoài việc điều chỉnh giấy phép, chủ giấy phép còn có nhu cầu cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước tại công trình thì thể hiện rõ trong hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép. Việc cấp lại được xem xét đồng thời trong quá trình điều chỉnh giấy phép theo quy định của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012.
- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ ĐIỀU CHỈNH
GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

Kính gửi:.....(1)

1. Thông tin về chủ giấy phép:

- 1.1. Tên chủ giấy phép:.....
1.2. Địa chỉ:.....
1.3. Điện thoại: Fax: Email:
1.4. Giấy phép khai thác nước dưới đất số:..... ngày.....tháng.....năm.....do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp; thời hạn của giấy phép.

2. Lý do đề nghị gia hạn/ điều chỉnh giấy phép:.....(2)

3. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:

- Thời hạn đề nghị gia hạn: tháng/ năm (trường hợp đề nghị gia hạn).
- Nội dung đề nghị điều chỉnh:.....(trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép).

4. Giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo Đơn này gồm có:

- Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tình hình thực hiện giấy phép.
- Phiếu kết quả phân tích chất lượng nguồn nước dưới đất không quá sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.
- Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan.

5. Cam kết của chủ giấy phép:

- (Chủ giấy phép) cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- (Chủ giấy phép) cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.
- (Chủ giấy phép) kiến nghị các nội dung gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép đối với cơ quan cấp phép (nếu có).

Đề nghị (*tên cơ quan cấp phép*) xem xét, gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất cho (*tên chủ giấy phép*).

....., ngày.....tháng.....năm.....

Chủ giấy phép

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN:

(1) Tên cơ quan cấp phép: Ghi Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp tỉnh (*theo quy định tại Điều 28 của Nghị định này*).

(2) Trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép mà chủ giấy phép có nhu cầu cấp lại giấy phép thì phải bổ sung lý do kèm theo các tài liệu chứng minh.

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm...

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(Gia hạn/điều chỉnh/cấp lại lần....)****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP**

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số ngày tháng năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường (*trường hợp cơ quan cấp phép là Bộ Tài nguyên và Môi trường*)/Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày tháng năm (*trường hợp cơ quan cấp phép là UBND cấp tỉnh*);

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ

Xét Đơn đề nghị (*gia hạn/điều chỉnh/cấp lại*) giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) ngày...tháng...năm...và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước (*trường hợp cơ quan cấp phép là Bộ Tài nguyên và Môi trường*)/Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (*trường hợp cơ quan cấp phép là UBND cấp tỉnh*).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (*tên tổ chức/cá nhân*), địa chỉ tại (*đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ hộ khẩu thường trú*) được khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước:.....
2. Vị trí công trình khai thác nước dưới đất (*ghi rõ địa chỉ cụ thể hoặc thôn/ấp.....xã/phường....huyện/quận....tỉnh/thành phố....., nơi bố trí công trình khai thác nước dưới đất; trường hợp công trình khai thác bố trí trong nhiều đơn vị hành chính thì ghi cụ thể số lượng giếng khai thác trên từng đơn vị hành chính*).
3. Tầng chứa nước khai thác (*ghi rõ tầng chứa nước khai thác; trường hợp khai thác nước dưới đất trong nhiều tầng chứa nước thì ghi rõ lưu lượng khai thác trong từng tầng chứa nước*).
4. Tổng số giếng khai thác (*ghi rõ số lượng giếng khai thác hoặc số hố đào/hành lang/mạch lộ/hang động; trường hợp khai thác nước dưới đất trong nhiều tầng chứa nước thì ghi rõ số lượng giếng trong từng tầng chứa nước*).
5. Tổng lưu lượng nước khai thác:.....($m^3/ngày đêm$); trường hợp khai thác nước dưới đất để cấp nước cho nhiều mục đích thì ghi rõ lưu lượng để cấp cho từng

mục đích.

6. Thời hạn của giấy phép là.....năm (đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép)/ giấy phép có hiệu lực đến.....(đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh hoặc cấp lại giấy phép).

7. Chế độ khai thác.....ngày/năm.

8. Vị trí toạ độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu	Toạ độ (VN2000, kinh tuyến trục...., múi chiếu....)		Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y		Từ	Đến		

(có sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước kèm theo)

Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với (tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép):

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;

2. Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định;

3. Thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác theo quy định (nếu có);

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định;

5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước;

6. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo), tổng hợp báo cáo (tên cơ quan cấp phép) về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định tại khoản 2 Điều này;

Điều 3. Cục Quản lý tài nguyên nước/Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài nguyên dùng chung của trung ương và địa phương; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất của công trình này.

Điều 4. (Tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép) được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày và thay thế Giấy phép khai thác nước dưới đất số...ngày...tháng... năm... do (tên cơ quan cấp phép) cấp. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu (tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép) còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố....;
- Cục thuế tỉnh/thành phố. ;
-

- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép, cơ quan trình cấp phép.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)

(Trang bìa trong)

BÁO CÁO
HIỆN TRẠNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT VÀ
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

.....⁽¹⁾

(Trònh hợp gia hạn, điều chỉnh giấy phép)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
Ký (đóng dấu nếu có)

ĐƠN VỊ LẬP BÁO CÁO
Ký, đóng dấu

Địa danh, tháng..../năm.....

⁽²⁾ Ghi tên công trình, vị trí và lưu lượng khai thác

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG
BÁO CÁO HIỆN TRẠNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

(Trường hợp gia hạn, điều chỉnh giấy phép)

Mở đầu

1. Trình bày các thông tin của chủ giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất (*tên chủ giấy phép, địa chỉ trụ sở chính, lĩnh vực hoạt động đối với tổ chức; họ tên, số CMND/căn cước công dân/số định danh cá nhân, địa chỉ thường trú đối với cá nhân*).

2. Trình bày các nội dung, thông tin chủ yếu của giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đã được cấp gồm: số giấy phép, ngày cấp, cơ quan cấp, thời hạn còn lại của giấy phép, vị trí công trình khai thác; mục đích khai thác, sử dụng nước; tổng số giếng, tổng lượng nước khai thác, sử dụng; tầng chứa nước khai thác.

3. Khái quát các nội dung cơ bản của báo cáo, bao gồm các nội dung chủ yếu về tình hình thực hiện giấy phép khai thác, lý do và nội dung đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất.

4. Đánh giá sự phù hợp của việc gia hạn/điều chỉnh nước dưới đất với các quy hoạch về tài nguyên nước, các quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước và quy định có liên quan đến việc gia hạn/điều chỉnh nước dưới đất của tổ chức/cá nhân.

5. Thống kê các tài liệu sử dụng làm căn cứ lập báo cáo gồm: các báo cáo, tài liệu, số liệu quan trắc trong quá trình khai thác tại công trình; các văn bản quy phạm pháp luật và các tài liệu khác có liên quan.

6. Trình bày đầy đủ các thông tin về năng lực của tổ chức/cá nhân lập báo cáo và đánh giá việc đáp ứng các điều kiện theo quy định.

1. Hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất tại công trình

1. Thuyết minh, mô tả tình trạng hoạt động của công trình khai thác, gồm các thông tin về: tình trạng hoạt động, tổng lưu lượng khai thác thực tế của công trình, lưu lượng, chế độ khai thác mùa mưa, mùa khô tại từng giếng khoan (giếng đào, hồ đào, hành lang, mạch lộ, hang động).

2. Tổng hợp, đánh giá diễn biến lưu lượng khai thác nước dưới đất đến thời điểm xin gia hạn/điều chỉnh giấy phép tại công trình, kèm theo bảng tổng hợp và đồ thị diễn biến lưu lượng khai thác.

3. Tổng hợp, đánh giá diễn biến mực nước đến thời điểm xin gia hạn/điều chỉnh giấy phép tại từng giếng khoan (hoặc giếng đào, hồ đào, hành lang, mạch lộ, hang động), kèm theo bảng tổng hợp và đồ thị diễn biến mực nước.

4. Tổng hợp, đánh giá diễn biến chất lượng nước trong quá trình khai thác nước dưới đất đến thời điểm xin gia hạn/điều chỉnh giấy phép, kèm theo bảng tổng hợp kết quả phân tích mẫu nước các thời kỳ.

5. Tổng hợp, đánh giá ảnh hưởng của hoạt động khai thác nước dưới đất đến tình trạng sụt lún đất, biến dạng công trình, gia tăng nhiễm bẩn, nhiễm mặn, suy giảm các dòng mặt và ảnh hưởng đến các công trình khai thác nước dưới đất xung quanh (*nếu có*).

2. Tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép

1. Thuyết minh, trình bày cụ thể tình hình thực hiện các nội dung quy định trong giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất.

2. Thuyết minh, trình bày việc thực hiện các nghĩa vụ của chủ giấy phép được quy định trong giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất và các nghĩa vụ khác có liên quan, kèm theo giấy tờ chứng minh thực hiện nghĩa vụ tài chính (*khi có yêu cầu của cơ quan thẩm định*).

3. Nội dung đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác

1. Trình bày các lý do liên quan đến việc đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất (*thay đổi nhu cầu, mục đích sử dụng nước; thay đổi số lượng giếng; thay đổi lưu lượng khai thác hoặc các lý do khác có liên quan*).

Trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép mà chủ giấy phép có nhu cầu cấp lại giấy phép thì phải bổ sung lý do.

2. Thời gian đề nghị gia hạn:.... tháng/năm (*đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất*).

3. Thuyết minh, mô tả nhu cầu sử dụng nước hiện tại và trong các năm tới; nhu cầu tăng/giảm công suất khai thác, kế hoạch khai thác nước dưới đất trong các năm tới.

4. Trình bày các nội dung đề nghị điều chỉnh (*trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất*).

5. Các cam kết của chủ công trình.

a) Các cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các thông tin, số liệu trình bày trong báo cáo.

b) Trình bày cụ thể các cam kết của chủ công trình, gồm việc tiếp tục thực hiện đúng, đầy đủ các quy định trong nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất nếu được gia hạn/điều chỉnh giấy phép; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành trong lĩnh vực cấp nước; tuân thủ việc quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước dưới đất tại công trình, chế độ báo cáo đối với cơ quan quản lý và các quy định của pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên nước; cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Phương án khai thác nước dưới đất (*đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép có liên quan đến quy mô công trình, số lượng giếng khai thác, mực nước khai thác*).

1. Thuyết minh nhu cầu, mục đích sử dụng nước; xây dựng biểu đồ dùng nước theo từng tháng trong năm.

2. Thuyết minh, mô tả sơ đồ công trình khai thác và các thông số khai thác của công trình, gồm các thông tin về lưu lượng, mực nước tĩnh, mực nước động, chế độ khai thác của từng giếng, kèm theo sơ đồ bố trí công trình khai thác nước dưới đất và bản vẽ cấu trúc giếng (*trường hợp điều chỉnh có sự thay đổi quy mô công trình, số lượng giếng khai thác*).

Yêu cầu nội dung của sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất phải thể hiện được các thông tin chính gồm: các thông tin về *ranh giới, địa danh hành chính, hệ thống sông suối, giao thông, dân cư, vị trí, các thông số chính của công trình khai thác nước dưới đất, các công trình khai thác đang hoạt động khu vực xung quanh*.

Thuyết minh, trình bày phương án bổ sung công trình quan trắc; phương án lắp đặt thiết bị, bố trí nhân lực quan trắc; thiết lập bổ sung và mô tả các vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác (trường hợp điều chỉnh tăng số lượng giếng khai thác).

Kết luận và kiến nghị

Phụ lục kèm theo Báo cáo:

1. Bản vẽ cấu trúc công trình khai thác (giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang...) đối với trường hợp điều chỉnh tăng số lượng công trình khai thác.
2. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).
3. Trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép mà chủ giấy phép có nhu cầu cấp lại giấy phép thì phải bổ sung tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép và các giấy tờ khác có liên quan.

5. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới $2\text{m}^3/\text{giờ}$ và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m^3 , hoặc lưu lượng khai thác từ $2\text{m}^3/\text{giờ}$ trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m^3 , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới $5\text{m}^3/\text{giờ}$; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 $\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 $\text{m}^3/\text{ngày đêm}$

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là Bộ phận Một cửa).

- Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Bộ phận Một cửa có trách nhiệm kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ và quyết định cấp phép:

Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ; nếu cần thiết kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định báo cáo.

+ Trường hợp đủ điều kiện cấp giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do không cấp giấy phép.

+ Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện báo cáo.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là mười tám (18) ngày làm việc.

+ Trường hợp phải lập lại báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ

- Bước 4. Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.

b) Cách thức thực hiện:

- *Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Một cửa hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến.

- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép (đối với trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép) hoặc nội dung đề án chưa đạt yêu cầu, phải làm lại (đối với trường hợp phải lập lại).

+ Bộ phận Một cửa thông báo và trả giấy phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (đối với trường hợp đủ điều kiện cấp phép).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép.

- Đề án khai thác, sử dụng nước đối với trường hợp chưa có công trình khai thác.

- Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước kèm theo quy trình vận hành đối với trường hợp đã có công trình khai thác (nếu thuộc trường hợp quy định phải có quy trình vận hành).

- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ (trừ mục đích khai thác, sử dụng nước cho thủy điện).

- Sơ đồ vị trí công trình khai thác nước.

- Văn bản góp ý, tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến (*đối với trường hợp phải lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân*).

- Trường hợp chưa có công trình khai thác nước mặt, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải nộp trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

đ) Thời hạn giải quyết: 36 ngày làm việc

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định đề án, báo cáo:* Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là mười tám (18) ngày làm việc.

- *Thời hạn trả giấy phép:* Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kết quả của thủ tục Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m³/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m³/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 m³/ngày đêm theo Mẫu 15, Mẫu 17 Phụ lục Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.

i) Phí thẩm định: do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- *Đối với hồ sơ cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt:*

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép: *Mẫu 05 Phụ lục của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.*

+ Đề án khai thác, sử dụng nước đối với trường hợp chưa có công trình khai thác: *Mẫu 28 Phụ lục của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023;*

+ Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước kèm theo quy trình vận hành đối với trường hợp đã có công trình khai thác và đối với trường hợp công trình thủy lợi gồm: hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, công trình thủy lợi vận hành trước năm 2013: *Mẫu 29 và Mẫu 30 Phụ lục của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.*

+ Mẫu giấy phép: *Mẫu 15 Phụ lục của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.*

- *Đối với hồ sơ cấp phép khai thác, sử dụng nước biển:*

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép: *Mẫu 07 Phụ lục của Nghị định số*

02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.

+ Đề án khai thác, sử dụng nước đối với trường hợp chưa có công trình khai thác: *Mẫu 32 Phụ lục của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023;*

+ Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước kèm theo quy trình vận hành đối với trường hợp đã có công trình khai thác (nếu thuộc trường hợp quy định phải có quy trình vận hành): *Mẫu 33 Phụ lục của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.*

+ Mẫu Giấy phép khai thác, sử dụng nước biên : *Mẫu 17 Phụ lục của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.*

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đã hoàn thành việc thông báo, lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan (đối với trường hợp lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân).

- Có đề án, báo cáo phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch tỉnh, quy hoạch chuyên ngành có liên quan đã được phê duyệt hoặc phù hợp với khả năng nguồn nước nếu chưa có các quy hoạch. Đề án, báo cáo phải do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định lập; thông tin, số liệu sử dụng để lập đề án, báo cáo phải bảo đảm đầy đủ, rõ ràng, chính xác và trung thực.

Phương án thiết kế công trình hoặc công trình khai thác tài nguyên nước phải phù hợp với quy mô, đối tượng khai thác và đáp ứng yêu cầu bảo vệ tài nguyên nước, môi trường.

- *Riêng đối với trường hợp khai thác, sử dụng nước mặt có xây dựng hồ, đập trên sông, suối ngoài các điều kiện quy định ở trên còn phải đáp ứng các điều kiện sau:*

+ Có các hạng mục công trình để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu, sử dụng nguồn nước tổng hợp, đa mục tiêu, sử dụng dung tích chết của hồ chứa trong trường hợp hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng, bảo đảm sự di cư của các loài cá, sự đi lại của phương tiện vận tải thủy đối với các đoạn sông, suối có hoạt động vận tải thủy;

+ Có phương án bố trí thiết bị, nhân lực để vận hành hồ chứa, quan trắc, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước; phương án quan trắc khí tượng, thủy văn, tổ chức dự báo lượng nước đến hồ để phục vụ vận hành hồ chứa theo quy định đối với trường hợp chưa có công trình.

+ Có quy trình vận hành hồ chứa; có thiết bị, nhân lực hoặc có hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân có đủ năng lực để thực hiện việc vận hành hồ chứa, quan trắc, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước, quan trắc khí tượng, thủy văn và dự báo lượng nước đến hồ để phục vụ vận hành hồ chứa theo quy định đối với trường hợp đã có công trình.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

Mẫu 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT**

Kính gửi:(1)

1. Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân (*đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/số định danh cá nhân*):

1.2. Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi cấp, ngày cấp hoặc số Quyết định thành lập, cơ quan ký quyết định (*đối với tổ chức*)/ số Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/số định danh cá nhân (*đối với cá nhân*):

1.3. Địa chỉ (*đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ hộ khẩu thường trú*):

1.4. Điện thoại:..... Fax:..... Email:

2. Thông tin chung về công trình khai thác, sử dụng nước:

2.1. Tên công trình

2.2. Loại hình công trình, phương thức khai thác nước.....(2)

2.3. Vị trí công trình (*thôn/ấp, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố*) (3)

2.4. Hiện trạng công trình... (4)

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Nguồn nước khai thác, sử dụng: (5)

3.2. Vị trí lấy nước (6)

3.3. Mục đích khai thác, sử dụng nước: (7)

3.4. Lượng nước khai thác, sử dụng: (8)

3.5. Chế độ khai thác, sử dụng:.....(9)

3.6. Thời gian đề nghị cấp phép: (tối đa là 15 năm)

4. Giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo Đơn này gồm có:

- Đề án khai thác, sử dụng nước (*đối với trường hợp chưa có công trình khai thác/trường hợp công trình chưa đi vào vận hành khai thác nước*); báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước kèm theo quy trình vận hành (*đối với trường hợp đã có công trình khai thác*).

- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước (*không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ*) (*trừ trường hợp khai thác, sử dụng nước cho phát điện*).

- Sơ đồ vị trí công trình khai thác nước.

- Văn bản góp ý và tổng hợp tiếp thu, giải trình lấy ý kiến cộng đồng (*trường hợp dự án/công trình thuộc diện phải lấy ý kiến cộng đồng theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 2 của Nghị định này*).

- Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan.

5. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép:

- (*Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (*Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

- (*Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) kiến nghị các nội dung cấp phép đối với cơ quan cấp phép (nếu có).

Đề nghị (*tên cơ quan cấp phép*) xem xét, cấp giấy phép khai thác sử dụng nước mặt cho (*tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*).

..... ngày..... tháng..... năm

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN:

(1) Tên cơ quan cấp phép: Ghi Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp tỉnh (*theo quy định tại Điều 28 của Nghị định này*).

(2) Ghi rõ loại hình công trình (*hồ chứa/đập dâng/cống/trạm bơm nước,...*), mô tả các hạng mục công trình, dung tích hồ chứa, công suất lắp máy/trạm bơm, cách thức lấy nước, dẫn nước, chuyển nước, trữ nước,...

(3) Trường hợp công trình đặt trên nhiều địa bàn hành chính khác nhau thì ghi đầy đủ các địa danh hành chính đó.

(4) Ghi rõ công trình đã có hay đang xây dựng, dự kiến xây dựng; thời gian đưa vào vận hành/dự kiến vận hành.

(5) Nguồn nước khai thác; Ghi tên sông/suối/kênh/rạch/hồ/ao/đầm/phá; nêu rõ sông/suối là phụ lưu, phân lưu, thuộc hệ thống sông nào; trường hợp công trình có chuyển nước thì nêu rõ cả tên nguồn nước tiếp nhận.

(6) Nêu rõ địa danh vị trí lấy nước (*thôn/ấp, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố*)

và tọa độ các hạng mục chính của công trình: cửa lấy nước, tim tuyến đập (đối với

trường hợp có hồ chứa), tìm nhà máy thủy điện và cửa xả nước vào nguồn nước (đối với công trình thủy điện) (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiếu 3°).

(7) Nêu rõ mục đích sử dụng nước; trường hợp công trình sử dụng nước đa mục tiêu thì ghi rõ từng mục đích sử dụng (*cấp nước tưới, sinh hoạt, công nghiệp, phát điện, nuôi trồng thủy sản...*) và ghi rõ các mục đích sử dụng nước phải tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; nhiệm vụ cấp nước trực tiếp, tạo nguồn tương ứng với từng mục đích sử dụng.

(8) Ghi rõ lượng nước khai thác sử dụng lớn nhất cho từng mục đích sử dụng theo từng thời kỳ ngày/ tháng/ mùa vụ/ năm và tổng lượng nước sử dụng trong năm. Trong đó:

- Lượng nước khai thác sử dụng cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản tính bằng m^3/s .

- Lượng nước qua nhà máy thủy điện tính bằng m^3/s ; công suất lắp máy tính bằng MW.

- Lượng nước khai thác, sử dụng cho các mục đích khác tính bằng $m^3/ngày$ đêm.

(9) Ghi rõ số giờ lấy nước trung bình trong ngày, số ngày lấy nước trung bình theo tháng/mùa vụ/năm.

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày.... tháng.... năm

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP**

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số..... ngày.... tháng năm..... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường (*trường hợp cơ quan cấp phép là Bộ Tài nguyên và Môi trường*)/Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày tháng năm (*trường hợp cơ quan cấp phép là UBND cấp tỉnh*);

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ (1);

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) ngày..... tháng..... năm và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước (*trường hợp cơ quan cấp phép là Bộ Tài nguyên và Môi trường*)/Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (*trường hợp cơ quan cấp phép là UBND cấp tỉnh*).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*), địa chỉ tại (*đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ hộ khẩu thường trú*) khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung sau:

1. Tên công trình:
2. Mục đích khai thác, sử dụng nước: (2)
3. Nguồn nước khai thác sử dụng: (3)
4. Vị trí các hạng mục chính của công trình khai thác, sử dụng nước:.....(4)
5. Chế độ khai thác..... (5)
6. Lượng nước khai thác, sử dụng: (6)
7. Phương thức khai thác, sử dụng:.....(7)
8. Thời hạn của giấy phép là năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với (*tên tổ chức, cá nhân được cấp phép*).....(8)

Điều 3. Cục Quản lý tài nguyên nước/Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài nguyên dùng chung của trung ương và địa phương; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước mặt của công trình này.

Điều 4. (*tên tổ chức, cá nhân được cấp phép*) được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngàyChậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu (*tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép*) còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...;
- Cục thuế tỉnh/thành phố..... ;
-
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép, cơ quan
trình cấp
phép.

(1) Ghi các căn cứ khác liên quan (nếu có).

(2) Nêu rõ mục đích khai thác, sử dụng nước; trường hợp công trình sử dụng nước đa mục tiêu thì ghi rõ từng mục đích sử dụng (*cấp nước tưới, sinh hoạt, công nghiệp, phát điện, nuôi trồng thủy sản.*) và ghi rõ nhiệm vụ cấp nước trực tiếp/tạo nguồn.

(3) Ghi tên sông/suối/kênh/rạch/hồ/ao/đầm/phá; nêu rõ sông/suối là phụ lưu, phân lưu, thuộc hệ thống sông...

(4) Ghi rõ tên địa danh (*thôn/ấp, xã, huyện, tỉnh/thành phố*) nơi xây dựng công trình; tọa độ cửa lấy nước (*theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiếu 3°*). Đối với công trình thủy điện ghi tọa độ tim tuyến đập, cửa lấy nước, nhà máy, cửa xả nước.

(5) Ghi rõ số giờ lấy nước trung bình trong ngày, số ngày lấy nước trung bình theo tháng/mùa vụ/năm.

(6) Ghi rõ lượng nước khai thác sử dụng lớn nhất cho từng mục đích sử dụng theo từng thời kỳ trong ngày/ tháng/ mùa vụ/ năm và tổng lượng nước sử dụng trong năm, cần ghi rõ lượng nước khai thác và lượng nước để tạo nguồn (nếu có). Trong đó:

- Lượng nước khai thác sử dụng cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản tính bằng m³/s.

- Lượng nước qua nhà máy thủy điện tính bằng m^3/s ; công suất lắp máy tính bằng MW.
- Lượng nước khai thác, sử dụng cho các mục đích khác tính bằng $m^3/ngày\ đêm$.

(7) Ghi rõ cách thức lấy nước, dẫn nước, chuyển nước về nơi sử dụng bằng các hạng mục công trình và quy trình vận hành công trình.

(8) Các yêu cầu cụ thể đối với từng trường hợp khai thác, sử dụng nước do cơ quan cấp phép quy định (*yêu cầu về: bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau công trình, lắp đặt thiết bị, đo đạc, giám sát quá trình khai thác, sử dụng nước; chất lượng nguồn nước khai thác; nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; chế độ báo cáo; biện pháp giảm thiểu tác động của công trình đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng sử dụng nước khác có liên quan; các yêu cầu khác nếu có*).

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)

(Trang bìa trong)

**ĐỀ ÁN
KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT**

.....(1)

(đối với trường hợp chưa có công trình khai thác)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
Ký (đóng dấu nếu có)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN
Ký, đóng dấu

Địa danh, tháng. ../năm....

⁽¹⁾ Ghi tên, vị trí và quy mô công trình khai thác, sử dụng nước

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG ĐỀ ÁN KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

(đối với trường hợp chưa có công trình khai thác)

MỞ ĐẦU

1. Trình bày tóm tắt các thông tin của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt (tên, địa chỉ trụ sở chính, lĩnh vực hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập đối với tổ chức; họ tên, số CMND/căn cước công dân/số định danh cá nhân, nơi cấp, ngày cấp địa chỉ thường trú đối với cá nhân).

2. Trình bày sự phù hợp của công trình khai thác, sử dụng nước xin cấp phép với quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành hoặc các quy hoạch khác có liên quan đến việc đầu tư xây dựng công trình khai thác, sử dụng nước.

3. Trình bày các thông tin cơ bản của công trình khai thác, sử dụng nước xin cấp phép.

- Tên, vị trí công trình: thôn/ấp, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố; tọa độ tìm các hạng mục chính của công trình (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiều).

- Nguồn nước khai thác, sử dụng: tên sông/suối/kênh/rạch/hồ/ao/đầm/phá; nêu rõ sông/suối là phụ lưu, phân lưu, thuộc hệ thống sông nào; trường hợp công trình có chuyển nước thì trình bày cả thông tin về nguồn nước tiếp nhận.

- Nhiệm vụ và quy mô: Thuyết minh chi tiết từng nhiệm vụ của công trình khai thác, sử dụng nước theo thứ tự ưu tiên, quy mô và thời kỳ phục vụ của công trình cho từng mục đích sử dụng nước.

- Mục đích khai thác, sử dụng nước: cấp nước sinh hoạt, tưới, sản xuất công nghiệp, phát điện, nuôi trồng thủy sản... Trường hợp công trình khai thác, sử dụng nước cho nhiều mục đích thì nêu rõ từng mục đích sử dụng.

- Loại hình công trình: Trình bày loại hình công trình và phương thức khai thác, sử dụng nước bằng các hạng mục chính của công trình (lấy nước, dẫn nước, chuyển nước). Đối với công trình hồ chứa, trình bày các hạng mục công trình để đảm bảo: duy trì dòng chảy tối thiểu; sử dụng nguồn nước tổng hợp, đa mục tiêu; sử dụng dung tích chết của hồ chứa trong trường hợp hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng; sự di cư của các loài cá; việc đi lại của phương tiện vận tải thủy,...

- Phương thức khai thác, sử dụng nước: trình bày phương thức lấy nước, dẫn nước, chuyển nước bằng các hạng mục chính của công trình.

- Chế độ và lượng nước khai thác, sử dụng: trình bày chế độ khai thác, sử dụng nước của công trình cho từng mục đích theo các thời kỳ trong năm (thời gian, lưu lượng và lượng nước khai thác trung bình, lớn nhất và nhỏ nhất).

- Các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình khai thác, sử dụng nước.

- Hiện trạng xây dựng và thời gian dự kiến hoàn thành, vận hành công trình: trình bày thời gian khởi công xây dựng và thời gian dự kiến đưa công trình đi vào khai

thác, sử dụng; trình bày tiến độ hoàn thành các hạng mục chính của công trình tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép.

4. Thuyết minh căn cứ lập đề án khai thác, sử dụng nước:

- Căn cứ pháp lý: nêu các văn bản pháp lý khác liên quan đến việc đầu tư xây dựng công trình khai thác, sử dụng nước.

- Liệt kê các tài liệu, thông tin, số liệu sử dụng lập đề án (*tài liệu đo đạc, điều tra, đánh giá nguồn nước, hiện trạng khai thác, sử dụng nước,...*); các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng; nguồn gốc

- Đánh giá mức độ đầy đủ, tin cậy của tài liệu, thông tin, số liệu sử dụng.

5. Thông tin về việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư và các tổ chức, cá nhân liên quan đối với trường hợp phải lấy ý kiến hoặc thông báo theo quy định tại Điều 6 của Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012 và Điều 2 của Nghị định này.

Trường hợp phải lấy ý kiến hoặc thông báo: Trình bày rõ trình tự, nội dung thực hiện và tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức cá nhân liên quan.

6. Thông tin về tổ chức, cá nhân lập đề án: thuyết minh lĩnh vực hoạt động, điều kiện năng lực, kinh nghiệm của tổ chức/cá nhân lập đề án; danh sách, trình độ chuyên môn của các thành viên tham gia lập đề án.

(Đính kèm Sơ đồ (khổ A4 đến A3) khu vực công trình khai thác, sử dụng nước, trong đó thể hiện rõ: vị trí các hạng mục chính của công trình, địa danh hành chính các cấp của khu vực)

Chương I

ĐẶC ĐIỂM NGUỒN NƯỚC VÀ TÌNH HÌNH KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC

(Trình bày đặc điểm và tình hình khai thác, sử dụng nguồn nước đề nghị được cấp phép. Trường hợp có chuyển nước từ lưu vực sông này sang lưu vực sông khác thì trình bày cả đặc điểm và tình hình khai thác, sử dụng nước của nguồn nước tiếp nhận).

I. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội

1. Mô tả khái quát vị trí địa lý, địa hình, thổ nhưỡng, thảm phủ thực vật khu vực dự kiến xây dựng công trình khai thác, sử dụng nước.

2. Mô tả tình hình dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội khu vực dự án và vùng phụ cận (*dân cư và phân bố dân cư, đô thị, hiện trạng phát triển công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản và các ngành khác liên quan đến sử dụng nước, nguồn nước khai thác, sử dụng*).

II. Mạng lưới sông suối

1. Trình bày vị trí nguồn nước khai thác trong mạng lưới sông suối của lưu vực (*phụ lưu/phân lưu/dòng chính*), vị trí nguồn sông, cửa sông, các địa danh hành chính mà sông, suối chảy qua.

2. Trình bày cụ thể các đặc trưng hình thái của nguồn nước khai thác (*chiều dài, diện tích lưu vực, hình dạng, độ dốc,...*) và đặc điểm sông, suối, hồ chứa, các công trình điều tiết nước có liên quan trong khu vực.

III. Đặc điểm khí tượng, thủy văn

1. Mô tả mạng lưới trạm quan trắc khí tượng, thủy văn trên lưu vực sông và vùng phụ cận (*tên, vị trí trạm, yếu tố đo, tần suất đo, thời kỳ quan trắc*).
2. Luận chứng việc lựa chọn các trạm quan trắc và số liệu sử dụng để tính toán trong đề án.
3. Phân tích đặc điểm mưa, bốc hơi, dòng chảy sông, suối theo các thời kỳ trong năm của khu vực dự án và vùng phụ cận.

IV. Chế độ dòng chảy

Thuyết minh, đánh giá phương pháp tính toán, xử lý số liệu và kết quả tính toán các đặc trưng thủy văn tại tuyến xây dựng công trình hoặc vị trí khai thác nước, bao gồm:

1. Đối với loại hình công trình hồ, đập.
 - a) Dòng chảy năm:
 - + Quá trình biến đổi dòng chảy trong năm; biến đổi dòng chảy năm trong nhiều năm.
 - + Dòng chảy trung bình nhiều năm (*các đặc trưng và dòng chảy tương ứng với tần suất*).
 - + Mô hình phân phối dòng chảy năm theo các nhóm năm nhiều nước, trung bình, ít nước.
 - b) Đường duy trì lưu lượng bình quân ngày.
 - c) Dòng chảy lũ:
 - + Lưu lượng đỉnh lũ, tổng lượng lũ và quá trình lũ ứng với các tần suất.
 - + Lưu lượng lớn nhất các tháng mùa lũ ứng với các tần suất.
 - d) Dòng chảy kiệt: Lưu lượng bình quân mùa kiệt, ba tháng kiệt nhất, tháng kiệt nhất và ngày nhỏ nhất ứng với các tần suất.
 - đ) Đường quan hệ lưu lượng, mực nước $Q(fz)$ hạ lưu công trình.
 - e) Dòng chảy bùn cát: số liệu quan trắc bùn cát, lượng bùn cát trung bình nhiều năm; phân tích đánh giá bồi lắng hồ chứa và tính toán tuổi thọ công trình.
 - g) Mô tả chế độ triều, biên độ triều, các tác động của hoạt động triều đến nguồn nước khai thác (*đối với công trình khai thác nước nằm trong vùng ảnh hưởng triều*).
2. Đối với loại hình công trình cống, trạm bơm, kênh dẫn:
 - a) Phân tích diễn biến mực nước, lưu lượng theo các tháng trong năm, trung bình nhiều năm.
 - b) Các giá trị mực nước, lưu lượng trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất từng tháng trong chuỗi số liệu tính toán; ứng với tần suất thiết kế của công trình.
 - c) Quan hệ mực nước, lưu lượng tại vị trí khai thác.
 - d) Biến đổi dòng chảy kiệt thời kỳ nhiều năm (*mùa kiệt, ba tháng kiệt nhất, tháng kiệt nhất*).

đ) Dòng chảy bùn cát: độ đục, lưu lượng bùn cát lơ lửng trung bình năm, nhiều năm.

e) Mô tả chế độ triều, biên độ triều, các tác động của hoạt động triều đến nguồn nước khai thác (*đối với công trình khai thác nước nằm trong vùng ảnh hưởng triều*).

V. Chất lượng nguồn nước

1. Phân tích, đánh giá chất lượng nguồn nước dựa vào số liệu đo chất lượng nước tại các trạm quan trắc gần nhất nằm ở thượng, hạ lưu công trình; kết quả phân tích chất lượng nước cho mục đích sử dụng tại thời điểm xin cấp phép (*trừ trường hợp khai thác nước cho thủy điện*).

2. Đánh giá các yếu tố tác động đến chất lượng nguồn nước khu vực khai thác.

VI. Hiện trạng khai thác, sử dụng nước và hệ sinh thái thủy sinh trong khu vực

1. Trình bày tổng quan nhu cầu sử dụng nước phục vụ dân sinh, các ngành sử dụng nước chính trong khu vực dự án và vùng phụ cận.

2. Trình bày các công trình khai thác, sử dụng nước hiện tại và dự kiến trên lưu vực nguồn nước khai thác, sử dụng, cụ thể như sau:

a) Đối với công trình khai thác, sử dụng nước cho sản xuất nông nghiệp: phương thức, chế độ và yêu cầu khai thác, sử dụng nước; các thời kỳ lấy nước trong năm; lưu lượng và tổng lượng nước khai thác, sử dụng trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất theo từng thời kỳ;

b) Đối với công trình khai thác, sử dụng nước cho thủy điện: phương thức và chế độ khai thác, sử dụng nước; lưu lượng phát điện ngày, tháng, mùa, năm trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất; chế độ và lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu sau công trình;

c) Đối với công trình khai thác, sử dụng nước cho các mục đích khác (cấp nước sinh hoạt, công nghiệp, giao thông thủy, nuôi trồng thủy sản...): phương thức, chế độ và yêu cầu khai thác, sử dụng nước; lượng nước khai thác trong ngày, tháng, mùa, năm (*trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất*).

3. Phân tích, đánh giá ảnh hưởng việc khai thác, sử dụng nước của các công trình nêu trên đến nguồn nước khai thác, sử dụng của dự án.

4. Hệ sinh thái thủy sinh: Mô tả hiện trạng hệ sinh thái thủy sinh, các loài thủy sinh quý hiếm cần bảo tồn trong khu vực nguồn nước khai thác, sử dụng.

(Đính kèm Sơ đồ minh họa (khổ A4 đến A3) khu vực khai thác, sử dụng nước, trong đó thể hiện rõ: mạng lưới sông suối; các trạm quan trắc khí tượng, thủy văn; các công trình khai thác, sử dụng nước; địa danh hành chính các cấp của khu vực; trường hợp có chuyển nước sang lưu vực sông khác thì phải có cả thông tin về khu vực và nguồn nước tiếp nhận).

Chương II

NHU CẦU VÀ PHƯƠNG THỨC KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC

I. Phương pháp và kết quả tính toán nhu cầu nước

1. Đối với công trình khai thác, sử dụng nước đề nghị cấp phép

a) Trình bày phương pháp và số liệu dùng để tính toán nhu cầu nước cho từng nhiệm vụ của công trình theo từng thời kỳ trong năm (*bao gồm cả nhiệm vụ bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu công trình*).

b) Trình bày kết quả tính toán nhu cầu nước (*theo dạng bảng biểu*) cho từng nhiệm vụ của công trình theo từng thời kỳ và tổng lượng nước khai thác trong năm.

2. Đối với các nhu cầu sử dụng nước khác trong khu vực:

a) Trình bày phương pháp và số liệu dùng để tính toán nhu cầu nước cho các mục đích sử dụng nước khác trong khu vực theo từng thời kỳ trong năm;

b) Trình bày kết quả tính toán nhu cầu nước (*theo dạng bảng biểu*) cho các mục đích khác trong khu vực và tổng lượng nước khai thác, sử dụng theo các thời kỳ trong năm.

3. Tổng hợp nhu cầu khai thác, sử dụng nước trong khu vực theo từng thời kỳ trong năm, bao gồm: nhu cầu sử dụng nước của công trình đề nghị cấp phép và các nhu cầu sử dụng nước khác (*lập biểu tổng hợp nhu cầu sử dụng nước*).

4. Đánh giá khả năng của nguồn nước bảo đảm cho nhu cầu sử dụng nước của công trình đề nghị cấp phép và cho các nhu cầu sử dụng nước khác trong khu vực theo từng thời kỳ trong năm.

II. Chế độ và lượng nước khai thác, sử dụng nước

1. Trình bày chế độ khai thác, sử dụng nước của công trình cho từng mục đích theo các thời kỳ trong năm (*thời gian, lưu lượng và lượng nước khai thác trung bình, lớn nhất và nhỏ nhất*).

2. Trình bày phương án vận hành công trình khai thác, sử dụng nước.

3. Trình bày phương án vận hành công trình để đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu và đảm bảo đường đi của cá (*nếu có*).

III. Biện pháp giám sát quá trình khai thác, sử dụng nước

1. Luận chứng việc xác định vị trí đo, phương pháp đo, yếu tố đo, tần suất đo, thiết bị đo của trạm quan trắc, giám sát khai thác, sử dụng nước của công trình.

2. Phương án bố trí nhân lực quan trắc, giám sát khai thác, sử dụng nước; đối với dự án xây dựng hồ chứa, phải có phương án quan trắc khí tượng thủy văn, tổ chức dự báo lượng nước đến hồ để phục vụ vận hành hồ chứa.

Chương III

TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC VÀ CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU CÁC TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC

I. Tác động của việc khai thác, sử dụng nước đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác

1. Tác động đến nguồn nước

a) Đánh giá, dự báo sự biến đổi mực nước, lưu lượng và chất lượng nước ở thượng và hạ lưu công trình theo từng thời kỳ khai thác, sử dụng nước.

b) Đối với dự án có xây dựng hồ, đập làm gián đoạn dòng chảy tự nhiên của sông, suối phải đánh giá, dự báo sự biến đổi mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trên đoạn sông, suối bị gián đoạn. Trường hợp dự án có chuyển nước sang lưu vực

sông khác phải đánh giá, dự báo sự biến đổi mực nước, lưu lượng, chất lượng nước ở cả nguồn nước khai thác và nguồn nước tiếp nhận.

2. Tác động đến các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác

a) Đánh giá tác động do việc vận hành khai thác, sử dụng nước của công trình tới các công trình khai thác, sử dụng nước ở thượng, hạ lưu công trình (*an toàn công trình, chế độ và phương thức khai thác, sử dụng nước*) trong các thời kỳ mùa lũ, mùa kiệt, thời kỳ cấp nước gia tăng, thời kỳ hạn hán thiếu nước.

b) Đối với loại hình công trình hồ chứa, bổ sung đánh giá ảnh hưởng của việc xả lũ đến hạ lưu công trình (*diện tích ngập lụt và thiệt hại do lũ gây ra*) trong các trường hợp: vận hành bình thường trong mùa lũ, vận hành xả lũ để bảo vệ công trình, vận hành trong tình huống vỡ đập; trường hợp có chuyển nước sang lưu vực sông khác thì phải đánh giá ảnh hưởng đến: chế độ dòng chảy (*mùa lũ, mùa kiệt*), chế độ phù sa, bùn cát, xói lở lòng, bờ, bãi sông, các công trình khai thác, sử dụng nước trên nguồn tiếp nhận; dự báo khả năng bồi lấp, khô cạn các cảng sông, tuyến, luồng giao thông thủy.

3. Tác động đến môi trường

Đánh giá, dự báo sự biến đổi lượng phù sa, bùn cát, xói lở, bồi lắng lòng, bờ bãi sông; biến đổi hệ sinh thái thủy sinh và các loài động thực vật quý hiếm cần bảo tồn; tác động của việc xây dựng công trình đến diện tích, chất lượng rừng, thảm phủ thực vật; tác động do sự cố xảy ra trong quá trình khai thác, sử dụng nước của công trình.

II. Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực

Thuyết minh cụ thể phương án, biện pháp và kế hoạch thực hiện phòng, chống và giảm thiểu các tác động tiêu cực do hoạt động khai thác, sử dụng nước của công trình gây ra.

1. Xây dựng giải pháp giảm thiểu tác động và lộ trình thực hiện trong thời gian xây dựng, vận hành công trình.

a) Bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu, đảm bảo yêu cầu cấp nước phía hạ du:

- Trình bày toàn bộ các hạng mục vận hành xả nước của công trình, bao gồm các hạng mục như xả tràn, xả sâu, cống xả cát, công trình xả dòng chảy tối thiểu,...

- Trình bày cụ thể phương pháp xác định giá trị dòng chảy tối thiểu và có giải pháp công trình xả phù hợp với giá trị đề xuất (*đối với công trình xả dòng chảy tối thiểu, nêu rõ các thông số chính của công trình, năng lực xả, ...kèm theo bản vẽ của công trình*).

b) Sử dụng nguồn nước tổng hợp, đa mục tiêu.

c) Bảo đảm sự di cư của các loài cá; việc đi lại của phương tiện vận tải thủy,...

d) Các giải pháp bảo đảm sử dụng dung tích chết của hồ chứa để cấp nước cho hạ du trong trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng (*đối với công trình hồ, đập*).

đ) Giải pháp khai thác nguồn nước thay thế trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước khai thác (đối với công trình cấp nước cho mục đích sinh hoạt).

2. Các giải pháp bảo đảm vận hành an toàn công trình.

3. Các giải pháp có liên quan đến: Phòng chống sạt lở, lũ, lụt hạ du; Hành lang bảo vệ hồ chứa; Vùng bảo hộ vệ sinh khu vực khai thác cho mục đích sinh hoạt;...

III. Giải trình các ý kiến góp ý của cộng đồng dân cư

KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Các kiến nghị liên quan đến việc cấp phép khai thác, sử dụng nước.

2. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép (*về tính chính xác, trung thực của tài liệu, thông tin, số liệu trong đề án; nghiêm túc thực hiện các biện pháp, phương án phòng ngừa, giảm thiểu tác động của công trình khai thác, sử dụng nước và lộ trình thực hiện; thực hiện các quy định trong giấy phép,...*).

Phụ lục kèm theo Đề án:

1. Bản sao các văn bản pháp lý có liên quan đến việc xin phép khai thác, sử dụng nước: quyết định thành lập tổ chức/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; quyết định phê duyệt các quy hoạch chuyên ngành liên quan; văn bản chấp thuận đầu tư (*nếu có*); văn bản góp ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân liên quan và văn bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình nếu thuộc trường hợp phải lấy ý kiến (*quy định tại Điều 6 của Luật Tài nguyên nước và Điều 2 của Nghị định này*).

2. Phụ lục thông tin, số liệu về khí tượng, thủy văn và các tài liệu liên quan sử dụng để lập Đề án.

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)

(Trang bìa trong)

**BÁO CÁO
HIỆN TRẠNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT**

..... (1)

(đối với trường hợp đã có công trình khai thác)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
(Ký, đóng dấu)

ĐƠN VỊ LẬP BÁO CÁO
(Ký, đóng dấu)

Địa danh, tháng. ../năm ...

⁽¹⁾ Ghi tên, vị trí và quy mô công trình khai thác, sử dụng nước

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG BÁO CÁO HIỆN TRẠNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

(đối với trường hợp đã có công trình khai thác)

MỞ ĐẦU

1. Trình bày tóm tắt các thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước (tên, địa chỉ trụ sở chính, lĩnh vực hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập đối với tổ chức; họ tên, số CMND/căn cước công dân/số định danh cá nhân, địa chỉ thường trú đối với cá nhân).

2. Trình bày tóm tắt về công trình khai thác, sử dụng nước xin cấp phép, với các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, mục đích, quy mô, nhiệm vụ của công trình (đối với công trình có nhiều nhiệm vụ thì sắp xếp các nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên).

b) Vị trí công trình khai thác, sử dụng nước: thôn/ấp, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố nơi đặt công trình.

c) Nguồn nước khai thác, sử dụng: nêu rõ tên sông/suối (sông chính/phụ lưu/phân lưu cấp..., thuộc hệ thống sông/lưu vực sông.) /kênh/rạch/hồ/ao/ đầm/phá; vị trí tọa độ, địa danh điểm lấy nước (thôn/ấp, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố).

d) Phương thức khai thác, sử dụng nước: mô tả loại hình công trình, các hạng mục chính của công trình lấy nước, dẫn nước, chuyển nước... (Bảng thông số kỹ thuật cơ bản của công trình liên quan đến khai thác, sử dụng nước).

đ) Các căn cứ pháp lý liên quan đến xây dựng, quản lý, vận hành công trình; thời gian bắt đầu vận hành công trình.

3 Tóm tắt tình hình hoạt động của công trình đến thời điểm nộp hồ sơ; tình hình tuân thủ pháp luật về tài nguyên nước, tuân thủ quy trình vận hành liên hồ chứa (nếu thuộc quy trình), tuân thủ các quy định của Giấy phép (nếu đã được cấp phép); những thay đổi của công trình đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép; tình hình thực hiện các nghĩa vụ tài chính; thanh tra, kiểm tra (nếu có).

4. Trình bày các thông tin, số liệu sử dụng để lập báo cáo:

a) Liệt kê các tài liệu, thông tin, số liệu đo đạc, đánh giá nguồn nước, hiện trạng khai thác, sử dụng nước; các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng trong tính toán, lập báo cáo; nêu rõ nguồn gốc thông tin, số liệu thu thập.

b) Đánh giá mức độ, tin cậy của tài liệu, thông tin, số liệu sử dụng.

5. Thuyết minh lĩnh vực hoạt động, điều kiện năng lực, kinh nghiệm của tổ chức/cá nhân lập báo cáo; danh sách, trình độ chuyên môn của các thành viên tham gia lập báo cáo.

Chương I ĐẶC ĐIỂM NGUỒN NƯỚC

(Trình bày đặc điểm nguồn nước khai thác, sử dụng đề nghị được cấp phép. Trường hợp có chuyển nước từ lưu vực sông này sang lưu vực sông khác thì trình bày cả đặc điểm của nguồn nước tiếp nhận).

I. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội

1. Trình bày khái quát vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên khu vực khai thác, sử dụng nước và vùng phụ cận; phân tích, đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố này đến nguồn nước trên lưu vực và nguồn nước khai thác, sử dụng.

2. Trình bày khái quát đặc điểm kinh tế - xã hội khu vực khai thác, sử dụng nước và vùng phụ cận (*phân bố dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, tình hình khai thác, sử dụng nước và xả nước thải vào nguồn nước,...*).

II. Mạng lưới sông suối

1. Mô tả vị trí nguồn nước khai thác trong mạng lưới sông suối của lưu vực (*phụ lưu/phân lưu/dòng chính*), vị trí nguồn sông, cửa sông, các địa danh hành chính mà sông, suối chảy qua.

2. Mô tả cụ thể các đặc trưng hình thái của nguồn nước khai thác và các sông, suối, hồ chứa, các công trình điều tiết nước có liên quan trong khu vực.

III. Đặc điểm khí tượng, thủy văn

1. Mô tả mạng lưới trạm quan trắc khí tượng, thủy văn trên lưu vực sông (*có nguồn nước khai thác*) và vùng phụ cận (*tên, vị trí trạm, yếu tố đo, tần suất đo, thời kỳ quan trắc*); luận chứng việc lựa chọn trạm quan trắc và số liệu sử dụng để tính toán trong báo cáo.

2. Phân tích đặc điểm mưa, bốc hơi, dòng chảy sông, suối theo các thời kỳ trong năm của khu vực khai thác, sử dụng nước và vùng phụ cận.

(*Đính kèm Sơ đồ minh họa (khổ A4 đến A3) khu vực khai thác, sử dụng nước, trong đó thể hiện rõ: mạng lưới sông suối; các trạm quan trắc khí tượng, thủy văn; các công trình khai thác, sử dụng nước; địa danh hành chính các cấp của khu vực; trường hợp có chuyển nước sang lưu vực sông khác thì phải có cả thông tin về khu vực và nguồn nước tiếp nhận*).

IV. Chế độ dòng chảy

1. Trình bày đặc điểm dòng chảy năm, dòng chảy mùa lũ, mùa kiệt; phân phối dòng chảy các tháng trong năm.

2. Trình bày cụ thể phương pháp và kết quả tính toán các đặc trưng thủy văn tại vị trí tuyến công trình theo thời gian tháng, mùa, năm trước và sau khi vận hành công trình.

3. Phân tích, đánh giá diễn biến nguồn nước khai thác trước và sau khi có công trình.

4. Đánh giá diễn biến tổng lượng bùn cát năm, mùa lũ, mùa cạn trong quá trình vận hành công trình.

V. Chất lượng nguồn nước và hệ sinh thái thủy sinh

1. Phân tích, đánh giá đặc điểm, diễn biến chất lượng nguồn nước khu vực khai thác trước và sau khi vận hành công trình.

2. Phân tích, đánh giá các yếu tố tác động đến chất lượng nguồn nước khu vực khai thác.

Chương II

TÌNH HÌNH KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC

I. Hiện trạng công trình khai thác, sử dụng nước xin cấp phép

1. Trình bày cụ thể vị trí, nhiệm vụ, quy mô của công trình; các hạng mục chủ yếu và phương thức khai thác, sử dụng nước của công trình.

2. Trình bày cụ thể về tình trạng hoạt động của công trình đến thời điểm lập báo cáo; những thay đổi của công trình trong suốt quá trình vận hành (*kèm theo bảng các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình khai thác, sử dụng nước tại thời điểm lập báo cáo*).

3. Trình bày cụ thể việc tuân thủ quy định về tài nguyên nước, quy định việc thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa (nếu thuộc phạm vi), các quy định trong Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; tình hình thực hiện các nghĩa vụ tài chính; thanh tra, kiểm tra (nếu có). Riêng đối với loại hình công trình hồ, đập cần đánh giá việc tuân thủ quy trình vận hành xả dòng chảy tối thiểu; quan trắc, giám sát tài nguyên nước, cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước, an toàn công trình.

(Đính kèm Sơ đồ (khổ A4 đến A3) khu vực công trình khai thác, sử dụng nước, trong đó thể hiện rõ: mạng lưới sông suối; địa danh hành chính các cấp của khu vực, các hạng mục chính của công trình).

II. Tình hình khai thác, sử dụng nước của công trình

1. Trình bày cụ thể chế độ, lượng nước khai thác cho từng mục đích sử dụng trong suốt thời gian vận hành công trình, đến thời điểm lập báo cáo:

a) Đối với khai thác, sử dụng nước cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản: trình bày cụ thể các thời kỳ (*tháng/mùa/vụ*) lấy nước trong năm; số giờ, số ngày lấy nước trong từng thời kỳ; lưu lượng (m^3/s) và tổng lượng nước khai thác trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất theo từng thời kỳ; diễn biến lượng nước khai thác, sử dụng qua các năm.

b) Đối với khai thác, sử dụng nước cho thủy điện: nêu rõ số giờ phát điện, lưu lượng phát điện trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất (m^3/s), tổng lượng nước phát điện trong năm và diễn biến qua các năm; chế độ và lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu (m^3/s) trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất sau công trình (*nếu có*).

c) Đối với khai thác, sử dụng nước cho các mục đích khác: trình bày cụ thể lượng nước khai thác trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất ($m^3/ngày\ đêm$) theo các thời kỳ (*tháng/mùa/vụ*) lấy nước trong năm và diễn biến qua các năm khai thác.

2. Trình bày tổng lượng nước khai thác, sử dụng cho từng thời kỳ và tổng lượng nước khai thác, sử dụng trong từng năm đối với công trình khai thác, sử dụng nước phục vụ nhiều mục đích.

3. Trình bày cụ thể các vị trí quan trắc và nội dung, phương pháp, chế độ, thiết bị quan trắc, giám sát trong quá trình khai thác, sử dụng nước.

4. Đánh giá tình hình khai thác, sử dụng nước của công trình

III. Tình hình khai thác, sử dụng nước của các tổ chức, cá nhân khác trong khu vực

1. Liệt kê các công trình khai thác, sử dụng nước liên quan hiện có trên lưu vực: tên, vị trí, loại hình công trình, nhiệm vụ, mục đích, quy mô, phạm vi cấp nước, khoảng cách đến công trình xin cấp phép,...

2. Trình bày cụ thể tình hình khai thác, sử dụng nước của các công trình có liên quan:

a) Đối với khai thác, sử dụng nước cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản: các thời kỳ lấy nước trong năm; số giờ, số ngày lấy nước trong từng thời kỳ; chế độ, lưu lượng (m^3/s) và tổng lượng nước khai thác trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất theo từng thời kỳ.

b) Đối với công trình khai thác, sử dụng nước cho thủy điện: số thời gian phát điện trong ngày, tháng, mùa, năm; lưu lượng nước phát điện trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất (m^3/s) theo ngày, tháng, mùa; chế độ và lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu (m^3/s) sau công trình (nếu có).

c) Đối với công trình khai thác, sử dụng nước cho các mục đích khác: trình bày lượng nước khai thác trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất ($m^3/ngày đêm$) theo các thời kỳ ngày, tháng, mùa, năm.

d) Phân tích, đánh giá ảnh hưởng của các công trình nêu trên đến nguồn nước và vận hành của công trình xin cấp phép.

3. Trình bày hiện trạng hệ sinh thái thủy sinh trong khu vực, liệt kê các loài quý hiếm cần bảo tồn trong khu vực khai thác, sử dụng.

IV. Kế hoạch khai thác, sử dụng nước của công trình trong thời gian đề nghị cấp phép: thuyết minh cụ thể nhu cầu, kế hoạch, chế độ khai thác, sử dụng nước của công trình trong thời gian đề nghị cấp phép.

Chương III

TÁC ĐỘNG TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC

I. Đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng nước và vận hành công trình đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng sử dụng nước khác có liên quan trong khu vực

1. Đối với loại hình công trình hồ, đập.

a) Đánh giá tác động của việc điều tiết, vận hành công trình đến: chế độ dòng chảy (*mức nước, lưu lượng*) mùa lũ, mùa kiệt; chế độ phù sa/bùn cát, xói lở lòng, bờ, bãi sông; chất lượng nước; hệ sinh thái thủy sinh và việc khai thác, sử dụng nước của các đối tượng khác trên sông, suối phía thượng và hạ lưu công trình trong các thời kỳ (*mùa lũ, mùa kiệt, thời kỳ dùng nước gia tăng*).

b) Đối với công trình thủy điện kiểu đường dẫn: bổ sung đánh giá tác động đến chế độ dòng chảy, khai thác, sử dụng nước, hệ sinh thái thủy sinh trên các đoạn sông, suối giữa đập và nhà máy (*thể hiện rõ độ dài đoạn sông, suối bị giảm nước, các đặc trưng dòng chảy, tình hình sử dụng nước...*).

c) Trường hợp công trình có chuyển nước thì phải đánh giá tác động đến nguồn nước tiếp nhận (*biến đổi dòng chảy, gia tăng lũ lụt, xói lở, bồi lấp, biến dạng hình thái sông/suối,...*) và các hoạt động khai thác, sử dụng nước khác trên nguồn nước tiếp nhận.

2. Đối với các loại hình công trình khác: đánh giá các tác động đến chế độ dòng chảy (*mức nước, lưu lượng*) và các công trình khai thác, sử dụng nước khác trên sông, suối phía hạ lưu công trình theo từng thời kỳ sử dụng nước.

II. Thuyết minh các biện pháp khắc phục, giảm thiểu tác động tiêu cực và giám sát quá trình khai thác, sử dụng nước

1. Đối với loại hình công trình hồ, đập, công trình có chuyển nước

a) Rà soát hiện trạng vận hành của biện pháp duy trì dòng chảy tối thiểu hiện có của công trình, đánh giá tính khả thi, hiệu quả của biện pháp. Luận chứng, xác định dòng chảy tối thiểu cần phải duy trì ở hạ lưu công trình; thuyết minh biện pháp, phương án bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu trong thời gian đề nghị cấp phép. Bao gồm: bản vẽ thiết kế hạng mục công trình xả dòng chảy tối thiểu, thể hiện rõ cao trình, vị trí hạng mục công trình, năng lực xả lớn nhất ứng với MNC; giải pháp dự phòng khi có nhu cầu gia tăng ở hạ du (nếu có).

b) Thuyết minh phương án, giải pháp khắc phục, giảm thiểu các tác động tiêu cực (*đã đánh giá ở điểm a mục 1 của Chương này*) trong thời gian đề nghị cấp phép (*trong điều kiện bình thường và trong trường hợp xảy ra sự cố, thiên tai lũ lụt, hạn hán thiếu nước*).

c) Thuyết minh tình hình thực hiện cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước hồ chứa (nếu thuộc đối tượng); tình hình thực hiện các phương án bảo vệ đập, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp, ứng phó với tình huống thiên tai cho đập, hồ chứa và phương án phòng, chống lụt bão cho hạ du...

2. Đối với các loại hình khai thác, sử dụng nước khác:

a) Thuyết minh giải pháp, phương án khắc phục, giảm thiểu tác động tiêu cực của việc khai thác, sử dụng nước tại công trình (*đã đánh giá ở điểm b mục 2 của Chương này*) trong thời gian đề nghị cấp phép.

b) Riêng đối với loại hình khai thác, sử dụng nước cấp cho sinh hoạt tập trung cần thuyết minh rõ tình hình thực hiện xác định phạm vi vùng bảo hộ cấp nước sinh hoạt.

3. Thuyết minh các biện pháp giám sát quá trình khai thác, sử dụng nước (*giám sát lưu lượng khai thác, lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu, mức nước, chất lượng nước*): vị trí đo, loại dụng cụ đo, yếu tố đo, chế độ đo. Đối với loại hình công trình là hồ chứa, đập dâng: thuyết minh rõ phương án quan trắc khí tượng, thủy văn; dự báo lượng nước đến hồ; phương tiện, thiết bị, nhân lực thực hiện việc quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước.

4. Các cam kết của chủ công trình về việc khai thác, sử dụng nước, quan trắc, giám sát nguồn nước khai thác, sử dụng, vận hành công trình để bảo đảm dòng chảy tối thiểu ở hạ lưu công trình và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do vận hành công trình, khai thác, sử dụng nước gây ra.

Chương IV

ĐỀ ÁN KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

(Bổ sung thêm nội dung đề án khai thác, sử dụng nước mặt đối với trường hợp công trình đề xuất điều chỉnh quy mô công suất)

I. Thuyết minh luận chứng phương án điều chỉnh:

1. Căn cứ pháp lý: Liệt kê các văn bản, quyết định pháp lý liên quan đến việc điều chỉnh quy mô/quy trình vận hành công trình.
2. Căn cứ kỹ thuật: tính toán, luận chứng để đảm bảo chức năng nguồn nước, khả năng đáp ứng của nguồn nước đối với việc điều chỉnh quy mô công suất.

II. Phương án điều chỉnh:

1. Đối với trường hợp điều chỉnh các hạng mục công trình (nâng đập, xây mới nhà máy...):

- Thuyết minh rõ vị trí, quy mô, hạng mục, thông số của phương án điều chỉnh so với giấy phép đã được cấp và các biện pháp thi công các hạng mục công trình nêu trên.

- Thuyết minh rõ phương thức, chế độ khai thác, sử dụng nước so với quy mô trước khi điều chỉnh: cách thức lấy nước, thời gian lấy nước, chế độ vận hành công trình.

- Đánh giá khả năng đáp ứng của nguồn nước, an toàn công trình đối với việc điều chỉnh quy mô công trình.

2. Đối với trường hợp bổ sung nguồn nước khai thác (biện pháp công trình chuyển nước về tuyến đập):

- Thuyết minh rõ nguồn nước khai thác (khu vực chuyển nước và khu vực nhận nước), biện pháp công trình chuyển nước về tuyến công trình hiện có, biện pháp nâng công suất (tăng dung tích điều tiết của hồ; nâng công suất tổ máy, lắp đặt tổ máy...) và các biện pháp thi công các hạng mục công trình.

- Thuyết minh rõ vị trí, thông số, quy mô của phương án điều chỉnh so với giấy phép đã được cấp.

- Thuyết minh rõ phương thức, chế độ khai thác, sử dụng nước so với quy mô trước khi điều chỉnh: cách thức lấy nước, thời gian lấy nước, chế độ vận hành công trình.

- Đánh giá các vấn đề an toàn công trình, an toàn hạ du của việc điều chỉnh quy mô của công trình.

III. Kế hoạch sử dụng nước theo phương án điều chỉnh:

Thuyết minh cụ thể nhu cầu, kế hoạch, chế độ khai thác, sử dụng trong thời gian đề nghị cấp phép theo phương án điều chỉnh. Trong đó, thuyết minh, tính toán rõ nhu cầu sử dụng nước cho từng mục đích (phát điện, tưới... xả dòng chảy tối thiểu).

IV. Đánh giá tác động và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực theo phương án điều chỉnh:

1. Đối với trường hợp điều chỉnh các hạng mục công trình (nâng đập, xây mới nhà máy...):

Đánh giá tác động gia tăng của việc điều chỉnh quy mô công suất đến nguồn nước (gia tăng ngập lụt, xói lở...), môi trường, hệ sinh thái thủy sinh và các công trình khai thác, sử dụng nước ở phía thượng và hạ du công trình (nguy cơ ngập lụt ở thượng lưu; nguy cơ mất an toàn, thiếu nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước khu vực hạ du...) và đề xuất các biện pháp giảm thiểu tương ứng với các tác động nêu trên (thuyết minh rõ biện pháp xả dòng chảy tối thiểu - nếu có điều chỉnh).

2. Đối với trường hợp bổ sung nguồn nước khai thác (biện pháp công trình chuyên nước về tuyến đập):

Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp giảm thiểu tương ứng với mục a đối với lưu vực nhận nước.

Bổ sung đánh giá tác động đến lưu vực chuyên nước, cụ thể: tác động đến nguồn nước - suy giảm lượng nước), môi trường, hệ sinh thái thủy sinh và nguy cơ gây thiếu nước cho các công trình khai thác, sử dụng nước (nếu có).

KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Các kiến nghị liên quan đến việc cấp phép khai thác, sử dụng nước.

2. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép (*về tính chính xác, trung thực của tài liệu, thông tin, số liệu trong báo cáo; nghiêm túc thực hiện các giải pháp khắc phục, giảm thiểu tác động của công trình khai thác, sử dụng nước và lộ trình thực hiện; thực hiện các quy định trong giấy phép,...*).

Phụ lục kèm theo Báo cáo:

1. Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến việc xin phép khai thác, sử dụng nước: quyết định thành lập tổ chức/giấy phép đăng ký kinh doanh; quyết định phê duyệt quy hoạch chuyên ngành liên quan đến xây dựng công trình, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, phê duyệt quy trình vận hành công trình/hồ chứa; văn bản bàn giao nhiệm vụ quản lý, vận hành công trình (*nếu có*).

2. Phụ lục thông tin, số liệu về khí tượng, thủy văn; số vận hành công trình (*ít nhất là 3 năm gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo*) và các tài liệu liên quan sử dụng để lập Báo cáo.

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)

(Trang bìa trong)

BÁO CÁO

HIỆN TRẠNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

..... (1)

(đối với trường hợp công trình thủy lợi gồm: hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, cống vận hành trước năm 2013)

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP**
(Ký, đóng dấu)

ĐƠN VỊ LẬP BÁO CÁO
(Ký, đóng dấu)

Địa danh, tháng .../năm.....

⁽¹⁾ Ghi tên, vị trí và quy mô công trình khai thác, sử dụng nước

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG BÁO CÁO HIỆN TRẠNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT

(đối với trường hợp công trình thủy lợi gồm: hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, cống vận hành trước năm 2013)

MỞ ĐẦU

1. Trình bày tóm tắt các thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước (tên, địa chỉ trụ sở chính, lĩnh vực hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập đối với tổ chức; họ tên, số CMND/căn cước công dân/số định danh cá nhân, địa chỉ thường trú đối với cá nhân).

2. Trình bày tóm tắt về công trình khai thác, sử dụng nước xin cấp phép, với các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, vị trí, mục đích, quy mô, nhiệm vụ, phương thức khai thác, sử dụng nước của công trình (Bảng thông số kỹ thuật cơ bản của công trình liên quan đến khai thác, sử dụng nước).

b) Nguồn nước khai thác, sử dụng: nêu rõ tên sông/suối (sông chính/phụ lưu/phân lưu cấp..., thuộc hệ thống sông/lưu vực sông...) /kênh/rạch/hồ/ao/ đầm/phá; vị trí tọa độ, địa danh điểm lấy nước (thôn/ấp, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố).

c) Các căn cứ pháp lý liên quan đến xây dựng, quản lý, vận hành công trình; thời gian bắt đầu vận hành, tình hình hoạt động của công trình đến thời điểm nộp hồ sơ.

3. Tóm tắt tình hình hoạt động của công trình đến thời điểm nộp hồ sơ; tình hình tuân thủ các quy định về tài nguyên nước; những thay đổi thông số kỹ thuật của công trình đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp phép; khó khăn, vướng mắc, tồn tại trong quá trình khai thác, sử dụng nước của công trình.

4. Trình bày các thông tin, số liệu sử dụng để lập báo cáo:

Liệt kê các tài liệu, thông tin, số liệu đo đạc, điều tra, đánh giá nguồn nước, hiện trạng khai thác, sử dụng nước; các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng trong tính toán, lập báo cáo; nêu rõ nguồn gốc thông tin, số liệu thu thập. Đánh giá mức độ đầy đủ, tin cậy của tài liệu, thông tin, số liệu sử dụng.

5. Thuyết minh lĩnh vực hoạt động, điều kiện năng lực, kinh nghiệm của tổ chức/cá nhân lập báo cáo; danh sách, trình độ chuyên môn của các thành viên tham gia lập báo cáo.

Chương I

ĐẶC ĐIỂM NGUỒN NƯỚC

I. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội

Trình bày khái quát vị trí địa lý, đặc điểm địa hình, thảm phủ thực vật khu vực khai thác, sử dụng nước và vùng phụ cận; đặc điểm kinh tế - xã hội khu vực khai thác, sử dụng nước và vùng phụ cận (phân bố dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, tình hình

sử dụng nước cho sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp, chăn nuôi, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản, xả nước thải,...).

II. Mạng lưới sông suối và đặc điểm khí tượng thủy văn

1. Mô tả vị trí nguồn nước khai thác trong mạng lưới sông suối của lưu vực (*phụ lưu/phân lưu/dòng chính*), vị trí nguồn sông, cửa sông; đặc trưng hình thái của nguồn nước khai thác và các sông, suối có liên quan trong khu vực.

2. Mô tả mạng lưới trạm quan trắc khí tượng, thủy văn trên lưu vực sông (*có nguồn nước khai thác*) và vùng phụ cận (*tên, vị trí trạm, yếu tố đo, tần suất đo, thời kỳ quan trắc*); luận chứng việc lựa chọn trạm quan trắc và số liệu sử dụng để tính toán trong báo cáo.

3. Phân tích đặc điểm mưa, dòng chảy sông, suối theo các thời kỳ trong năm của khu vực khai thác, sử dụng nước.

(Đính kèm Sơ đồ minh họa (khổ A4 đến A3) khu vực khai thác, sử dụng nước, trong đó thể hiện rõ: mạng lưới sông suối; các trạm quan trắc khí tượng, thủy văn; các công trình khai thác, sử dụng nước; địa danh hành chính các cấp của khu vực).

III. Chế độ dòng chảy

1. Trình bày các đặc trưng thủy văn tại vị trí tuyến công trình theo thời gian tháng, mùa, năm. Đối với loại hình hồ chứa, đập dâng: Trình bày đặc điểm dòng chảy năm, dòng chảy mùa lũ, mùa kiệt; phân phối dòng chảy các tháng trong năm. Đối với loại hình cống, trạm bơm, kênh dẫn: Trình bày đặc điểm mực nước, lưu lượng theo các tháng trong năm, quan hệ mực nước, lưu lượng tại vị trí khai thác.

2. Mô tả chế độ triều, biên độ triều, các tác động của hoạt động triều đến nguồn nước khai thác (*đối với công trình khai thác nước nằm trong vùng ảnh hưởng triều*).

Chương II

TÌNH HÌNH KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC

I. Hiện trạng công trình khai thác, sử dụng nước xin cấp phép

1. Trình bày cụ thể vị trí, nhiệm vụ, quy mô của công trình; các hạng mục chủ yếu và phương thức khai thác, sử dụng nước của công trình.

2. Trình bày cụ thể về tình trạng hoạt động của công trình đến thời điểm lập báo cáo; những thay đổi của công trình trong suốt quá trình vận hành (*kèm theo bảng các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình khai thác, sử dụng nước tại thời điểm lập báo cáo*).

II. Tình hình khai thác, sử dụng nước của công trình

1. Trình bày cụ thể các thời kỳ (*tháng/mùa/vụ*) lấy nước trong năm; lưu lượng (m^3/s) và tổng lượng nước khai thác trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất theo từng thời kỳ; diễn biến lượng nước khai thác, sử dụng qua các năm.

2. Trình bày cụ thể các vị trí quan trắc và nội dung, phương pháp, chế độ, thiết bị quan trắc, giám sát trong quá trình khai thác, sử dụng nước.

3. Đánh giá tình hình khai thác, sử dụng nước của công trình: thuận lợi, khó khăn, bất cập, đề xuất (nếu có).

III. Tình hình khai thác, sử dụng nước của các tổ chức, cá nhân khác trong khu vực

1. Trình bày cụ thể tình hình khai thác, sử dụng nước của các công trình có liên quan: vị trí, nhiệm vụ, mục đích, phương thức, chế độ và yêu cầu khai thác, sử dụng nước của các công trình khai thác nước có liên quan.

2. Phân tích, đánh giá ảnh hưởng của các công trình nêu trên đến nguồn nước và vận hành của công trình xin cấp phép.

Chương III

KẾ HOẠCH KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC

I. Nhu cầu khai thác, sử dụng nước của công trình trong thời gian đề nghị cấp phép

Thuyết minh cụ thể nhu cầu, kế hoạch, chế độ khai thác, sử dụng nước của công trình trong thời gian đề nghị cấp phép.

II. Đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng nước và vận hành công trình đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng sử dụng nước khác có liên quan trong khu vực

Đánh giá tác động của việc điều tiết, vận hành công trình đến: chế độ dòng chảy (*mực nước, lưu lượng*) mùa lũ, mùa kiệt; xói lở lòng, bờ, bãi sông; chất lượng nước; hệ sinh thái thủy sinh và việc khai thác, sử dụng nước của các đối tượng khác trên sông, suối phía thượng và hạ lưu công trình trong các thời kỳ (*mùa lũ, mùa kiệt, thời kỳ dùng nước gia tăng*).

III. Thuyết minh các biện pháp khắc phục, giảm thiểu tác động tiêu cực và giám sát quá trình khai thác, sử dụng nước

1. Đối với loại hình công trình hồ, đập: Luận chứng, xác định dòng chảy tối thiểu duy trì ở hạ lưu công trình; thuyết minh biện pháp, phương án bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu.

2. Đối với các loại hình khai thác, sử dụng nước khác: thuyết minh giải pháp, phương án khắc phục, giảm thiểu tác động tiêu cực của việc khai thác, sử dụng nước tại công trình trong thời gian đề nghị cấp phép.

3. Thuyết minh các biện pháp giám sát quá trình khai thác, sử dụng nước (*giám sát lưu lượng khai thác, lưu lượng xả dòng chảy tối thiểu, mực nước, chất lượng nước*): vị trí đo, loại dụng cụ đo, yếu tố đo, chế độ đo. Thuyết minh rõ phương án quan trắc khí tượng, thủy văn; phương tiện, thiết bị, nhân lực thực hiện việc quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước.

KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Các kiến nghị liên quan đến việc cấp phép khai thác, sử dụng nước,

2. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép (*về tính chính xác, trung thực của tài liệu, thông tin, số liệu trong báo cáo; nghiêm túc thực hiện các giải pháp khắc phục, giảm thiểu tác động của công trình khai thác, sử dụng nước và lộ trình thực hiện; thực hiện các quy định trong giấy phép,...*).

Phụ lục kèm theo Báo cáo:

1. Bản sao các văn bản pháp lý liên quan đến việc xin phép khai thác, sử dụng nước: quyết định thành lập tổ chức/giấy phép đăng ký kinh doanh; quyết định phê duyệt quy hoạch chuyên ngành liên quan đến xây dựng công trình, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, phê duyệt quy trình vận hành công trình/hồ chứa; văn bản bàn giao nhiệm vụ quản lý, vận hành công trình (*nếu có*).

2. Phụ lục thông tin, số liệu về khí tượng, thủy văn; sổ vận hành công trình và các tài liệu liên quan sử dụng để lập Báo cáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KHAİ THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC BIỂN**

Kính gửi: (1)

1. Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân (đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/số định danh cá nhân):
.....

1.2. Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi cấp, ngày cấp hoặc số Quyết định thành lập, cơ quan ký quyết định (đối với tổ chức)/số Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/số định danh cá nhân (đối với cá nhân):.....

1.3. Địa chỉ (đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ hộ khẩu thường trú):
.....

1.4. Điện thoại:..... Fax:..... Email:

2. Thông tin chung về công trình khai thác, sử dụng nước biển:

2.1. Tên công trình

2.2. Vị trí khu vực công trình (thôn/ấp, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố).

2.3. Hiện trạng công trình (2)

3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép:

3.1. Vị trí khai thác, sử dụng nước biển:.....(3)

3.2. Mục đích khai thác, sử dụng nước biển: (4)

3.3. Phương thức khai thác, sử dụng:(5)

3.4. Lượng nước khai thác, sử dụng..... (6)

3.5. Chế độ khai thác, sử dụng:(7)

3.6. Thời gian đề nghị cấp phép: (tối đa là 15 năm)

4. Giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo Đơn này gồm có:

- Đề án khai thác, sử dụng nước biển (đối với trường hợp chưa có công trình khai thác); báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước kèm theo quy trình vận hành (đối với trường hợp đã có công trình khai thác).

- Kết quả phân tích chất lượng nước tại vị trí khai thác và vị trí xả nước sau khi sử dụng (không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ).

- Sơ đồ vị trí công trình khai thác, sử dụng nước biển.

5. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép:

- (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép) cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép) cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

- (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) kiến nghị các nội dung cấp phép đối với cơ quan cấp phép (nếu có).

Đề nghị (tên cơ quan cấp phép) xem xét, cấp giấy phép khai thác sử dụng nước biển cho (tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép)/.

..... ngày..... tháng năm

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN:

(1) Tên cơ quan cấp phép: Ghi Bộ Tài nguyên và Môi trường/Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh (theo quy định tại Điều 28 của Nghị định này).

(2) Ghi rõ công trình đã có hay đang xây dựng, dự kiến xây dựng; thời gian đưa vào vận hành/dự kiến vận hành.

(3) Ghi rõ tên vùng biển khai thác thuộc địa phận xã/phường....huyện/quận... tỉnh/thành phố...; vị trí lấy nước, sử dụng nước, xả nước: thôn/ấp... xã/phường....huyện/quận....tỉnh/thành phố...; tọa độ của điểm lấy nước, khu vực sử dụng nước, xả nước (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiều 3°).

(4) Nêu rõ các mục đích sử dụng nước biển (làm mát, nuôi trồng thủy sản, tuyển quặng...).

(5) Mô tả các hạng mục công trình, công suất trạm bơm, cách thức lấy nước, dẫn nước, chuyển nước về nơi sử dụng, trữ nước trên đất liền,...

(6) Lưu lượng nước khai thác, sử dụng lớn nhất (m^3/s), lượng nước khai thác, sử dụng lớn nhất theo ngày ($m^3/ngày đêm$) và theo năm ($m^3/năm$).

(7) Ghi rõ số giờ lấy nước trung bình trong ngày, số ngày lấy nước trung bình theo tháng/mùa...

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC BIỂN
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan cấp phép;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) ngày tháng năm..... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép), địa chỉ tại (đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ hộ khẩu thường trú) khai thác, sử dụng nước biển với các nội dung sau:

1. Tên công trình:
2. Mục đích khai thác, sử dụng:..... (2)
3. Vị trí các hạng mục chính của công trình khai thác, sử dụng:.....(3)
4. Lượng nước khai thác, sử dụng: (4)
5. Chế độ khai thác..... (5)
6. Phương thức khai thác, sử dụng:.....(6)
7. Thời hạn của giấy phép là ...năm.:

Điều 2. Các yêu cầu đối với (tên tổ chức, cá nhân được cấp phép).....(7)

Điều 3. Cục Quản lý tài nguyên nước/Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài nguyên dùng chung của trung ương và địa phương; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước biển của công trình này.

Điều 4. *(Tên tổ chức, cá nhân được cấp phép)* được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy

định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày
Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu (tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép) còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước biển với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...;
- Cục thuế tỉnh/ thành phố...;
-
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép; cơ quan trình cấp phép.

(1) Ghi các căn cứ khác liên quan (nếu có).

(2) Nêu rõ các mục đích khai thác, sử dụng nước biển.

(3) Ghi rõ tên địa danh (thôn/ấp, xã, huyện, tỉnh/thành phố) nơi xây dựng công trình khai thác, sử dụng nước biển; tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiều 3°) cửa lấy nước ngoài biển, vị trí xả nước vào nguồn tiếp nhận.

(4) Lưu lượng khai thác nước lớn nhất (m^3/s), lượng nước khai thác lớn nhất theo ngày ($m^3/ngày$) và theo năm ($m^3/năm$).

(5) Ghi số giờ lấy nước trung bình trong ngày, số ngày lấy nước trung bình theo tháng/mùa vụ/năm.

(6) Ghi cách thức lấy nước, dẫn nước biển về nơi sử dụng bằng các hạng mục công trình và quy trình vận hành công trình.

(7) Các yêu cầu cụ thể đối với từng trường hợp khai thác, sử dụng nước do cơ quan cấp phép quy định (yêu cầu về: chất lượng nguồn nước khai thác, lắp đặt thiết bị, đo đạc, giám sát quá trình khai thác, sử dụng nước, xả nước; chế độ báo cáo; biện pháp giảm thiểu tác động của công trình đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng sử dụng nước khác có liên quan, các yêu cầu khác nếu có).

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)

(Trang bìa trong)

**ĐỀ ÁN
KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC BIỂN**

.....(1)

(đối với trường hợp chưa có công trình khai thác)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
(Ký, đóng dấu)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN
(Ký, đóng dấu)

Địa danh, tháng..../năm.....

⁽¹⁾ Ghi tên, vị trí và quy mô công trình khai thác, sử dụng nước

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG ĐỀ ÁN KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC BIỂN

(đối với trường hợp chưa có công trình khai thác)

MỞ ĐẦU

1. Trình bày tóm tắt các thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển (tên, địa chỉ trụ sở chính, lĩnh vực hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập đối với tổ chức; họ tên, số CMND/căn cước công dân/số định danh cá nhân, nơi cấp, ngày cấp, địa chỉ thường trú đối với cá nhân).

2. Trình bày thông tin cơ bản về dự án đầu tư có khai thác, sử dụng nước biển: tên, vị trí, quy mô, các hoạt động chính và nhu cầu khai thác, sử dụng nước biển.

3. Luận chứng việc lựa chọn sử dụng nước biển và vị trí lấy nước, xả nước của công trình.

4. Trình bày các căn cứ lập đề án khai thác, sử dụng nước biển.

- Các nội dung quy định liên quan đến khai thác, sử dụng nước biển của dự án được phê duyệt trong Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, quy hoạch chuyên ngành, các văn bản pháp lý liên quan khác (nếu có).

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng.

- Các tài liệu, thông tin số liệu sử dụng để lập đề án (tài liệu, số liệu đo đạc, điều tra, đánh giá nguồn nước biển ven bờ, hiện trạng khai thác, sử dụng nước biển; tên tổ chức, cá nhân cung cấp các tài liệu, số liệu).

5. Trình bày thông tin cơ bản về công trình khai thác, sử dụng nước biển.

- Vị trí lấy nước biển: địa danh hành chính (thôn/ấp, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố); tọa độ tìm cửa lấy nước (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiếu...).

- Vị trí sử dụng nước biển: địa danh hành chính (thôn/ấp, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố); tọa độ tìm nhà máy/tọa độ các góc khu vực sử dụng nước biển trên đất liền (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiếu).

- Vị trí xả nước biển sau khi sử dụng: địa danh hành chính (thôn/ấp, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố); tọa độ tìm cửa xả nước (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiếu).

- Nguồn nước tiếp nhận nước biển sau khi sử dụng: vùng biển ven bờ/tên sông, kênh, rạch, hồ, ao, đầm, phá.

- Mục đích khai thác, sử dụng nước biển: cấp nước sản xuất công nghiệp, nhiệt điện, nuôi trồng hải sản, khai thác và chế biến khoáng sản,... Trường hợp công trình khai thác, sử dụng nước cho nhiều mục đích thì nêu rõ từng mục đích sử dụng.

- Loại hình công trình và phương thức khai thác, sử dụng nước biển: trình bày các hạng mục chính của công trình và cách thức lấy nước, xả nước biển sau khi sử dụng (trạm bơm, đường ống/kênh dẫn nước, ao, hồ chứa nước, xả nước biển,...).

- Chế độ và lượng nước khai thác, sử dụng nước biển: trình bày lưu lượng và lượng nước khai thác, sử dụng, lượng nước xả sau khi sử dụng trung bình, lớn nhất và nhỏ nhất trong từng thời kỳ trong năm cho từng mục đích sử dụng.

- Các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình khai thác, sử dụng nước biển và xả nước sau khi sử dụng.

6. Thông tin về tổ chức, cá nhân lập đề án: thuyết minh lĩnh vực hoạt động, điều kiện năng lực, kinh nghiệm của tổ chức/cá nhân lập đề án; danh sách, trình độ chuyên môn của các thành viên tham gia lập đề án.

(Đính kèm sơ khu vực công trình khai thác, sử dụng nước trong đó thể hiện rõ các hạng mục chính và địa danh hành chính của công trình: vị trí lấy nước, khu vực sử dụng, vị trí xả của công trình).

Chương I

ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI KHU VỰC KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC

I. Đặc điểm tự nhiên

1. Trình bày khái quát đặc điểm địa hình, địa mạo, tài nguyên đất, rừng, đất ngập nước, khoáng sản, cảnh quan môi trường ven biển.
2. Mô tả hệ thống sông, hồ, đầm, phá, kênh, rạch, các tầng chứa nước dưới đất khu vực cửa sông, ven biển.
3. Trình bày đặc điểm chất lượng nước vùng cửa sông, ven biển khu vực khai thác.
4. Trình bày đặc điểm hệ sinh thái thủy sinh vùng cửa sông, ven biển, nhu cầu phát triển và bảo tồn các hệ sinh thái dưới nước, ven bờ.

II. Đặc điểm khí tượng, thủy văn, hải văn

1. Mô tả mạng lưới trạm quan trắc khí tượng, thủy văn, hải văn trong khu vực, các yếu tố quan trắc và chế độ quan trắc, đánh giá độ tin cậy của số liệu.
2. Trình bày kết quả phân tích, xử lý số liệu khí tượng, thủy văn, hải văn *(phục vụ tính toán)*.
3. Trình bày đặc điểm, chế độ mưa, bốc hơi, nhiệt độ nước và không khí, gió, bão *(tháng, mùa, năm)*.
4. Trình bày đặc trưng thủy triều khu vực khai thác *(chế độ thủy triều, mực nước đỉnh triều, mực nước chân triều, biên độ triều trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất, vận tốc dòng triều và chu kỳ triều)*, mực nước tổng cộng, hoàn lưu nước.
5. Trình bày đặc điểm và chế độ dòng chảy của sông, kênh, rạch trong vùng cửa sông, ven biển khu vực lấy nước của công trình *(tháng, mùa, năm)*.
6. Trình bày đặc điểm và chế độ dòng chảy bùn cát trong sông, kênh, rạch trong vùng cửa sông, ven biển khu vực lấy nước *(tháng, mùa, năm)*.

III. Tình hình khai thác, sử dụng nước trong khu vực

1. Trình bày tổng quan tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên khu vực: phân bố dân cư, thực trạng và dự kiến phát triển các ngành công nghiệp, nông nghiệp, giao thông

thủy, du lịch, giải trí, hệ thống đê biển, đê cửa sông, các công trình bảo vệ bờ, các công trình lớn xây dựng trên đê, đê bao các vùng đầm phá...

2. Trình bày nhu cầu khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất, nước biển phục vụ cho các mục đích cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, du lịch, giải trí, nuôi trồng thủy sản,... khu vực cửa sông, ven biển (*vị trí, nhiệm vụ, chế độ và phương thức khai thác, sử dụng nước của các công trình*).

3. Mô tả hoạt động giao thông thủy, bến cảng, các khu neo đậu tàu thuyền tránh, trú bão; các thông số cơ bản của bến cảng, khu neo đậu, luồng tàu, các hoạt động giao thông thủy ở vùng cửa sông, ven biển trong khu vực.

4. Đánh giá ảnh hưởng của các hoạt động sản xuất, kinh doanh, du lịch, giải trí, nuôi trồng thủy sản,... khu vực cửa sông, ven biển đến việc khai thác, sử dụng nước của dự án.

Chương II

NHU CẦU VÀ PHƯƠNG THỨC KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH

I. Nhu cầu khai thác, sử dụng nước

1. Trình bày phương pháp và số liệu dùng để tính toán nhu cầu sử dụng nước biển theo từng thời kỳ trong năm.

2. Trình bày kết quả tính toán nhu cầu nước trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất trong từng thời kỳ ($m^3/ngày\ đêm$) và tổng lượng nước sử dụng trong năm (m^3).

II. Phương thức khai thác, sử dụng nước

1. Luận chứng việc lựa chọn vị trí khai thác, sử dụng nước biển.

2. Trình bày các hạng mục chính của công trình khai thác, sử dụng nước (*cửa lấy nước, trạm bơm, kênh dẫn, đường ống dẫn nước, nhà máy/khu vực sử dụng nước, cửa xả nước...*).

3. Mô tả cách thức lấy nước, dẫn nước vào đất liền, sử dụng nước và xả nước sau khi sử dụng,... Trường hợp nước sau khi sử dụng không xả trả lại biển thì phải mô tả rõ vị trí xả và nguồn nước tiếp nhận.

(kèm theo sơ đồ bố trí các hạng mục công trình khai thác, sử dụng nước)

III. Chế độ và lượng nước khai thác, sử dụng nước

1. Trình bày chế độ khai thác và lưu lượng khai thác, sử dụng nước, xả nước sau khi sử dụng trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất ($m^3/ngày\ đêm$) và tổng lượng nước khai thác (m^3) trong từng thời kỳ trong năm (*ngày, tháng, năm*) của công trình.

2. Mô tả phương án vận hành khai thác, sử dụng nước của công trình.

IV. Biện pháp giám sát quá trình khai thác, sử dụng nước của công trình

1. Luận chứng việc xác định vị trí đo, phương pháp đo, yếu tố đo, tần suất đo, thiết bị đo của trạm quan trắc, giám sát khai thác, sử dụng nước biển và xả nước sau khi sử dụng vào nguồn tiếp nhận.

2. Trình bày phương án bố trí nhân lực quan trắc, giám sát khai thác, sử dụng nước biển và xả nước sau khi sử dụng vào nguồn tiếp nhận.

(Đính kèm Sơ đồ minh họa (khổ A4 đến A3) khu vực khai thác, sử dụng nước của công trình, trong đó thể hiện rõ: địa danh hành chính các cấp; mạng lưới sông, suối, vùng cửa sông, ven biển; các trạm quan trắc khí tượng, thủy, hải văn; các hạng mục chính và vị trí giám sát khai thác, sử dụng nước của công trình; các công trình khai thác, sử dụng nước khác trong khu vực; khu vực sinh thái, rừng ngập mặn, các công trình bảo vệ bờ, các bến cảng, các khu neo đậu tàu thuyền - nếu có).

Chương III

TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC BIỂN VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU

I. Tác động đến chế độ dòng chảy vùng cửa sông, ven biển

1. Đánh giá tác động đến vận tốc dòng chảy do việc lấy nước và xả nước của công trình *(theo chế độ triều lên, xuống)*.

2. Đánh giá tác động do việc lấy nước và xả nước của công trình tới dao động mực nước tại khu vực khai thác trong một kỳ triều *(14 ngày)*.

3. Đánh giá tác động do việc vận hành của công trình đến chế độ dòng chảy các sông, kênh, rạch chịu ảnh hưởng.

4. Thuyết minh về các biện pháp, phương án phòng, chống, giảm thiểu tác động và lộ trình thực hiện của công trình.

II. Tác động đến chất lượng nguồn nước

1. Đánh giá, xác định phạm vi, mức độ nhiễm mặn và ô nhiễm nguồn nước mặt, nước dưới đất trong khu vực do vận hành công trình.

2. Đối với hoạt động khai thác, sử dụng nước biển để làm mát phải đánh giá, xác định phạm vi, mức độ lan truyền nhiệt trong nguồn nước vùng cửa sông, ven biển theo chế độ vận hành của công trình trong điều kiện thời tiết bình thường và trong điều kiện thời tiết cực đoan *(thời kỳ nhiệt độ tăng cao)*.

3. Thuyết minh về các biện pháp, phương án phòng, chống, giảm thiểu tác động và lộ trình thực hiện của công trình.

III. Tác động đến hệ sinh thái thủy sinh, rừng ngập mặn ven biển

1. Đánh giá tác động trước mắt và lâu dài của việc lấy nước, dẫn nước, xả nước của công trình đến hệ sinh thái thủy sinh và rừng ngập mặn trong khu vực.

2. Thuyết minh các biện pháp, phương án phòng, chống, giảm thiểu tác động và lộ trình thực hiện của công trình.

IV. Tác động tới hệ thống đê biển, đê cửa sông, các công trình bảo vệ bờ

1. Đánh giá tác động của việc lấy nước, dẫn nước, sử dụng nước biển và xả nước sau khi sử dụng đến hệ thống đê biển, cửa sông và các công trình bảo vệ bờ, đê bao vùng đầm phá *(nếu có)*.

2. Thuyết minh các biện pháp, phương án phòng, chống, giảm thiểu tác động và lộ trình thực hiện của công trình.

V. Tác động tới hoạt động giao thông thủy

1. Đánh giá tác động đến hoạt động giao thông thủy và bến cảng, khu neo đậu tàu thuyền, vùng cửa sông, ven biển trong khu vực.

2. Thuyết minh các biện pháp, phương án phòng, chống, giảm thiểu tác động và lộ trình thực hiện của công trình; đánh giá mức độ bồi, xói của luồng tàu do khai thác, sử dụng nước biển của công trình.

VI. Tác động đến các hoạt động khác trong khu vực

1. Đánh giá tác động đến việc khai thác, sử dụng nước phục vụ cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, du lịch, giải trí, đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản,... trong khu vực.

2. Đánh giá tác động của việc lấy nước, dẫn nước, xả nước của công trình đến các hoạt động kinh tế - xã hội, cảnh quan môi trường trong khu vực.

3. Thuyết minh các biện pháp, phương án phòng, chống, giảm thiểu tác động và lộ trình thực hiện của công trình.

KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Các kiến nghị liên quan đến việc cấp phép khai thác, sử dụng nước biển.

2. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép khai thác, sử dụng nước biển *(về mức độ chính xác, trung thực của thông tin, số liệu trong đề án, các biện pháp giảm thiểu tác động và lộ trình thực hiện; thực hiện các quy định trong giấy phép)*.

Phụ lục kèm theo Đề án:

1. Bản sao các văn bản pháp lý có liên quan tới việc xin cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước biển: quyết định thành lập tổ chức, giấy phép đăng ký kinh doanh, các quy hoạch chuyên ngành liên quan, văn bản chấp thuận đầu tư *(nếu có)*,...

2. Phụ lục thông tin, số liệu về khí tượng, thủy, hải văn và các tài liệu liên quan sử dụng để lập Đề án.

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)

(Trang bìa trong)

BÁO CÁO

HIỆN TRẠNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC BIỂN

.....(1)

(đối với trường hợp đã có công trình khai thác)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
(Ký, đóng dấu)

ĐƠN VỊ LẬP BÁO CÁO
(Ký, đóng dấu)

Địa danh, tháng..../năm.....

⁽¹⁾ Ghi tên, vị trí và quy mô công trình khai thác, sử dụng nước

HƯỚNG DẪN LẬP BÁO CÁO HIỆN TRẠNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC BIỂN

(đối với trường hợp đã có công trình khai thác)

MỞ ĐẦU

1. Trình bày tóm tắt thông tin của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển (tên, địa chỉ trụ sở chính, lĩnh vực hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập đối với tổ chức; họ tên, số CMND, nơi cấp, ngày cấp theo Chứng minh nhân dân, địa chỉ thường trú đối với cá nhân).

2. Trình bày khái quát về phạm vi, quy mô và các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chủ yếu liên quan đến nhu cầu khai thác, sử dụng nước biển của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp giấy phép.

3. Khái quát hoạt động của công trình đến thời điểm nộp hồ sơ, đánh giá sự tuân thủ pháp luật về tài nguyên nước, các quy định trong Giấy phép (đối với trường hợp đã được cấp phép) và các quy định pháp luật khác.

4. Trình bày tóm tắt về công trình khai thác, sử dụng nước xin cấp phép, với các thông tin chủ yếu sau:

- Thời gian bắt đầu khai thác, sử dụng nước biển.

- Vị trí lấy nước biển: địa danh hành chính thôn/ấp, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố; tọa độ tìm cửa lấy nước (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực..., múi chiếu...).

- Vị trí khu vực sử dụng nước biển trên đất liền: địa danh hành chính thôn/ấp, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố; tọa độ tìm nhà máy/tọa độ các góc khu vực sử dụng nước biển trên đất liền (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiếu).

- Vị trí xả nước biển sau khi sử dụng: địa danh hành chính thôn/ấp, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố; tọa độ tìm cửa xả nước (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiếu); nguồn nước tiếp nhận nước biển sau khi sử dụng (vùng biển ven bờ, sông, kênh, rạch, hồ, ao, đầm, phá).

- Mục đích khai thác, sử dụng nước biển (trường hợp khai thác, sử dụng nước biển cho nhiều mục đích thì nêu rõ từng mục đích sử dụng theo thứ tự ưu tiên).

- Phương thức khai thác, sử dụng nước biển: trình bày các hạng mục chính của công trình và cách thức lấy nước, dẫn nước, sử dụng nước, xả nước biển sau khi sử dụng (trạm bơm, đường ống, kênh dẫn nước, ao, hồ chứa nước,...).

- Chế độ khai thác, sử dụng nước biển (số giờ trong ngày, số ngày trong năm...).

- Lưu lượng nước khai thác và xả nước sau khi sử dụng trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất trong từng thời kỳ (ngày, tháng) trong năm cho từng mục đích sử dụng; Tổng lượng nước khai thác trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất năm.

- Bảng thông số kỹ thuật cơ bản của công trình khai thác, sử dụng nước biển.

- Sơ đồ khối các hạng mục chính của công trình. Trong đó thể hiện rõ: điểm lấy nước, hệ thống dẫn nước, nhà máy, hệ thống thu gom (nước mưa, nước thải), hệ thống dẫn xả, điểm xả của công trình.

5. Trình bày các căn cứ, thông tin, số liệu sử dụng để lập báo cáo.

- Liệt kê các văn bản pháp lý liên quan đến xây dựng, quản lý, vận hành công trình; các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng trong lập báo cáo.

- Thuyết minh nguồn gốc, mức độ đầy đủ, tin cậy của tài liệu, thông tin, số liệu sử dụng lập báo cáo.

6. Thông tin về tổ chức, cá nhân lập báo cáo: thuyết minh lĩnh vực hoạt động, điều kiện năng lực, kinh nghiệm của tổ chức/cá nhân lập báo cáo; danh sách, trình độ chuyên môn của các thành viên tham gia lập báo cáo.

Chương I

ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI KHU VỰC KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC BIỂN

I. Đặc điểm tự nhiên

1. Trình bày khái quát đặc điểm địa hình, địa chất, thổ nhưỡng, rừng và thảm phủ thực vật, cảnh quan môi trường khu vực ven biển.

2. Mô tả hệ thống sông, hồ, đầm, phá, kênh, rạch, vùng cửa sông, ven biển khu vực khai thác nước.

3. Trình bày đặc điểm hệ sinh thái thủy sinh vùng cửa sông, ven biển, nhu cầu phát triển và bảo tồn các hệ sinh thái dưới nước, ven bờ,

II. Đặc điểm thủy, hải văn

1. Mô tả mạng lưới trạm quan trắc khí tượng, thủy văn, hải văn, mạng lưới quan trắc chất lượng nước trong khu vực, các yếu tố quan trắc và chế độ quan trắc; đánh giá độ tin cậy của số liệu.

2. Trình bày kết quả phân tích, xử lý số liệu khí tượng, thủy văn, hải văn (*phục vụ tính toán*).

3. Trình bày đặc điểm, chế độ mưa, bốc hơi, nhiệt độ, gió, bão (*tháng, mùa, năm*).

4. Trình bày đặc trưng thủy triều khu vực khai thác (*chế độ thủy triều, mực nước đỉnh triều, mực nước chân triều, biên độ triều trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất, vận tốc dòng triều và chu kỳ triều*), mực nước tổng cộng, hoàn lưu nước.

5. Trình bày đặc điểm và chế độ dòng chảy của sông, kênh, rạch vùng cửa sông, ven biển khu vực lấy nước của công trình (*tháng, mùa, năm*).

6. Trình bày đặc điểm và chế độ dòng chảy bùn cát trong sông, kênh, rạch trong vùng cửa sông, ven biển khu vực lấy nước.

III. Tình hình khai thác, sử dụng nước trong khu vực

1. Trình bày tổng quan tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực, gồm: phân bố dân cư, thực trạng phát triển các ngành công nghiệp, nông nghiệp, khai khoáng, giao thông thủy, du lịch, giải trí, hệ thống đê biển, đê cửa sông, các công trình bảo vệ bờ, đê bao ven đầm, phá và các công trình lớn xây dựng trên đê cửa sông, ven biển...

2. Trình bày tổng quan tình hình khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất, nước biển khu vực cửa sông, ven biển (*nêu rõ vị trí, nhiệm vụ, mục đích sử dụng, chế độ và phương thức khai thác, sử dụng nước của các công trình có liên quan*).

3. Mô tả hoạt động giao thông thủy, bến cảng; các thông số cơ bản của bến cảng, khu neo đậu tàu thuyền, các thông số của luồng tàu, các hoạt động giao thông thủy vùng cửa sông, ven biển trong khu vực khai thác.

4. Đánh giá ảnh hưởng của các hoạt động sản xuất, kinh doanh, du lịch, giải trí, nuôi trồng thủy sản,... khu vực cửa sông, ven biển đến việc khai thác, sử dụng nước của dự án.

Chương II

TÌNH HÌNH KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC BIỂN VÀ KẾ HOẠCH KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC BIỂN CỦA CÔNG TRÌNH

I. Hiện trạng công trình

1. Trình bày cụ thể mục đích khai thác, sử dụng nước biển của công trình (*trường hợp khai thác, sử dụng nước biển cho nhiều mục đích thì nêu rõ từng mục đích sử dụng theo thứ tự ưu tiên*).

2. Trình bày cụ thể tình hình vận hành của công trình đến thời điểm nộp hồ sơ, đánh giá sự tuân thủ pháp luật về tài nguyên nước, các quy định trong Giấy phép (đối với trường hợp đã được cấp phép) và các quy định pháp luật khác.

3. Trình bày cụ thể việc tuân thủ quy định về tài nguyên nước và các quy định trong Giấy phép khai thác, sử dụng nước biển (vận hành an toàn công trình; quan trắc, giám sát khai thác, sử dụng nước biển; sự cố ô nhiễm, sạt lở (nếu có)...); tình hình thực hiện các nghĩa vụ tài chính; công tác thanh tra, kiểm tra (nếu có).

4. Trình bày phương thức khai thác, sử dụng nước biển: các hạng mục chính của công trình và cách thức lấy nước, dẫn nước, sử dụng nước, xả nước biển sau khi sử dụng (*trạm bơm, đường ống, kênh dẫn nước, ao, hồ chứa nước,...*), những thay đổi của công trình trong suốt quá trình vận hành (*nếu có*).

5. Các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình khai thác, sử dụng nước biển; sự thay đổi các thông số kỹ thuật (*nếu có*).

II. Tình hình khai thác, sử dụng nước biển của công trình

1. Trình bày thời gian hoạt động của công trình (*tháng, năm bắt đầu khai thác, thời gian hoạt động trong từng năm*).

2. Trình bày chế độ khai thác, lưu lượng và lượng nước khai thác, xả nước sau khi sử dụng trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất từng thời kỳ trong năm và diễn biến qua các năm vận hành.

3. Thuyết minh diễn biến nguồn nước tiếp nhận nước xả sau khi sử dụng trong thời gian vận hành công trình (*biến đổi chế độ dòng chảy, chế độ phù sa, các chỉ tiêu chất lượng nước,...*).

4. Trình bày cụ thể các vị trí quan trắc và nội dung, phương pháp, chế độ, thiết bị quan trắc, giám sát trong quá trình khai thác, sử dụng nước biển; các kết quả quan trắc.

(Đính kèm sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác, sử dụng nước biển, trong đó thể hiện rõ; địa danh hành chính các cấp; mạng lưới sông, suối vùng cửa sông, ven biển; các trạm quan trắc khí tượng, thủy, hải văn; các hạng mục chính và vị trí giám sát khai thác, sử dụng nước của công trình; các công trình khai thác, sử dụng nước khác liên quan trong khu vực; khu vực sinh thái, rừng ngập mặn, các công trình bảo vệ bờ, các bến cảng, các khu neo đậu tàu thuyền - nếu có).

III. Kế hoạch khai thác, sử dụng nước biển của công trình trong thời gian đề nghị cấp phép

Thuyết minh cụ thể nhu cầu, kế hoạch, chế độ và lượng nước biển khai thác, sử dụng cho từng mục đích trung bình, lớn nhất, nhỏ nhất ($m^3/ngày$ đêm) và tổng lượng nước khai thác (m^3) cho từng thời kỳ trong năm, trong thời gian đề nghị cấp phép.

Chương III

TÁC ĐỘNG TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG

1. Đánh giá tác động của việc khai thác, sử dụng nước biển đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng sử dụng nước khác trong khu vực và biện pháp khắc phục, giảm thiểu

1. Tác động đến chế độ dòng chảy vùng cửa sông, ven biển và biện pháp giảm thiểu.

a) Đánh giá tác động do việc lấy nước và xả nước của công trình tới dòng chảy tại khu vực khai thác trong một kỳ triều (14 ngày).

b) Đánh giá tác động do việc lấy nước và xả nước của công trình tới dao động mực nước tại khu vực khai thác trong một kỳ triều.

c) Đánh giá tác động đến chế độ dòng chảy các sông, kênh, rạch chịu ảnh hưởng trong quá trình vận hành công trình.

d) Thuyết minh về các biện pháp, phương án khắc phục, giảm thiểu tác động và lộ trình thực hiện (nếu có tác động).

2. Tác động đến chất lượng nguồn nước và biện pháp giảm thiểu.

a) Xác định phạm vi, mức độ nhiễm mặn và ô nhiễm nguồn nước mặt, nước dưới đất vùng cửa sông, ven biển trong quá trình vận hành công trình.

b) Đối với hoạt động khai thác, sử dụng nước biển để làm mát phải đánh giá phạm vi, mức độ lan truyền nhiệt trong nguồn nước vùng cửa sông, ven biển theo chế độ vận hành của công trình.

c) Thuyết minh về các biện pháp, phương án khắc phục, giảm thiểu tác động và lộ trình thực hiện (nếu có tác động).

3. Tác động đến hệ sinh thái thủy sinh, rừng ngập mặn ven biển và biện pháp giảm thiểu.

a) Đánh giá tác động việc vận hành công trình đến hệ sinh thái thủy sinh và rừng ngập mặn trong khu vực.

b) Thuyết minh các biện pháp, phương án khắc phục, giảm thiểu tác động và lộ trình thực hiện (nếu có tác động).

4. Tác động tới hệ thống đê biển, đê cửa sông, các công trình bảo vệ bờ và biện pháp giảm thiểu.

a) Đánh giá tác động của việc vận hành công trình đến hệ thống đê biển, cửa sông và các công trình bảo vệ bờ, đê bao vùng đầm phá.

b) Thuyết minh các biện pháp, phương án khắc phục, giảm thiểu tác động và lộ trình thực hiện (nếu có tác động).

5. Tác động tới hoạt động giao thông thủy và biện pháp giảm thiểu.

a) Đánh giá tác động của việc vận hành đến hoạt động của các luồng giao thông thủy và bến cảng vùng cửa sông, ven biển trong khu vực, đánh giá mức độ bồi xói của luồng tàu do khai thác, sử dụng nước biển của công trình.

b) Thuyết minh các biện pháp, phương án khắc phục, giảm thiểu tác động và lộ trình thực hiện (nếu có tác động).

6. Tác động đến các hoạt động khác và biện pháp giảm thiểu trong khu vực;

a) Đánh giá tác động của việc vận hành công trình đến khai thác, sử dụng nước phục vụ cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, du lịch, giải trí, đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản,... trong khu vực.

b) Đánh giá tác động vận hành công trình đến lấy nước, dẫn nước, sử dụng nước biển và xả nước của công trình đến các hoạt động kinh tế - xã hội, cảnh quan môi trường trong khu vực.

c) Thuyết minh các biện pháp, phương án khắc phục, giảm thiểu tác động và lộ trình thực hiện (nếu có tác động).

II. Biện pháp quan trắc, giám sát trong quá trình khai thác, sử dụng nước biển

1. Thuyết minh vị trí quan trắc, giám sát và yếu tố, phương pháp, tần suất, thời điểm, thiết bị quan trắc, giám sát trong quá trình khai thác, sử dụng nước biển và xả nước sau khi sử dụng (riêng đối với nước làm mát có sử dụng clo hoặc hóa chất khử trùng để diệt vi sinh vật ra môi trường phải lắp đặt các thông số quan trắc tự động, liên tục gồm: lưu lượng, nhiệt độ và clo đối với nguồn nước làm mát theo quy định hiện hành).

2. Trình bày phương án bố trí nhân lực quan trắc, giám sát khai thác, sử dụng nước biển và xả nước sau khi sử dụng.

KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Các kiến nghị liên quan đến việc cấp phép khai thác, sử dụng nước biển.

2. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép (về tính chính xác, trung thực của tài liệu, thông tin, số liệu trong báo cáo; nghiêm túc thực hiện các biện pháp, phương án phòng ngừa, giảm thiểu tác động của công trình khai thác, sử dụng nước và lộ trình thực hiện).

Phụ lục kèm theo Báo cáo:

1. Bản sao các văn bản pháp lý liên quan tới việc xin phép khai thác, sử dụng nước biển: quyết định thành lập tổ chức/giấy phép đăng ký kinh doanh; quyết định phê duyệt quy hoạch chuyên ngành liên quan đến xây dựng công trình và các quyết định phê duyệt đầu tư, xây dựng công trình, vận hành công trình *(nếu có)*.

2. Phụ lục thông tin, số liệu về khí tượng, thủy, hải văn; sổ vận hành công trình *(ít nhất là 3 năm gần nhất tính đến thời điểm lập Báo cáo)* và các tài liệu liên quan sử dụng để lập Báo cáo.

6. Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới $2\text{m}^3/\text{giây}$ và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m^3 , hoặc lưu lượng khai thác từ $2\text{m}^3/\text{giây}$ trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m^3 , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới $5\text{m}^3/\text{giây}$; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 $\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 $\text{m}^3/\text{ngày đêm}$

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là Bộ phận Một cửa).

- Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Bộ phận Một cửa có trách nhiệm kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ và quyết định cấp phép:

Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ; nếu cần thiết kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định báo cáo.

+ Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp không đủ điều kiện để gia hạn, điều chỉnh giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do không gia hạn, điều chỉnh giấy phép.

+ Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện báo cáo.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là mười tám (18) ngày làm việc.

+ Trường hợp phải lập lại báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn

bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ.

- Bước 4. Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.

b) Cách thức thực hiện:

- *Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Một cửa hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến.

- *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:*

+ Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép (đối với trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép) hoặc nội dung đề án chưa đạt yêu cầu, phải làm lại (đối với trường hợp phải lập lại).

+ Bộ phận Một cửa thông báo và trả giấy phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (đối với trường hợp đủ điều kiện cấp phép).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép.

- Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tình hình thực hiện giấy phép. Trường hợp điều chỉnh quy mô công trình, phương thức, chế độ khai thác sử dụng nước, quy trình vận hành công trình thì phải kèm theo đề án khai thác nước .

- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ (trừ mục đích khai thác, sử dụng nước cho thủy điện);

- Bản sao giấy phép đã được cấp.

d) Thời hạn giải quyết: 31 ngày làm việc

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định báo cáo:* Trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định báo cáo.

Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là mười tám (18) ngày làm việc.

- *Thời hạn trả giấy phép:* Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ phận Một cửa thông báo

cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kết quả thực hiện thủ tục Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới $2\text{m}^3/\text{giờ}$ và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m^3 , hoặc lưu lượng khai thác từ $2\text{m}^3/\text{giờ}$ trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m^3 , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới $5\text{m}^3/\text{giờ}$; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 $\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000 $\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ theo Mẫu 16, Mẫu 18 Phụ lục Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.

i) Phí thẩm định: do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đối với hồ sơ đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác sử dụng nước mặt:

+ Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép theo Mẫu 06 Phụ lục của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023;

+ Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tình hình thực hiện giấy phép. Trường hợp điều chỉnh quy mô công trình, phương thức, chế độ khai thác sử dụng nước, quy trình vận hành công trình thì phải kèm theo đề án khai thác nước theo Mẫu 31 Phụ lục của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.

+ Mẫu Giấy phép (gia hạn, điều chỉnh) khai thác, sử dụng nước mặt: Mẫu số 16 Phụ lục của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.

- Đối với hồ sơ đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép khai thác sử dụng nước biển:

+ Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép: Mẫu 08 Phụ lục của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.

+ Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tình hình thực hiện giấy phép: Mẫu 34 Phụ lục của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023. Trường hợp điều chỉnh quy mô công trình, phương thức, chế độ khai thác, sử dụng nước, quy trình vận hành công trình thì phải kèm theo đề án khai thác nước.

+ Mẫu giấy phép (gia hạn, điều chỉnh) khai thác, sử dụng nước biển: Mẫu 18 Phụ lục của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Có báo cáo phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch tỉnh, quy hoạch chuyên ngành có liên quan đã được phê duyệt hoặc phù hợp với khả năng nguồn nước nếu chưa có các quy hoạch. Báo cáo phải do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định lập; thông tin, số liệu sử dụng để lập đề án, báo cáo phải bảo đảm đầy đủ, rõ ràng, chính xác và trung thực.

Riêng với trường hợp gia hạn, tổ chức, cá nhân còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Giấy phép vẫn còn hiệu lực và hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép được nộp trước thời điểm giấy phép hết hiệu lực ít nhất chín mươi (90) ngày;

- Đến thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ liên quan đến giấy phép đã được cấp theo quy định của pháp luật và không có tranh chấp.

- Tại thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép, kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tổ chức, cá nhân phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch tỉnh, khả năng đáp ứng của nguồn nước.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên nước năm 2012.

- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ĐIỀU CHỈNH
GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC
MẶT**

Kính gửi: (1)

1. Thông tin về chủ giấy phép:

- 1.1. Tên chủ giấy phép:
- 1.2. Địa chỉ:
- 1.3. Điện thoại:..... Fax:..... Email:
- 1.4. Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số:..... ngày.....tháng..... nămdo
(*tên cơ quan cấp giấy phép*) cấp; thời hạn của giấy phép...

2. Lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép: (2)

3. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:

- Thời hạn đề nghị gia hạn:..... tháng/ năm (*trường hợp đề nghị gia hạn*).
- Nội dung đề nghị điều chỉnh: (*trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép*).

4. Giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo Đơn này gồm có:

- Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước mặt và tình hình thực hiện giấy phép.
- Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước (*không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ*) (*trừ trường hợp khai thác, sử dụng nước cho phát điện*).
- Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan (*nếu có*).

5. Cam kết của chủ giấy phép:

- (*Chủ giấy phép*) cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (*Chủ giấy phép*) cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

- (*Chủ giấy phép*) kiến nghị các nội dung gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép đối với cơ quan cấp phép (*nếu có*).

Đề nghị (*tên cơ quan cấp phép*) xem xét, gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho (*tên chủ giấy phép*)/.

..... , ngày.... tháng..... năm

Chủ giấy phép

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN:

(1) Tên cơ quan cấp phép: Ghi Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp tỉnh (*theo quy định tại Điều 28 của Nghị định này*).

(2) Trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép mà chủ giấy phép có nhu cầu cấp lại giấy phép thì phải bổ sung lý do kèm theo các tài liệu chứng minh.

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT
(Gia hạn/điều chỉnh/cấp lại lần ...)**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số ngày tháng năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường (*trường hợp cơ quan cấp phép là Bộ Tài nguyên và Môi trường*)/Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày tháng năm (*trường hợp cơ quan cấp phép là UBND cấp tỉnh*);

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ (1);

Xét Đơn đề nghị (*gia hạn/điều chỉnh/cấp lại*) giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị*) ngày...tháng... năm. và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước (*trường hợp cơ quan cấp phép là Bộ Tài nguyên và Môi trường*)/Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (*trường hợp cơ quan cấp phép là UBND cấp tỉnh*).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*), địa chỉ tại (*đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ hộ khẩu thường trú*) khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung sau:

1. Tên công trình
2. Mục đích khai thác, sử dụng nước: (2)
3. Nguồn nước khai thác sử dụng: (3)
4. Vị trí các hạng mục chính của công trình khai thác, sử dụng nước:.....(4)
5. Chế độ khai thác..... (5)
6. Lượng nước khai thác, sử dụng: (6)
7. Phương thức khai thác, sử dụng nước:.....(7)
8. Thời hạn của giấy phép là năm (*đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép*)/ giấy phép có hiệu lực đến(*đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh hoặc cấp lại giấy phép*).

Điều 2. Các yêu cầu đối với (*tên tổ chức, cá nhân được cấp phép*).....(8)

Điều 3. Cục Quản lý tài nguyên nước/Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài nguyên dùng chung của trung ương và địa phương; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước mặt của công trình này.

Điều 4. (*Tên tổ chức, cá nhân được cấp phép*) được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày và thay thế Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số.... ngày... tháng.... năm do (*tên cơ quan cấp phép*) cấp. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu (*tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép*) còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước mặt như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...;
- Cục thuế tỉnh/thành phố..... ;
-
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép, cơ quan trình cấp phép.

(1) Ghi các căn cứ khác liên quan (*nếu có*).

(2) Nêu rõ mục đích khai thác, sử dụng nước; trường hợp công trình sử dụng nước đa mục tiêu thì ghi rõ từng mục đích sử dụng (*cấp nước tưới, sinh hoạt, công nghiệp, phát điện, nuôi trồng thủy sản.*) và ghi rõ nhiệm vụ cấp nước trực tiếp/tạo nguồn.

(3) Ghi tên sông/suối/kênh/rạch/hồ/ao/đầm/phá; nêu rõ sông/suối là phụ lưu, phân lưu, thuộc hệ thống sông...

(4) Ghi rõ tên địa danh (*thôn/ấp, xã, huyện, tỉnh/thành phố*) nơi xây dựng công trình; tọa độ của điểm lấy nước (*theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiếu 3°*). Đối với công trình thủy điện ghi tọa độ tim tuyến đập, cửa lấy nước, nhà máy, điểm xả nước.

(5) Ghi số giờ lấy nước trung bình trong ngày, số ngày lấy nước trung bình theo tháng/mùa vụ/năm.

(6) Ghi lượng nước khai thác, sử dụng lớn nhất cho từng mục đích sử dụng theo từng thời kỳ trong ngày/ tháng/ mùa vụ/ năm và tổng lượng nước sử dụng trong năm. Trong đó:

- Lượng nước khai thác sử dụng cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản tính bằng m^3/s ;

- Lượng nước qua nhà máy thủy điện tính bằng m^3/s ; công suất lắp máy tính bằng MW.

- Lượng nước khai thác, sử dụng cho các mục đích khác tính bằng $m^3/ngày$ đêm.

(7) Ghi rõ cách thức lấy nước, dẫn nước, chuyển nước về nơi sử dụng bằng các hạng mục công trình và quy trình vận hành công trình.

(8) Các yêu cầu cụ thể theo giấy phép đã được cấp và đã được điều chỉnh, bổ sung phù hợp trong thời gian hiệu lực của giấy phép (*yêu cầu về: chất lượng nguồn nước khai thác, bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau công trình, lắp đặt thiết bị, đo đạc, giám sát quá trình khai thác, sử dụng nước; nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, chế độ báo cáo; biện pháp giảm thiểu tác động của công trình đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng sử dụng nước khác có liên quan; các yêu cầu khác nếu có*).

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)

(Trang bìa trong)

BÁO CÁO HIỆN TRẠNG

**KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT VÀ
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP**

.....⁽¹⁾

(đối với trường hợp đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
(Ký, đóng dấu)

ĐƠN VỊ LẬP BÁO CÁO
(Ký, đóng dấu)

Địa danh, tháng..../năm.....

⁽¹⁾ Ghi tên, vị trí và quy mô công trình khai thác, sử dụng nước

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG
BÁO CÁO HIỆN TRẠNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT
VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

(đối với trường hợp đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép)

A. BÁO CÁO HIỆN TRẠNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP.

MỞ ĐẦU

Trình bày tóm tắt các thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép và công trình khai thác, sử dụng nước xin gia hạn, điều chỉnh, bao gồm:

1. Tên chủ giấy phép; địa chỉ, điện thoại liên hệ....
2. Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số do *(tên cơ quan cấp phép)* cấp ngày: tháng năm..... với thời hạn...
3. Sơ lược về công trình khai thác, sử dụng nước và tình hình hoạt động của công trình.
4. Trình bày lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh.
Trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép mà chủ giấy phép có nhu cầu cấp lại giấy phép thì phải bổ sung lý do.
5. Trình bày các căn cứ, thông tin, số liệu sử dụng để lập báo cáo đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép, đánh giá mức độ đầy đủ, tin cậy của tài liệu, thông tin, số liệu sử dụng.
6. Thuyết minh lĩnh vực hoạt động, điều kiện năng lực, kinh nghiệm của tổ chức/cá nhân lập báo cáo; danh sách, trình độ chuyên môn của các thành viên tham gia lập báo cáo.

I. Hiện trạng khai thác, sử dụng nước

1. Trình bày cụ thể về tình trạng hoạt động của công trình đến thời điểm lập báo cáo: những thay đổi của công trình trong quá trình vận hành *(nếu có)*.
2. Trình bày lượng nước khai thác, sử dụng quy định trong giấy phép và lượng nước đã khai thác, sử dụng theo từng tháng/thời kỳ trong từng năm kể từ ngày được cấp phép đến thời điểm xin gia hạn/điều chỉnh giấy phép theo các mục đích sử dụng khác nhau; tổng lượng nước khai thác, sử dụng của công trình.
3. Trình bày tình hình diễn biến mực nước, lưu lượng nước, chất lượng nguồn nước trong quá trình khai thác, sử dụng; hiện trạng hệ sinh thái thủy sinh trong khu vực khai thác, sử dụng nước.
4. Phân tích, đánh giá các tác động, ảnh hưởng của công trình và quá trình vận hành công trình đến nguồn nước, môi trường và các công trình khai thác, sử dụng nước khác trong khu vực và ngược lại.

(kèm theo bảng số liệu khai thác, sử dụng nước trong quá trình vận hành công trình).

II. Tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép

1. Đánh giá cụ thể tình hình thực hiện các quy định của giấy phép trong thời gian vận hành công trình, bao gồm:

- a) Mục đích sử dụng nước.
- b) Lượng nước khai thác, sử dụng.
- c) Phương thức, chế độ khai thác, sử dụng nước, quy trình vận hành công trình...

2. Đánh giá tình hình thực hiện các yêu cầu theo quy định của giấy phép, gồm:

- a) Việc chấp hành quy định về xả dòng chảy tối thiểu sau công trình (*nếu có*).
- b) Việc quan trắc, giám sát quá trình khai thác, sử dụng nước, xả dòng chảy tối thiểu trong quá trình khai thác, sử dụng nước.
- c) Việc thực hiện chế độ báo cáo, nghĩa vụ tài chính, các yêu cầu cụ thể khác của giấy phép và các nội dung đã cam kết trong hồ sơ đề nghị cấp phép.

III. Các kiến nghị liên quan đến gia hạn/điều chỉnh giấy phép

1. Thuyết minh cụ thể các vấn đề tồn tại, phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng nước tại công trình.

2. Trình bày lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh và các nội dung đề nghị điều chỉnh so với giấy phép đã được cấp. Đối với trường hợp điều chỉnh quy mô công trình, phương thức, chế độ khai thác, sử dụng nước, quy trình vận hành công trình thì phải bổ sung thêm nội dung đề án khai thác nước (*theo hướng dẫn tại mục B dưới đây*).

3. Trình bày kế hoạch khai thác, sử dụng nước trong thời gian đề nghị cấp phép.

4. Đánh giá tác động của việc điều chỉnh đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước ở thượng hạ lưu công trình; các biện pháp giảm thiểu tác động và lộ trình thực hiện.

B. ĐỀ ÁN KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT (*Bổ sung thêm nội dung đề án khai thác, sử dụng nước mặt đối với trường hợp có điều chỉnh quy mô công trình, phương thức, chế độ khai thác sử dụng nước; quy trình vận hành công trình*).

I. Nội dung đề nghị điều chỉnh

Trình bày nội dung đề nghị điều chỉnh (*quy mô công trình/phương thức/chế độ khai thác, sử dụng nước/quy trình vận hành công trình*); các căn cứ kiến nghị điều chỉnh.

II. Phương án điều chỉnh và kế hoạch khai thác, sử dụng nước

1. Đối với điều chỉnh quy mô công trình: nêu rõ phương án điều chỉnh công suất, lưu lượng, lượng nước khai thác, sử dụng so với giấy phép đã được cấp.

2. Đối với điều chỉnh phương thức, chế độ khai thác, sử dụng nước: nêu rõ phương án điều chỉnh các hạng mục, thông số của công trình, cách thức lấy nước, dẫn nước, chuyển nước, sử dụng nước; thời gian lấy nước và chế độ vận hành công trình so với giấy phép đã được cấp.

3. Đối với điều chỉnh quy trình vận hành công trình: nêu rõ nội dung, phương án điều chỉnh so với quy trình vận hành đã được phê duyệt.

4. Trình bày cụ thể kế hoạch khai thác, sử dụng nước mặt theo các nội dung đề nghị điều chỉnh.

(kèm theo bảng tổng hợp các nội dung đề nghị điều chỉnh so với giấy phép đã được cấp)

III. Đánh giá tác động của việc điều chỉnh quy mô công trình/phương thức/chế độ khai thác, sử dụng nước/quy trình vận hành công trình và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực

1. Đánh giá tác động của việc điều chỉnh quy mô công trình/phương thức/chế độ khai thác, sử dụng nước/quy trình vận hành công trình đến nguồn nước, môi trường, hệ sinh thái thủy sinh và các công trình khai thác, sử dụng nước khác ở thượng, hạ lưu công trình.

2. Các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực và lộ trình thực hiện./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN/ĐIỀU CHỈNH
GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC BIỂN**

Kính gửi: (1)

1. Thông tin về chủ giấy phép;

1.1. Tên chủ giấy phép:

1.2. Địa chỉ:

3. Điện thoại:..... Fax:..... Email:

1.4. Giấy phép khai thác, sử dụng nước biển số:.... ngày..... tháng..... năm..... do
(tên cơ quan cấp giấy phép) cấp; thời hạn của giấy phép.

2. Lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép:.....(2)

3. Thời gian đề nghị gia hạn/nội dung đề nghị điều chỉnh giấy phép:

- Thời hạn đề nghị gia hạn: ... tháng/ năm (trường hợp đề nghị gia hạn).

- Nội dung đề nghị điều chỉnh: (trường hợp điều chỉnh giấy phép).

4. Giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo Đơn này gồm có:

- Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước biển và tình hình thực hiện Giấy phép.

- Kết quả phân tích chất lượng nước tại vị trí khai thác và vị trí xả nước sau khi sử dụng (không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ).

- Bản sao giấy phép khai thác, sử dụng nước biển đã được cấp.

- Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan (nếu có).

5. Cam kết của chủ giấy phép:

- (Chủ giấy phép) cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (Chủ giấy phép) cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

- (Chủ giấy phép) kiến nghị các nội dung gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép đối với cơ quan cấp phép (nếu có).

Đề nghị (tên cơ quan cấp phép) xem xét, gia hạn/điều chỉnh Giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho (tên chủ giấy phép)./.

...., ngày..... tháng..... năm

Chủ giấy phép

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN:

(1) Tên cơ quan cấp phép: Ghi Bộ Tài nguyên và Môi trường/Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh (*theo quy định tại Điều 28 của Nghị định này*).

(2) Trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép mà chủ giấy phép có nhu cầu cấp lại giấy phép thì phải bổ sung lý do kèm theo các tài liệu chứng minh

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC BIỂN
(Gia hạn/điều chỉnh/cấp lại lần ...)**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan cấp phép;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ

Xét Đơn đề nghị (gia hạn/điều chỉnh/cấp lại) giấy phép khai thác, sử dụng nước biển của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) ngày...tháng...năm... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép), địa chỉ tại (đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ hộ khẩu thường trú) khai thác, sử dụng nước biển với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình:
2. Mục đích khai thác, sử dụng nước biển: (2)
3. Vị trí các hạng mục chính của công trình khai thác, sử dụng:.....(3)
4. Lượng nước khai thác, sử dụng: (4)
5. Chế độ khai thác..... (5)
6. Phương thức khai thác, sử dụng:..... (6)
7. Thời hạn của giấy phép là năm (đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép)/ giấy phép có hiệu lực đến (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh hoặc cấp lại giấy phép).

Điều 2. Các yêu cầu đối với (tên tổ chức, cá nhân được cấp phép)(7)

Điều 3. Cục Quản lý tài nguyên nước/Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài

nguyên dùng chung của trung ương và địa phương; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước mặt của công trình này.

Điều 4. *(tên tổ chức, cá nhân được cấp phép)* được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày và thay thế Giấy phép khai thác nước biển số...ngày....tháng... năm... do *(tên cơ quan cấp phép)* cấp. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu *(tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép)* còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước biển như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

Nơi nhận:

- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố.....;
- Cục thuế tỉnh/ thành phố...;
-
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép; cơ quan trình cấp phép.

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

-
- (1) Ghi các căn cứ khác liên quan *(nếu có)*.
 - (2) Nêu rõ các mục đích khai thác, sử dụng nước biển.
 - (3) Ghi rõ tên địa danh *(thôn/ấp, xã, huyện, tỉnh/thành phố)* nơi xây dựng công trình khai thác, sử dụng nước biển; tọa độ *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiếu 3°)* cửa lấy nước ngoài biển, vị trí xả nước vào nguồn tiếp nhận.
 - (4) Lưu lượng khai thác nước lớn nhất (m^3/s) , lượng nước khai thác lớn nhất theo ngày $(m^3/ngày\ đêm)$ và theo năm $(m^3/năm)$.
 - (5) Ghi số giờ lấy nước trung bình trong ngày, số ngày lấy nước trung bình theo tháng/mùa vụ/năm.
 - (6) Ghi cách thức lấy nước, dẫn nước biển về nơi sử dụng bằng các hạng mục công trình và quy trình vận hành công trình.
 - (7) Các yêu cầu cụ thể đối với tình trường hợp khai thác, sử dụng nước do cơ quan cấp phép quy định *(yêu cầu về: chất lượng nguồn nước khai thác, lắp đặt thiết bị, đo đạc, giám sát quá trình khai thác, sử dụng nước, xả nước; chế độ báo cáo; biện pháp giảm thiểu tác động của công trình đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng sử dụng nước khác có liên quan, các yêu cầu khác nếu có)*.

(TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP)

(Trang bìa trong)

BÁO CÁO

HIỆN TRẠNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC BIÊN VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

.....⁽¹⁾

(đối với trường hợp đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép)

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP
Ký (đóng dấu nếu có)

ĐƠN VỊ LẬP BÁO CÁO
Ký, đóng dấu

Địa danh, tháng..../năm.....

⁽¹⁾ Ghi tên, vị trí và quy mô công trình khai thác, sử dụng nước

HƯỚNG DẪN NỘI DUNG
BÁO CÁO HIỆN TRẠNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC BIỂN VÀ TÌNH
HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP

(đối với trường hợp đề nghị, gia hạn, điều chỉnh giấy phép)

A. BÁO CÁO HIỆN TRẠNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC VÀ TÌNH
HÌNH THỰC HIỆN GIẤY PHÉP.

MỞ ĐẦU

Trình bày tóm tắt các thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị gia hạn/điều chỉnh giấy phép và công trình khai thác, sử dụng nước biển gia hạn, điều chỉnh, bao gồm:

1. Tên chủ giấy phép; địa chỉ, điện thoại liên hệ,....
2. Giấy phép khai thác, sử dụng nước biển số.....do *(tên cơ quan cấp phép)* cấp ngày: tháng..... năm..... với thời hạn,...
3. Sơ lược về công trình khai thác, sử dụng nước biển và tình hình hoạt động của công trình.
4. Trình bày lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh.

Trường hợp điều chỉnh nội dung giấy phép mà chủ giấy phép có nhu cầu cấp lại giấy phép thì phải bổ sung lý do.

5. Trình bày các căn cứ, thông tin, số liệu sử dụng để lập báo cáo đề nghị gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép, đánh giá mức độ đầy đủ, tin cậy của tài liệu, thông tin, số liệu sử dụng.

6. Thuyết minh lĩnh vực hoạt động, điều kiện năng lực, kinh nghiệm của tổ chức/cá nhân lập báo cáo; danh sách, trình độ chuyên môn của các thành viên tham gia lập báo cáo.

I. Hiện trạng khai thác, sử dụng nước

1. Trình bày cụ thể về tình trạng hoạt động của công trình đến thời điểm lập báo cáo; những thay đổi của công trình trong quá trình vận hành (nếu có).

2. Trình bày lượng nước biển khai thác, sử dụng quy định trong giấy phép và lượng nước đã khai thác, sử dụng theo từng tháng/thời kỳ trong từng năm kể từ ngày được cấp phép đến thời điểm xin gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép theo các mục đích sử dụng khác nhau; tổng lượng nước khai thác, sử dụng của công trình.

3. Trình bày tình hình diễn biến mực nước, lưu lượng nước, chất lượng nguồn nước trong quá trình khai thác, sử dụng; hiện trạng hệ sinh thái thủy sinh trong khu vực khai thác, sử dụng nước.

4. Phân tích, đánh giá các tác động, ảnh hưởng của công trình và quá trình vận hành công trình đến nguồn nước, môi trường và các công trình khai thác, sử dụng nước khác trong khu vực và ngược lại.

(kèm theo bảng số liệu khai thác, sử dụng nước trong quá trình vận hành công trình).

II. Tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép đã được cấp

1. Đánh giá cụ thể tình hình thực hiện các quy định của giấy phép đã được cấp, bao gồm:

- a) Mục đích sử dụng nước.
- b) Lượng nước khai thác, sử dụng.
- c) Phương thức, chế độ khai thác, sử dụng nước, quy trình vận hành công trình...

2. Đánh giá tình hình thực hiện các yêu cầu theo quy định của giấy phép, gồm:

a) Việc quan trắc, giám sát quá trình khai thác, sử dụng nước biển, xả nước sau khi sử dụng, việc bảo vệ môi trường, hệ sinh thái dưới nước và ven bờ, nguồn nước khai thác, sử dụng của các đối tượng khác trong khu vực.

b) Việc thực hiện chế độ báo cáo, nghĩa vụ tài chính, các yêu cầu cụ thể khác của giấy phép và các nội dung đã cam kết trong hồ sơ đề nghị cấp phép.

III. Các kiến nghị liên quan đến gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy phép

1. Thuyết minh cụ thể các vấn đề tồn tại, phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng nước biển của công trình.

2. Trình bày lý do đề nghị gia hạn/điều chỉnh và các nội dung đề nghị điều chỉnh so với giấy phép đã được cấp. Đối với trường hợp điều chỉnh quy mô công trình, phương thức, chế độ khai thác, sử dụng nước, quy trình vận hành công trình thì phải bổ sung thêm nội dung đề án khai thác nước (*theo hướng dẫn tại mục B dưới đây*).

3. Trình bày kế hoạch khai thác, sử dụng nước trong thời gian đề nghị cấp phép.

4. Đánh giá tác động của việc điều chỉnh nội dung giấy phép đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác trong khu vực; các biện pháp giảm thiểu tác động và lộ trình thực hiện.

B. ĐỀ ÁN KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC BIỂN (*Bổ sung thêm nội dung đề án khai thác, sử dụng nước biển đối với trường hợp có điều chỉnh quy mô công trình, phương thức, chế độ khai thác, sử dụng nước, quy trình vận hành công trình*).

I. Nội dung đề nghị điều chỉnh

Trình bày nội dung đề nghị điều chỉnh (*quy mô công trình/phương thức/chế độ khai thác, sử dụng nước/quy trình vận hành công trình*); các căn cứ kiến nghị điều chỉnh.

II. Phương án điều chỉnh và kế hoạch khai thác, sử dụng nước biển

1. Đối với trường hợp điều chỉnh quy mô công trình: nêu rõ phương án điều chỉnh công suất, lưu lượng, lượng nước biển khai thác, sử dụng so với giấy phép đã được cấp.

2. Đối với trường hợp điều chỉnh phương thức, chế độ khai thác, sử dụng nước: nêu rõ phương án điều chỉnh các hạng mục, thông số của công trình, cách thức lấy nước, dẫn nước, sử dụng nước, xả nước sau khi sử dụng; thời gian lấy nước và chế độ vận hành công trình so với giấy phép đã được cấp.

3. Đối với trường hợp điều chỉnh quy trình vận hành công trình: nêu rõ nội dung, phương án điều chỉnh so với quy trình vận hành đã được phê duyệt.

4. Trình bày cụ thể kế hoạch khai thác, sử dụng nước biển theo các nội dung đề nghị điều chỉnh.

(kèm bảng tổng hợp các nội dung đề nghị điều chỉnh so với giấy phép đã được cấp)

III. Đánh giá tác động của việc điều chỉnh quy mô công trình/phương thức/chế độ khai thác, sử dụng nước/quy trình vận hành công trình và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực

1. Đánh giá tác động của việc điều chỉnh quy mô công trình/phương thức/chế độ khai thác, sử dụng nước/quy trình vận hành công trình đến nguồn nước, môi trường và hoạt động khác trong khu vực, bao gồm:

- Đánh giá tác động đến chất lượng nguồn nước mặt, nước ngầm ở khu vực ven biển chịu tác động của công trình.

- Đánh giá tác động đến nguồn nước khai thác, sử dụng (*cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, khu du lịch, giải trí ven biển, hoạt động giao thông thủy, bến cảng, nuôi trồng thủy sản ven biển,...*) của các đối tượng khác trong khu vực.

- Đánh giá tác động tới hệ sinh thái thủy sinh dưới nước và ven bờ, rừng ngập mặn, cảnh quan môi trường, chất lượng đất...

- Tác động do việc dẫn nước, xả nước sau khi sử dụng tới xói lở lòng, bờ và hoạt động của các đối tượng khác vùng cửa sông, ven biển (*nếu có*).

- Tác động tới hệ thống đê biển, đê cửa sông, các công trình bảo vệ bờ,...

2. Trình bày các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực và lộ trình thực hiện./.

7. Cấp lại giấy phép tài nguyên nước

7.1. Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất/khai thác, sử dụng nước dưới đất

- Bước 1: Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là Bộ phận Một cửa).

- Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Bộ phận Một cửa có trách nhiệm kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ và quyết định cấp phép:

Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp đủ điều kiện cấp lại giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp lại giấy phép.

+ Trường hợp không đủ điều kiện để cấp lại giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do không cấp lại giấy phép.

- Bước 4. Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.

b) Cách thức thực hiện:

- *Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Một cửa hoặc bản điện tử qua hệ thống cổng dịch vụ công trực tuyến.

- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép (đối với trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép).

+ Bộ phận Một cửa thông báo và trả giấy phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (đối với trường hợp đủ điều kiện cấp phép).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép.
- Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép.

d) Thời hạn giải quyết: 16 ngày làm việc

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định hồ sơ:* trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.

- *Thời hạn trả giấy phép:* trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kết quả thủ tục Cấp lại giấy phép tài nguyên nước (giấy phép thăm dò nước dưới đất/khai thác, sử dụng nước dưới đất) theo Mẫu 14 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 02/2023/NĐ- CP.

i) Phí thẩm định: Do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép: *Mẫu 09 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.*
- Giấy phép thăm dò nước dưới đất (cấp lại): *Mẫu 12 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.*
- Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất (cấp lại): *Mẫu 14 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP.*

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy phép được cấp lại trong các trường hợp sau đây:
 - + Giấy phép bị mất, bị rách nát, hư hỏng;
 - + Tên của chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do đổi tên, nhận chuyển nhượng, bàn giao, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức nhưng không có sự thay đổi các nội dung khác của giấy phép.

- Thời hạn ghi trong giấy phép được cấp lại là thời hạn còn lại theo giấy phép đã được cấp trước đó

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012.
- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

Mẫu 09

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP TÀI NGUYÊN NƯỚC**

Kính gửi: (1)

1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép.....(2)

1.1. **Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép:.....**

1.2. Địa chỉ:.....

1.3. Điện thoại: Fax: Email:

1.4. Giấy phép(3) số:..... ngày.....tháng.....năm.....
do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp.

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: (4)

3. Giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép.
- Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan.

4. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép:

- (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép) cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép) cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

- (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép) kiến nghị các nội dung cấp lại giấy phép đối với cơ quan cấp phép (nếu có).

Đề nghị (cơ quan cấp phép) xem xét cấp lại Giấy phép.....(3)
cho (tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép)/.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐƠN:

- (5) Tên cơ quan cấp phép: Ghi Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp tỉnh/Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh (*theo quy định tại Điều 28 của Nghị định này*).
- (6) Là chủ giấy phép đối với trường hợp cấp lại theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 của Nghị định này; là tổ chức/cá nhân sau khi đổi tên, nhận chuyển nhượng, bàn giao, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức nhưng không có sự thay đổi các nội dung khác của giấy phép theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 của Nghị định này.
- (7) Tên loại giấy phép (*giấy phép thăm dò nước dưới đất/khai thác, sử dụng nước dưới đất/khai thác, sử dụng nước mặt/khai thác, sử dụng nước biển*).
- (8) Trình bày rõ lý do đề nghị cấp lại giấy phép.

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày.....tháng.... năm....

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(Gia hạn/điều chỉnh/cấp lại)**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan cấp phép;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ

Xét Đơn đề nghị (*gia hạn/điều chỉnh/cấp lại*) giấy phép thăm dò nước dưới đất của (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) ngày.....tháng....năm...và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*), địa chỉ tại (*đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ hộ khẩu thường trú*) thăm dò nước dưới đất theo đề án (*tên đề án*), với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích thăm dò:.....

2. Quy mô thăm dò:

3. Vị trí công trình thăm dò (*ghi rõ địa chỉ cụ thể hoặc thôn/ấp....xã/phường. , huyện/quận..., tỉnh/thành phố. , nơi bố trí công trình thăm dò; trường hợp công trình thăm dò bố trí trong nhiều đơn vị hành chính thì ghi cụ thể các đơn vị hành chính nơi đặt các công trình thăm dò và tọa độ các điểm góc giới hạn phạm vi bố trí công trình thăm dò theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực, múi chiếu*).

(*có sơ đồ bố trí công trình thăm dò kèm theo*)

4. Tầng chứa nước thăm dò:.....

5. Khối lượng các hạng mục thăm dò chủ yếu gồm:

(*có bảng tổng hợp khối lượng thăm dò kèm theo*).

6. Thời hạn của giấy phép là 01 năm (*đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép*)/giấy phép có hiệu lực đến(*đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh giấy phép hoặc cấp lại giấy phép*).

Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với (*tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép*):

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;

2. Thực hiện việc lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định (*đối với trường hợp công trình có quy mô từ 12.000 m³/ngày đêm trở lên và không có yếu tố bí mật quốc gia*);

3. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 14 của Nghị định này;

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến thiết kế, thi công công trình thăm dò;

.....

Điều 3. Cục Quản lý tài nguyên nước/Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài nguyên dùng chung của trung ương và địa phương.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày và thay thế Giấy phép thăm dò nước dưới đất số....., ngày... tháng.... năm do (*tên cơ quan cấp phép*) cấp. (*Thủ trưởng tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép, thủ trưởng các đơn vị liên quan*) căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...;
-
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép; cơ quan trình cấp phép.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP
(*ký, ghi họ tên, đóng dấu*)

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày..... tháng..... năm...

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(Gia hạn/điều chỉnh/cấp lại lần....)****THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP**

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số ngày tháng năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường (*trường hợp cơ quan cấp phép là Bộ Tài nguyên và Môi trường*)/Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày tháng năm (*trường hợp cơ quan cấp phép là UBND cấp tỉnh*);

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ

Xét Đơn đề nghị (*gia hạn/điều chỉnh/cấp lại*) giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*) ngày...tháng...năm...và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước (*trường hợp cơ quan cấp phép là Bộ Tài nguyên và Môi trường*)/Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (*trường hợp cơ quan cấp phép là UBND cấp tỉnh*).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (*tên tổ chức/cá nhân*), địa chỉ tại (*đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ hộ khẩu thường trú*) được khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước:.....
2. Vị trí công trình khai thác nước dưới đất (*ghi rõ địa chỉ cụ thể hoặc thôn/ấp.....xã/phường....huyện/quận....tỉnh/thành phố....., nơi bố trí công trình khai thác nước dưới đất; trường hợp công trình khai thác bố trí trong nhiều đơn vị hành chính thì ghi cụ thể số lượng giếng khai thác trên từng đơn vị hành chính*).
3. Tầng chứa nước khai thác (*ghi rõ tầng chứa nước khai thác; trường hợp khai thác nước dưới đất trong nhiều tầng chứa nước thì ghi rõ lưu lượng khai thác trong từng tầng chứa nước*).
4. Tổng số giếng khai thác (*ghi rõ số lượng giếng khai thác hoặc số hố đào/hành lang/mạch lộ/hang động; trường hợp khai thác nước dưới đất trong nhiều tầng chứa nước thì ghi rõ số lượng giếng trong từng tầng chứa nước*).

5. Tổng lưu lượng nước khai thác:.....($m^3/ngày đêm$); trường hợp khai thác nước dưới đất để cấp nước cho nhiều mục đích thì ghi rõ lưu lượng để cấp cho từng mục đích.

6. Thời hạn của giấy phép là.....năm (đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép)/ giấy phép có hiệu lực đến.....(đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh hoặc cấp lại giấy phép).

7. Chế độ khai thác.....ngày/năm.

8. Vị trí toạ độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu	Toạ độ (VN2000, kinh tuyến trục...., múi chiếu....,)		Lưu lượng ($m^3/ngày đêm$)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y		Từ	Đến		

(có sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước kèm theo)

Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với (tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép):

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;

2. Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định;

3. Thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác theo quy định (nếu có);

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định;

5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước;

6. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo), tổng hợp báo cáo (tên cơ quan cấp phép) về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định tại khoản 2 Điều này;

.....

Điều 3. Cục Quản lý tài nguyên nước/Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài nguyên dùng chung của trung ương và địa phương; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất của công trình này.

Điều 4. (Tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép) được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày và thay thế Giấy phép khai thác nước dưới đất số...ngày...tháng... năm... do (tên cơ quan cấp phép) cấp. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu (tên tổ chức/cá nhân

được cấp giấy phép) còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố.....;
- Cục thuế tỉnh/thành phố..... ;
-
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép, cơ quan trình cấp phép.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

7.2. Cấp lại giấy phép khai thác sử dụng nước mặt, nước biển

- Bước 1: Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là Bộ phận Một cửa).

- Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Bộ phận Một cửa có trách nhiệm kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ; chuyển hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ và quyết định cấp phép:

Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.

+ Trường hợp đủ điều kiện cấp lại giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp lại giấy phép.

+ Trường hợp không đủ điều kiện để cấp lại giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do không cấp lại giấy phép.

- Bước 4. Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận giấy phép.

b) Cách thức thực hiện:

- *Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc bản điện tử qua hệ thống công dịch vụ công trực tuyến đến Bộ phận Một cửa.

- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép (đối với trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép) hoặc nội dung đề án chưa đạt yêu cầu, phải làm lại (đối với trường hợp phải lập lại).

+ Bộ phận Một cửa thông báo và trả giấy phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (đối với trường hợp đủ điều kiện cấp phép).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép.
- Tài liệu chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (nếu có).
- Bản sao giấy phép đã được cấp.

d) Thời hạn giải quyết: 16 ngày làm việc

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ:* Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.

- *Thời hạn thẩm định hồ sơ:* Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.

- *Thời hạn trả giấy phép:* Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ phận Một cửa thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kết quả thủ tục Cấp lại giấy phép khai thác sử dụng nước mặt, nước biển cấp theo Mẫu số 16 và Mẫu số 18 Phụ lục của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép: *Mẫu 09 Phụ lục của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.*

- Mẫu Giấy phép (cấp lại) khai thác, sử dụng nước mặt: *Mẫu 16 Phụ lục của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.*

- Mẫu Giấy phép (cấp lại) khai thác, sử dụng nước biển: *Mẫu 18 Phụ lục của Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.*

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép được cấp lại trong các trường hợp sau đây:

- Giấy phép bị mất, bị rách nát, hư hỏng;
- Tên của chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do đổi tên, nhận chuyển nhượng, bàn giao, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức nhưng không có sự

thay đổi các nội dung khác của giấy phép.

Thời hạn ghi trong giấy phép được cấp lại là thời hạn còn lại theo giấy phép đã được cấp trước đó.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật tài nguyên nước năm 2012.
- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP TÀI NGUYÊN NƯỚC**

Kính gửi: (1)

1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép.....(2)

1.1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép:

1.2. Địa chỉ:

1.3. Điện thoại:..... Fax:..... Email:

1.4. Giấy phép.....(3) số:..... ngày..... tháng..... năm do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp.

2. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: (4)

3. Giấy tờ, tài liệu nộp kèm theo đơn này gồm có:

- Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép.
- Các giấy tờ, tài liệu khác có liên quan.

4. Cam kết của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép:

- (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép) cam đoan các nội dung, thông tin trong Đơn này và các giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép) cam kết chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Giấy phép và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quy định của pháp luật có liên quan.

- (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép) kiến nghị các nội dung cấp lại giấy phép đối với cơ quan cấp phép (nếu có).

Đề nghị (cơ quan cấp phép) xem xét cấp lại Giấy phép.....

(3) cho (tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép)./.

....., ngày.... tháng..... năm

Tổ chức/cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép
Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

(1) Tên cơ quan cấp phép: Ghi Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp tỉnh/Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tỉnh *(theo quy định tại Điều 28 của Nghị định này)*.

- (2) Là chủ giấy phép đối với trường hợp cấp lại theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 của Nghị định này; là tổ chức/cá nhân sau khi đổi tên, nhận chuyển nhượng, bàn giao, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức nhưng không có sự thay đổi các nội dung khác của giấy phép theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 của Nghị định này.
- (3) Tên loại giấy phép (*giấy phép thăm dò nước dưới đất/khai thác, sử dụng nước dưới đất/ khai thác, sử dụng nước mặt/khai thác, sử dụng nước biển*).
- (4) Trình bày rõ lý do đề nghị cấp lại giấy phép.

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC MẶT
(Gia hạn/điều chỉnh/cấp lại lần ...)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số ngày tháng năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường (*trường hợp cơ quan cấp phép là Bộ Tài nguyên và Môi trường*)/Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày tháng năm (*trường hợp cơ quan cấp phép là UBND cấp tỉnh*);

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ (1);

Xét Đơn đề nghị (*gia hạn/điều chỉnh/cấp lại*) giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị*) ngày...tháng... năm. và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước (*trường hợp cơ quan cấp phép là Bộ Tài nguyên và Môi trường*)/Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (*trường hợp cơ quan cấp phép là UBND cấp tỉnh*).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (*tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép*), địa chỉ tại (*đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ hộ khẩu thường trú*) khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung sau:

1. Tên công trình
2. Mục đích khai thác, sử dụng nước:(2)
3. Nguồn nước khai thác sử dụng: (3)
4. Vị trí các hạng mục chính của công trình khai thác, sử dụng nước:.....(4)
5. Chế độ khai thác..... (5)
6. Lượng nước khai thác, sử dụng:(6)

7. Phương thức khai thác, sử dụng nước:.....(7)

8. Thời hạn của giấy phép là năm (đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép)/ giấy phép có hiệu lực đến (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh hoặc cấp lại giấy phép).

Điều 2. Các yêu cầu đối với (tên tổ chức, cá nhân được cấp phép).....(8)

Điều 3. Cục Quản lý tài nguyên nước/Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài nguyên dùng chung của trung ương và địa phương; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước mặt của công trình này.

Điều 4. (Tên tổ chức, cá nhân được cấp phép) được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày và thay thế Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số.... ngày... tháng.... năm do (tên cơ quan cấp phép) cấp. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu (tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép) còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước mặt như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...;
- Cục thuế tỉnh/thành phố..... ;
-
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép, cơ quan trình cấp phép.

(1) Ghi các căn cứ khác liên quan (nếu có).

(2) Nêu rõ mục đích khai thác, sử dụng nước; trường hợp công trình sử dụng nước đa mục tiêu thì ghi rõ từng mục đích sử dụng (cấp nước tưới, sinh hoạt, công nghiệp, phát điện, nuôi trồng thủy sản.) và ghi rõ nhiệm vụ cấp nước trực tiếp/tao nguồn.

(3) Ghi tên sông/suối/kênh/rạch/hồ/ao/đầm/phá; nêu rõ sông/suối là phụ lưu, phân lưu, thuộc hệ thống sông...

(4) Ghi rõ tên địa danh (thôn/ấp, xã, huyện, tỉnh/thành phố) nơi xây dựng công trình; tọa độ của điểm lấy nước (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiều 3°). Đối với công trình thủy điện ghi tọa độ tim tuyến đập, cửa lấy nước, nhà máy, điểm xả nước.

(5) Ghi số giờ lấy nước trung bình trong ngày, số ngày lấy nước trung bình theo tháng/mùa vụ/năm.

(6) Ghi lượng nước khai thác, sử dụng lớn nhất cho từng mục đích sử dụng theo từng thời kỳ trong ngày/ tháng/ mùa vụ/ năm và tổng lượng nước sử dụng trong năm. Trong đó:

- Lượng nước khai thác sử dụng cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản tính bằng m^3/s ;

- Lượng nước qua nhà máy thủy điện tính bằng m^3/s ; công suất lắp máy tính bằng MW.

- Lượng nước khai thác, sử dụng cho các mục đích khác tính bằng $m^3/ngày đêm$.

(7) Ghi rõ cách thức lấy nước, dẫn nước, chuyển nước về nơi sử dụng bằng các hạng mục công trình và quy trình vận hành công trình.

(8) Các yêu cầu cụ thể theo giấy phép đã được cấp và đã được điều chỉnh, bổ sung phù hợp trong thời gian hiệu lực của giấy phép (*yêu cầu về: chất lượng nguồn nước khai thác, bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau công trình, lắp đặt thiết bị, đo đạc, giám sát quá trình khai thác, sử dụng nước; nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, chế độ báo cáo; biện pháp giảm thiểu tác động của công trình đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng sử dụng nước khác có liên quan; các yêu cầu khác nếu có*).

TÊN CƠ QUAN CẤP PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / ngày tháng năm

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC BIỂN
(Gia hạn/điều chỉnh/cấp lại lần ...)**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan cấp phép;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ

Xét Đơn đề nghị (gia hạn/điều chỉnh/cấp lại) giấy phép khai thác, sử dụng nước biển của (tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép) ngày...tháng...năm... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (tên tổ chức/cá nhân đề nghị cấp phép), địa chỉ tại (đối với tổ chức ghi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập; đối với cá nhân ghi theo địa chỉ hộ khẩu thường trú) khai thác, sử dụng nước biển với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình:
2. Mục đích khai thác, sử dụng nước biển: (2)
3. Vị trí các hạng mục chính của công trình khai thác, sử dụng:.....(3)
4. Lượng nước khai thác, sử dụng: (4)
5. Chế độ khai thác..... (5)
6. Phương thức khai thác, sử dụng:.....(6)
7. Thời hạn của giấy phép là năm (đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép)/ giấy phép có hiệu lực đến (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh hoặc cấp lại giấy phép).

Điều 2. Các yêu cầu đối với (tên tổ chức, cá nhân được cấp phép)(7)

Điều 3. Cục Quản lý tài nguyên nước/Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài

nguyên dùng chung của trung ương và địa phương; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước mặt của công trình này.

Điều 4. *(tên tổ chức, cá nhân được cấp phép)* được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực từ ngày và thay thế Giấy phép khai thác nước biên số...ngày....tháng... năm... do *(tên cơ quan cấp phép)* cấp. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu *(tên tổ chức/cá nhân được cấp giấy phép)* còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước biên như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- (Tên chủ giấy phép);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố....;
- Cục thuế tỉnh/ thành phố...;
-
- Lưu: VT, hồ sơ cấp phép; cơ quan trình cấp phép.

-
- (1) Ghi các căn cứ khác liên quan (nếu có).
 - (2) Nêu rõ các mục đích khai thác, sử dụng nước biển.
 - (3) Ghi rõ tên địa danh (thôn/ấp, xã, huyện, tỉnh/thành phố) nơi xây dựng công trình khai thác, sử dụng nước biển; tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực, múi chiếu 3°) cửa lấy nước ngoài biển, vị trí xả nước vào nguồn tiếp nhận.
 - (4) Lưu lượng khai thác nước lớn nhất (m^3/s), lượng nước khai thác lớn nhất theo ngày ($m^3/ngày\ đêm$) và theo năm ($m^3/năm$).
 - (5) Ghi số giờ lấy nước trung bình trong ngày, số ngày lấy nước trung bình theo tháng/mùa vụ/năm.
 - (6) Ghi cách thức lấy nước, dẫn nước biển về nơi sử dụng bằng các hạng mục công trình và quy trình vận hành công trình.
 - (7) Các yêu cầu cụ thể đối với từng trường hợp khai thác, sử dụng nước do cơ quan cấp phép quy định (yêu cầu về: chất lượng nguồn nước khai thác, lắp đặt thiết bị, đo đạc, giám sát quá trình khai thác, sử dụng nước, xả nước; chế độ báo cáo; biện pháp giảm thiểu tác động của công trình đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng sử dụng nước khác có liên quan, các yêu cầu khác nếu có).

B. Thủ tục hành chính cấp huyện

I. Thủ tục hành chính ban hành mới

1. Thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất

a) Trình tự thực hiện:

Cơ quan xác nhận đăng ký khai thác nước dưới đất là Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 17 Nghị định 02/2023/NĐ-CP.

- Căn cứ Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát, lập danh sách tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất thuộc diện phải đăng ký trên địa bàn; thông báo và phát 02 tờ khai đăng ký theo Mẫu 35 Nghị định 02/2023/NĐ-CP cho tổ chức, cá nhân để kê khai.

Trường hợp chưa xây dựng công trình khai thác nước dưới đất, tổ chức, cá nhân phải thực hiện việc đăng ký khai thác trước khi tiến hành xây dựng công trình.

- Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hoàn thành hai (02) tờ khai và nộp cho cơ quan xác nhận đăng ký hoặc nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai cho cơ quan xác nhận đăng ký.

- Cơ quan xác nhận đăng ký có trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận vào tờ khai và gửi 01 bản cho tổ chức, cá nhân.

Trường hợp tổ chức, cá nhân đã đăng ký khai thác nước dưới đất, nếu không tiếp tục khai thác, sử dụng thì phải thông báo và trả tờ khai (đã được xác nhận) cho cơ quan xác nhận đăng ký hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã để báo cho cơ quan xác nhận đăng ký và thực hiện việc trám, lấp giếng không sử dụng theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

- *Nộp hồ sơ:* Ủy ban nhân dân cấp xã phát trực tiếp tờ khai cho tổ chức, cá nhân; Tổ chức cá nhân nộp tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan xác nhận đăng ký.

- *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:* Cơ quan xác nhận đăng ký gửi một (01) bản tờ khai đã được xác nhận cho tổ chức, cá nhân.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm

Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất: Mẫu 35 Nghị định 02/2023/NĐ-CP.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc

- Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hoàn thành hai (02) tờ khai và nộp cho cơ quan xác nhận đăng ký hoặc nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân, cơ quan xác nhận đăng ký có trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận và trả tờ khai và gửi một (01) bản cho tổ chức, cá nhân.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Ủy ban nhân dân huyện.
- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Ủy ban nhân dân huyện/xã.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kết quả thực hiện thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất theo Mẫu 35 Phụ lục Nghị định 02/2023/NĐ-CP.

h) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012.
- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

(*đối với trường hợp khai thác, sử dụng nước cho: ăn uống, sinh hoạt hộ gia đình; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc các mục đích khác*)

A - PHẦN DÀNH CHO TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đăng ký:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân:

(*Đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/số định danh cá nhân*).

1.2. Địa chỉ liên hệ:

1.3. Số điện thoại liên hệ:

2. Thông tin về công trình khai thác:

2.1. Vị trí công trình:

(*Ghi rõ thôn/ấp; xã/phường; quận/huyện; tỉnh/thành phố nơi đặt công trình khai thác nước dưới đất*)

2.2. Số giếng khai thác:(m); Chiều sâu khai thác: (m)

2.3. Lượng nước khai thác, sử dụng:(m³/ngày đêm);

2.4. Mục đích khai thác, sử dụng nước:

(*Ghi rõ khai thác, sử dụng nước cho: ăn uống, sinh hoạt hộ gia đình; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc các mục đích khác*)

....., ngày tháng năm

Tổ chức/cá nhân đăng ký

Ký, ghi rõ họ tên (đóng dấu nếu có)

**B - PHẦN XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
QUẢN LÝ**
(Xác nhận, ký, đóng dấu)

Cơ quan đăng ký khai thác nước dưới đất xác nhận các nội dung sau:

1. Tính xác thực về tư cách pháp nhân của tổ chức / cá nhân xin đăng ký.
2. Vị trí công trình, lưu lượng khai thác và mục đích sử dụng nước.
3. Quy định trường hợp không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất thì thông báo trực tiếp và trả tờ khai cho cơ quan tiếp nhận quản lý; thực hiện việc trám, lấp giếng theo quy định khi không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất; thông báo ngay cho cơ quan quản lý khi có sự cố nghiêm trọng xảy ra trong quá trình khai thác nước dưới đất tại công trình đăng ký.

2. Lấy ý kiến cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân liên quan do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lấy ý kiến

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ:

Chủ đầu tư dự án gửi văn bản lấy ý kiến kèm theo hồ sơ (theo khoản 3 Điều 2 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023) đến Ủy ban nhân dân cấp huyện và Phòng Tài nguyên môi trường cấp huyện.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:

Phòng Tài nguyên môi trường cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ; hướng dẫn bổ sung hồ sơ nếu chưa hợp lệ, chưa đầy đủ.

- Bước 3: Thực hiện lấy ý kiến và ra văn bản trả lời:

Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp, gửi văn bản xin ý kiến hoặc đối thoại trực tiếp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng; tổng hợp ý kiến trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt ra văn bản trả lời.

- Bước 4. Trả kết quả:

Phòng Tài nguyên môi trường cấp huyện gửi văn bản trả lời cho Chủ dự án.

b) Cách thực thực hiện:

- Nộp hồ sơ: Chủ đầu tư dự án gửi văn bản lấy ý kiến kèm theo hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và Phòng Tài nguyên môi trường cấp huyện.

- Thực hiện lấy ý kiến và ra văn bản trả lời: Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức lấy ý kiến, chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp bổ sung các số liệu, báo cáo, thông tin về dự án nếu các cơ quan có yêu cầu và trực tiếp báo cáo, thuyết minh, giải trình tại các cuộc họp lấy ý kiến để làm rõ các vấn đề liên quan đến dự án. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý. Văn bản góp ý và tổng hợp tiếp thu, giải trình là thành phần của hồ sơ dự án khi trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt ra văn bản trả lời.

- Trả kết quả: Phòng Tài nguyên môi trường cấp huyện gửi văn bản trả lời cho Chủ dự án.

c) Thành phần, hồ sơ:

- Thuyết minh và thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình (báo cáo nghiên cứu khả thi) kèm theo tờ trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định dự án;

- Kế hoạch triển khai xây dựng công trình;

- Tiến độ xây dựng công trình;

- Dự kiến tác động của việc khai thác, sử dụng nước và vận hành công trình đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác có khả năng bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành công trình, thời gian công trình không vận hành;

- Các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, đảm bảo nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác có khả năng bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành công trình, thời gian công trình không vận hành;

- Các thông tin quy định tại khoản 1 điều 3 của Nghị định số 02/2023/NĐ- CP của Chính phủ ngày 01/02/2023;

- Các số liệu, tài liệu khác liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

- Quy mô, phương án chuyển nước (đối với dự án có chuyển nước).

d) Thời hạn giải quyết:

* Đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh:

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp hoặc đối thoại trực tiếp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng; tổng hợp ý kiến trình Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi cho chủ đầu tư.

* Đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh:

- Trong thời hạn bốn mươi (40) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với các cơ quan, tổ chức có liên quan cho ý kiến về quy mô, phương án chuyển nước đề xuất hoặc đối thoại trực tiếp với chủ đầu tư tổng hợp ý kiến và gửi cho chủ đầu tư..

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời xin ý kiến.

h) Kinh phí: Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do chủ dự án chi trả.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2012.

- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/02/2023 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.